

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC**



HOÀNG THANH TÙNG

**HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI
AGRIBANK CHI NHÁNH TỪ LIÊM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

HÀ NỘI, 2024

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC**



HOÀNG THANH TÙNG

**HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI
AGRIBANK CHI NHÁNH TỪ LIÊM**

Chuyên ngành: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Mã số: 22CH0000005

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Người hướng dẫn khoa học: Tiến sĩ Nguyễn Tổ Tâm

HÀ NỘI, 2024

LỜI CẢM ƠN

Được sự phân công của Khoa Sau Đại học – Đại học Điện lực và sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn TS. Nguyễn Tố Tâm, tôi đã thực hiện đề tài “*Hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm*”.

Để hoàn thành luận văn này. Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo đã tận tình hướng dẫn, giảng dạy trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và rèn luyện tại trường Đại học Điện lực.

Xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn TS. Nguyễn Tố Tâm đã tận tình, chu đáo hướng dẫn tôi thực hiện khóa luận này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng để thực hiện đề tài một cách hoàn chỉnh nhất. Song do buổi đầu mới làm quen với công tác nghiên cứu khoa học, tiếp cận với thực tế cũng như hạn chế về kinh nghiệm nên không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định mà bản thân chưa thấy được. Tôi rất mong sự đóng góp của quý thầy cô giáo và các bạn đồng nghiệp để khóa luận hoàn chỉnh hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng:

Số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là hoàn toàn trung thực và chưa từng được sử dụng và công bố trong bất cứ công trình nào khác.

Mọi sự giúp đỡ trong việc thực hiện luận văn này đã được cảm ơn và thông tin trích dẫn trong luận văn đều được ghi rõ nguồn gốc.

Tác giả luận văn

Hoàng Thanh Tùng

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ BIỂU ĐỒ

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

GIỚI THIỆU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	8
1. Tín dụng	8
<i>1.1 Khái niệm tín dụng và phân loại tín dụng.....</i>	<i>8</i>
<i>1.1.1 Khái niệm về tín dụng:</i>	<i>8</i>
<i>1.1.2.Vai trò của tín dụng:.....</i>	<i>9</i>
<i>1.1.3. Phân loại tín dụng.....</i>	<i>10</i>
<i>1.2. Khái niệm rủi ro tín dụng và phân loại rủi ro tín dụng</i>	<i>11</i>
<i>1.2.1. Khái niệm rủi ro tín dụng.....</i>	<i>11</i>
<i>1.2.2. Phân loại rủi ro tín dụng</i>	<i>13</i>
<i>1.2.3. Những dấu hiệu của rủi ro tín dụng.....</i>	<i>20</i>
<i>1.2.4. Hậu quả của rủi ro tín dụng:.....</i>	<i>22</i>
<i>1.2.5. Chỉ tiêu đánh giá rủi ro tín dụng.....</i>	<i>24</i>
<i>1.3. Quản trị rủi ro và sự cần thiết phải rủi ro tín dụng</i>	<i>25</i>
<i>1.3.1. Quan niệm về quản trị rủi ro tín dụng.....</i>	<i>25</i>
<i>1.3.2. Sự cần thiết phải rủi ro tín dụng</i>	<i>26</i>
2. Nội dung quản trị rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại	28

2.1. Nhận biết rủi ro.....	28
2.2. Đo lường rủi ro tín dụng.....	29
2.3. Ứng phó rủi ro	30
2.4. Kiểm soát rủi ro tín dụng	34
2.5. Tài trợ tổn thất.....	35
3. Mô hình quản lý rủi ro tín dụng.....	36
3.1. Mô hình quản lý rủi ro tín dụng tập chung.....	37
3.2. Mô hình quản lý rủi ro tín dụng phân tán.....	37
4. Kinh nghiệm quản trị rủi ro tín dụng của một số NHTM và bài học đúc kết.....	38
4.1. Kinh nghiệm của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hùng Vương	38
4.2. Kinh nghiệm của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam.....	44
4.3. Kinh nghiệm từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Thọ.....	49
4.4. Bài học kinh nghiệm:.....	49
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	52
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG AGRIBANK CHI NHÁNH TỪ LIÊM.....	53
2.1. Giới thiệu khái quát về Agribank chi nhánh Từ Liêm.....	53
2.1.1. Lịch sử ra đời và phát triển.....	53
2.1.2. Chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức.....	54
2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh và tín dụng của Agribank chi nhánh Từ Liêm.....	57
2.3. Thực trạng hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm.....	59
2.3.1. Chính sách tín dụng và quy trình nghiệp vụ tín dụng tại Agribank	

<i>chi nhánh Từ Liêm.....</i>	<i>59</i>
2.3.2. <i>Thực trạng tín dụng và rủi ro tín dụng tại chi nhánh Từ Liêm.....</i>	<i>69</i>
2.3.3. <i>Đánh giá ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong Quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm.....</i>	<i>94</i>
2.4. <i>Nguyên nhân hạn chế trong quản trị rủi ro tại chi nhánh Từ Liêm.....</i>	<i>97</i>
2.4.1. <i>Nguyên nhân khách quan.....</i>	<i>97</i>
2.4.2. <i>Nguyên nhân chủ quan.....</i>	<i>99</i>
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	105
Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG AGRIBANK CHI NHÁNH TỪ LIÊM.....	107
3.1. <i>Định hướng quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm</i>	<i>107</i>
3.1.1. <i>Định hướng phát triển của Agribank và chi nhánh Từ Liêm trong thời gian tới và thách thức đặt ra.....</i>	<i>107</i>
3.1.2. <i>Định hướng quản trị rủi ro tín dụng của AGRIBANK.....</i>	<i>108</i>
3.2. <i>Một số giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank Chi nhánh Từ Liêm</i>	<i>109</i>
3.2.1. <i>Hoàn thiện hệ thống chính sách quản trị rủi ro tín dụng.....</i>	<i>110</i>
3.2.2. <i>Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản trị rủi ro tín dụng.....</i>	<i>110</i>
3.2.3. <i>Nâng cao chất lượng công tác thẩm định... ..</i>	<i>110</i>
3.2.4. <i>Giám sát toàn diện rủi ro tín dụng và nâng cao hiệu quả xử lý nợ xấu.....</i>	<i>111</i>
3.2.5. <i>Nâng cao chất lượng công tác thông tin phòng ngừa rủi ro tín dụng.....</i>	<i>112</i>

3.2.6. Tăng cường quản trị danh mục tài sản đảm bảo.....	113
3.2.7. Sử dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro.....	114
3.2.8. Phát triển hệ thống công nghệ thông tin.....	116
3.3. Khuyến nghị thực hiện các giải pháp	117
3.3.1. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước.....	117
3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Agribank.....	118
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	121
KẾT LUẬN	121
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	124
- Tài liệu tiếng Việt	
- Tài liệu tiếng Anh	
- Tài liệu trên trang Web	

DANH MỤC CÁC BẢNG

TÊN BẢNG	NỘI DUNG	TRANG SỐ
Bảng 2.1	Tình hình nguồn vốn của Agribank Từ Liêm	74
Bảng 2.2	Tình hình dư nợ tại Agribank Từ Liêm	74
Bảng 2.3	Cơ cấu dư nợ tín dụng theo kỳ hạn của Agribank chi nhánh Từ Liêm	77
Bảng 2.4	Kết cấu dư nợ theo thành phần kinh tế Agribank Từ Liêm	79
Bảng 2.5	Tình hình dư nợ có tài sản đảm bảo ngân hàng Agribank Từ Liêm	82
Bảng 2.6	Hiệu suất sử dụng vốn của Agribank chi nhánh Từ Liêm	83
Bảng 2.7	Doanh số cho vay theo thành phần kinh tế ngân hàng Agribank Chi nhánh Từ Liêm	84
Bảng 2.8	Doanh số thu nợ theo thời gian ngân hàng Agribank	85
Bảng 2.9	Hệ số thu nợ ngân hàng Agribank	86
Bảng 2.10	Vòng quay vốn tín dụng ngân hàng Agribank	87
Bảng 2.11	Thu nhập từ hoạt động tín dụng ngân hàng Agribank	88
Bảng 2.12	Tỷ lệ nợ quá hạn ngân hàng Agribank chi nhánh Từ Liêm	89
Bảng 2.13	Bảng nợ xấu Agribank chi nhánh Từ Liêm	90
Bảng 2.14	Nợ xấu phân theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN	91

DANH MỤC SƠ ĐỒ BIỂU ĐỒ

TÊN BẢNG	NỘI DUNG	TRANG SỐ
Bảng 1	Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Hội sở chi nhánh	55
Bảng 2	Sơ đồ mạng lưới chi nhánh Agribank Chi nhánh Từ Liêm	56
Biểu đồ 2.2a	Tình hình dư nợ tín dụng tại Agribank Từ Liêm	75
Biểu đồ 2.2b	Kết cấu dư nợ tín dụng tại Agribank Từ Liêm	77
Biểu đồ 2.3	Biểu đồ nợ quá hạn	90
Biểu đồ 2.4	Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng Agribank	91

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Nguyên nghĩa
1	Agribank	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam
2	CN	Chi nhánh
3	DN	Doanh nghiệp
4	DPRR	Dự phòng rủi ro
5	HĐTV	Hội đồng thành viên
6	HTXHTSĐB	Hệ thống xếp hạng tài sản đảm bảo
7	NHNN	Ngân hàng Nhà nước
8	NHTM	Ngân hàng thương mại
9	NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần
10	NQH	Nợ quá hạn
11	QLRRTD	Quản lý rủi ro tín dụng
12	PGD	Phòng giao dịch
13	QTRR	Quản trị rủi ro
14	RRTD	Rủi ro tín dụng
15	TCTD	Tổ chức tín dụng
16	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
17	TSĐB	Tài sản đảm bảo
18	TSC	Trụ sở chính

I. GIỚI THIỆU

1. Lý do chọn đề tài:

Hoạt động kinh doanh ngân hàng là hoạt động chứa đựng rất nhiều rủi ro bởi nó liên quan đến loại hàng hóa đặc biệt đó là tiền, hoạt động kinh doanh đó dựa trên cơ sở là niềm tin giữa ngân hàng và khách hàng, giữa người gửi tiền vào ngân hàng và người tìm đến ngân hàng để vay vốn. Cũng chính bởi kinh doanh trên cơ sở niềm tin đó nên hoạt động tín dụng Ngân hàng cũng tồn tại những rủi ro, đó cũng là một điều tất yếu mà các tất cả các ngân hàng không thể loại bỏ hoàn toàn ra khỏi hoạt động kinh doanh của mình, buộc phải chấp nhận sự tồn tại của rủi ro và cố gắng tìm mọi phương thức để có thể hạn chế tới mức thấp nhất rủi ro này, đặc biệt là khi thế giới đang tiến dần tới giai đoạn toàn cầu hoá, các hoạt động của ngân hàng trở nên vô cùng phong phú và không chỉ giới hạn trong phạm vi quốc gia như trước đây mà còn hướng ra các thị trường quốc tế. Trong bối cảnh đó, các hoạt động tín dụng chứa đựng nhiều rủi ro hơn, yêu cầu có một phương thức để hoàn thiện dần việc quản trị rủi ro tín dụng cho thật hiệu quả là vấn đề trọng tâm luôn được đặt lên hàng đầu trong công cuộc đổi mới và phát triển của các ngân hàng hiện nay.

Trong những năm gần đây, kể từ năm 2010 đến nay hệ thống ngân hàng thương mại nước ta có nhiều biến động lớn. Nhiều vấn đề nổi cộm như nợ xấu gia tăng, tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, mua bán nợ, sát nhập các ngân hàng...và nhiều dấu hiệu cho thấy năm 2020, 2021, đầu năm 2022 vẫn là năm khó khăn cho các ngân hàng thương mại khi đại dịch Covid 19 tràn qua. Trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thì tín dụng luôn luôn đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với các ngân hàng thương mại, phần lớn thu nhập đem lại chủ yếu là từ hoạt động tín dụng. Tuy nhiên một vấn đề đặt ra đó là hoạt động tín dụng luôn đi kèm với những rủi ro tiềm tàng. Đó là loại hình rủi ro phổ biến nhất từ trước đến nay trong hoạt động kinh

doanh ngân hàng.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (tên giao dịch quốc tế là Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development, viết tắt là AGRIBANK) là một ngân hàng thương mại lớn và uy tín 100% vốn sở hữu của Nhà nước. Năm 2022 mặc dù hoạt động trong bối cảnh hết sức khó khăn, song với những kết quả đạt được đáng khích lệ, Agribank tiếp tục là lực lượng nòng cốt, dẫn dắt thị trường tín dụng nông nghiệp, nông thôn, góp phần đáng kể vào thành công chung của ngành Ngân hàng. Đến ngày 31/12/2022 tổng tài sản Có của Agribank đạt 1,87 triệu tỷ đồng, tăng 0,18 triệu tỷ tương ứng tăng 10,65% so với năm 2021. Tổng nguồn vốn đạt trên 1,71 triệu tỷ đồng, tăng 0,13 triệu tỷ đồng tương ứng tăng 8,2% so với năm 2021. Tổng dư nợ cho vay nền kinh tế (bao gồm ngoại tệ quy đổi) đạt trên 1,44 triệu tỷ đồng trong đó 65% dư nợ cho vay phục vụ phát triển “Tam nông”, tăng 8,8% đạt mục tiêu đề ra. Các tỷ lệ an toàn hoạt động đảm bảo quy định. Tuy nhiên năm 2022 được coi là năm đầy khó khăn đối với Agribank. Tính đến hết tháng 6/2022, Agribank có tỷ lệ nợ xấu cao nhất trong nhóm các ngân hàng thương mại nhà nước, theo số liệu của các tổ chức tín dụng báo cáo lên NHNN, khối nợ xấu của Ngân hàng Agribank 29.983 tỷ đồng - chiếm hơn 22,1% tổng nợ xấu của toàn hệ thống ngân hàng. Trong khi đó, các ngân hàng trước đây được tạm tính dẫn đầu về tỷ lệ nợ xấu như Sài Gòn Hà Nội – SHB (trên 9%) , Nam Việt – Navibank (6%) , Techcombank (5,2%) cũng chỉ bằng một phần mười của Agribank.

Toàn hệ thống Agribank nói chung và Agribank chi nhánh Từ Liêm nói riêng đang rất quan tâm đến vấn đề rủi ro tín dụng. Ngân hàng đã và đang thực hiện rất nhiều biện pháp để hạn chế rủi ro tín dụng. Tuy những biện pháp mà Ngân hàng đang thực hiện góp phần rất lớn trong việc quản trị rủi ro tín dụng, nhưng hiệu quả không thể triệt để và loại bỏ hoàn toàn nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu và nợ rủi ro của ngân hàng vẫn còn cao so với tổng dư nợ cho vay của chi nhánh.

Như vậy có thể thấy rằng công tác quản trị rủi ro tín dụng của Agribank đang chưa mang tính hiệu quả cao và cần được đánh giá lại một cách toàn diện để nhận diện được nguyên nhân và tìm cách khắc phục. Hay nói cách khác, thực trạng trên đòi hỏi Agribank phải tăng cường công tác quản trị rủi ro tín dụng của mình hơn nữa, đề ra các giải pháp kịp thời để hạn chế rủi ro, đảm bảo cho sự phát triển ổn định.

Xuất phát từ vấn đề đặt ra và tính cấp thiết của vấn đề, tôi đã quyết định chọn đề tài “*Hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm*” làm luận văn tốt nghiệp.

2. Tổng quan nghiên cứu:

Liên quan đến hướng đề tài đã có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước. Gần đây có thể kể đến là:

Trong bài viết Credit risk management fundamentals nguồn từ kết quả nghiên cứu tổng hợp của Công ty kiểm toán KPMG International (KPMG) đặt vấn đề về câu hỏi lớn nhất trong ngành ngân hàng là làm thế nào để đối phó với nợ xấu hiện tại và thế nào để đảm bảo rằng vấn đề nợ xấu không lặp lại trong tương lai.

Bài viết **Credit Risk Management trên creditprocessadvisors.com, 2010** đã đi vào bàn luận về quản lý rủi ro tín dụng thích hợp. Qua đó đưa ra những nhận định về quản lý rủi ro tín dụng thích hợp là gì? Và làm thế nào để cải thiện quản lý rủi ro tín dụng?

Trong cuốn sách *Managing Credit Risk* của Joshua Caval, Jakub Jurek, Erick Stafford đã xem xét ba khối xây dựng của quản lý rủi ro tín dụng - xác suất mặc định, tiếp xúc tại mặc định, mức thu hồi. Đồng thời cũng thảo luận ngắn gọn một số các kỹ thuật mô hình rủi ro tín dụng thường được sử dụng. Những kỹ thuật để ước tính khả năng mất trong một danh mục đầu tư rủi ro tín dụng trong một thời

gian được đưa ra tại một mức độ tin cậy nhất định. Nghiên cứu đã cung cấp một sự hiểu biết cao cấp về quản lý rủi ro tín dụng.

Các công trình nghiên cứu như: *“Kiểm soát tăng trưởng tín dụng đối với các NHTM Việt Nam, Tác động và biện pháp”* của TS Nguyễn Thị Loan (2011); *“Rủi ro tín dụng trong cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các chi nhánh Ngân hàng BIDV khu vực Đồng bằng sông Cửu Long”* của PGS.TS Lê Khương Ninh. Các công trình này cũng đã đề cập đến vấn đề tăng trưởng tín dụng, các nguy cơ dẫn đến rủi ro tín dụng và đưa ra các biện pháp để phòng ngừa rủi ro tín dụng cho các Ngân hàng thương mại.

Công trình: *“Tăng cường quản lý rủi ro tín dụng tại ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng”* của tác giả Nguyễn Thu Nga. Kết quả nghiên cứu của công trình này đã chỉ ra được thực trạng hoạt động tín dụng, những nguy cơ dẫn đến rủi ro tín dụng, thực trạng công tác quản lý rủi ro tín dụng và đã đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường QLRRTD tại VPBank.

Công trình: *“Rủi ro trong tín dụng chứng từ tại VPBank và các biện pháp phòng ngừa”* của tác giả Bế Quang Minh. Ở công trình này, tác giả đã chỉ ra thực trạng sử dụng các phương thức trong thanh toán quốc tế như chuyển tiền, nhờ thu, tín dụng chứng từ..., phân tích các rủi ro phát sinh trong hoạt động này và các giải pháp phòng ngừa rủi ro trong tín dụng chứng từ của VPBank.

Luận án tiến sỹ: *“Nâng cao năng lực quản trị RRTD tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam”*, 2016, Tạ Đình Long.

Đã hệ thống hóa các lý luận liên quan đến năng lực quản trị rủi ro trong các NHTM, thực hiện so sánh giữa những lý luận này với thực trạng của hoạt động quản trị RRTD tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam từ đó rút ra các giải pháp nâng cao năng lực quản trị RRTD tại Ngân hàng này.

Luận án đã nghiên cứu thực tiễn năng lực quản trị RRTD và những tồn tại, hạn chế của nó tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Đề xuất định hướng nâng cao năng lực quản trị RRTD tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và 7 giải pháp hoàn thiện. Nhìn chung, tác giả đã đưa ra được hệ thống lý luận về hoạt động quản trị RRTD tại các NHTM nói chung, đồng thời căn cứ trên thực tế phát sinh về hoạt động này tại Ngân hàng Nông nghiệp, tác giả đã có những đánh giá, nhận xét, trình bày các tiêu chí được sử dụng để đánh giá năng lực quản trị rủi ro tín dụng trong các ngân hàng thương mại, là tiền đề để đề xuất các giải pháp pháp phù hợp nhằm nâng cao năng lực quản trị RRTD của Ngân hàng Nông nghiệp.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về quản trị rủi ro tín dụng và có những thành công nhất định, nhưng các công trình nghiên cứu mới dừng lại ở những nghiên cứu tổng quan và chưa thực sự đi sâu vào phân tích những biến động hiện nay đối với rủi ro tín dụng các ngân hàng. Đặc biệt với cụ thể Ngân hàng Agribank chi nhánh Từ Liêm thì chưa có. Chính vì vậy tác giả đã chọn đề tài này để nghiên cứu. Đề tài sẽ đi vào nghiên cứu, tổng hợp lý thuyết về quản trị rủi ro tín dụng và phân tích thực trạng hoạt động tín dụng để từ đó đánh giá rút ra được bài học kinh nghiệm, đưa ra các giải pháp trong công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Từ Liêm.

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1 Mục tiêu nghiên cứu tổng quát

- Phân tích, đánh giá thực trạng và hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm

3.2. Mục tiêu nghiên cứu chi tiết

(i) Cơ sở lý luận về quản trị rủi ro tín dụng trong Ngân hàng thương mại

- (ii) Phân tích và đánh giá thực trạng hệ thống quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm
- (iii) Đưa ra các đề xuất giải pháp quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm.

4. Câu hỏi nghiên cứu:

- (1). Quản trị rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại bao gồm những nội dung nào?
- (2). Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng Agribank chi nhánh Từ Liêm được đánh giá về ưu điểm, hạn chế? Nguyên nhân của những hạn chế cũng như biện pháp để khắc phục là gì?

5. Đối tượng, phạm vi và nhiệm vụ nghiên cứu

*** *Đối tượng nghiên cứu:*** Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại.

*** *Phạm vi nghiên cứu:***

- Phạm vi không gian: Nghiên cứu quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm, nghiên cứu các trường hợp có nợ quá hạn, nợ xấu , nợ rủi ro điển hình tại chi nhánh.
- Phạm vi thời gian: nghiên cứu của đề tài là thực trạng hoạt động tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm từ năm 2019 đến năm 2022 , đề xuất giải pháp đến năm 2025.

*** *Nhiệm vụ nghiên cứu***

- Hệ thống hóa cơ bản lý luận về quản trị rủi ro tín dụng tại các Ngân hàng thương mại.
- Phân tích, đánh giá rủi ro tín dụng và công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Từ Liêm; phát hiện ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân trong hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Từ Liêm.
- Đề xuất các giải pháp tăng cường quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Agribank và chi nhánh Từ Liêm

6. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu bao gồm:

- * Nghiên cứu tại bàn: tổng quan tài liệu, dữ liệu thứ cấp (Văn bản, báo cáo, quy định,...)

- * Trao đổi và sử dụng ý kiến: Trao đổi với các cán bộ tín dụng của ngân hàng làm việc tại Agribank chi nhánh Từ Liêm làm việc tại phòng tín dụng và các phòng giao dịch trực thuộc có dư nợ cho vay.

- * Thảo luận nhóm: Đề tài sẽ mời một số cán bộ làm việc ở bộ phận tín dụng tại các Ngân hàng khác để trao đổi nhằm đánh giá tình hình và giải pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng.

7. Những đóng góp của nghiên cứu

Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về tín dụng và các rủi ro tín dụng trong Ngân hàng thương mại. Phân tích hệ thống để luận giải những tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tín dụng, cũng như biện luận về các nguyên nhân của những tồn tại đó. Trên cơ sở những tồn tại và những nguyên nhân đã làm rõ trong việc quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm, luận văn đề xuất các giải pháp mang tính đồng bộ để hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro tại Ngân hàng, nghiên cứu và góp phần nâng cao năng lực nhận biết và áp dụng trong công việc cho cán bộ viên chức của Agribank chi nhánh Từ Liêm và chi nhánh khác có thể tham khảo áp dụng.

8. Kết cấu của đề tài

Ngoài lời mở đầu và kết luận, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị rủi ro tín dụng trong các Ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Từ Liêm

Chương 3: Định hướng và một số giải pháp tăng cường quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Từ Liêm

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Tín dụng

1.1 Khái niệm tín dụng và phân loại tín dụng

1.1.1 Khái niệm về tín dụng:

Tín dụng là việc chuyển giao vốn dựa trên cơ sở tín nhiệm và theo nguyên tắc hoàn trả, theo đó người cho vay chuyển giao quyền sử dụng một lượng tài sản cho người vay trong thời hạn nhất định

Theo luật số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc hội thì cho vay là một hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

Vậy tín dụng ngân hàng là tín dụng do tổ chức tín dụng thực hiện. Với tư cách là một kênh cung ứng vốn cho nền kinh tế, trong quan hệ tín dụng Ngân hàng, các tổ chức tín dụng chuyển giao vốn cho tổ chức, cá nhân theo nguyên tắc hoàn trả (gốc và lãi tiền vay) dưới các hình thức cấp tín dụng: cho vay, bảo lãnh, cho thuê tài chính, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá ngắn hạn khác. Cũng như các quan hệ tín dụng khác, tín dụng ngân hàng chứa đựng ba nội dung:

- Có sự chuyển nhượng quyền sử dụng vốn từ người sở hữu sang cho người sử dụng.
- Sự chuyển nhượng này có thời hạn cụ thể.
- Sự chuyển nhượng này có kèm theo chi phí.

Tựu chung lại có thể nói tín dụng hay còn biết đến tên gọi là cho vay mượn thể hiện mối quan hệ vay nợ giữa người đi vay và người cho vay. Tín dụng là dịch vụ mà người đi vay mượn từ người vay một khoản tiền và tiến hành hoàn trả có kèm chi phí vay mượn chính là lãi suất tín dụng.

Tín dụng ngân hàng là mối quan hệ vay mượn giữa bên cho vay là Ngân hàng (hoặc tổ chức tín dụng hợp pháp) và bên đi vay là doanh nghiệp hay cá nhân có nhu cầu vay tiền. Khi đó bên vay không hoặc có sẽ cung cấp một tài sản có giá trị thế chấp cho bên cho vay trong thời hạn được thỏa thuận. Sau thời hạn vay mượn, bên vay có nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc, lãi, phí theo cam kết ban đầu.

1.1.2. Vai trò của tín dụng:

Vai trò của tín dụng được thể hiện như sau:

- Tín dụng cung ứng vốn cho nền kinh tế và góp phần thúc đẩy sản xuất lưu thông hàng hóa phát triển.

- Tín dụng là nguồn cung ứng vốn cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, là công cụ tập trung vốn một cách hữu hiệu trong nền kinh tế. Đối với doanh nghiệp, tín dụng góp phần cung ứng vốn bao gồm vốn lưu động, vốn đầu tư góp phần cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế có hiệu quả. Đối với hộ sản xuất, cá nhân, hợp tác xã, tín dụng là cầu nối giữa tiết kiệm và đầu tư. Đối với toàn xã hội, tín dụng làm tăng hiệu suất sử dụng vốn. Tất cả hợp lực và tác động lên đời sống kinh tế xã hội khiến tạo ra động lực phát triển rất mạnh mẽ, không có công cụ tài chính nào có thể thay thế được.

- Tín dụng góp phần ổn định tiền tệ, ổn định giá cả

Trong khi thực hiện chức năng tập trung và phân phối lại vốn, tín dụng đã góp phần làm giảm khối lượng tiền lưu hành trong nền kinh tế, đặc biệt là tiền mặt trong tay các tầng lớp dân cư, làm giảm áp lực lạm phát, nhờ vậy góp phần ổn định tiền tệ. Mặt khác, do cung ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh... làm cho sản xuất ngày càng phát triển, sản phẩm hàng hóa dịch vụ làm ra ngày càng nhiều, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội. Chính nhờ vậy tín dụng góp phần ổn định thị trường giá cả trong

nước...

- Tín dụng góp phần ổn định đời sống, tạo công ăn việc làm, ổn định trật tự xã hội

Một mặt, do tín dụng có tác dụng thúc đẩy nền kinh tế phát triển, sản xuất hàng hóa dịch vụ ngày càng nhiều làm thỏa mãn nhu cầu đời sống của người lao động, mặt khác do vốn tín dụng cung ứng đã tạo ra khả năng trong khai thác các tiềm năng sẵn có trong xã hội về tài nguyên thiên nhiên, về lao động, đất, rừng... Do đó có thể thu hút nhiều lực lượng lao động của xã hội để tạo ra lực lượng sản xuất mới, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định đời sống xã hội, tạo công ăn việc làm ổn định cũng chính là góp phần ổn định trật tự xã hội.

1.1.3. Phân loại tín dụng

Với cơ chế mở theo xu hướng toàn cầu hóa như hiện nay có rất nhiều các tổ chức tín dụng trong nước cũng như nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Các Ngân hàng cung cấp rất nhiều loại tín dụng cho nhiều đối tượng khách hàng với những nhu cầu sử dụng và mục đích sử dụng vốn khác nhau. Trong phạm vi luận văn này, tác giả chỉ phân loại tín dụng theo một số tiêu chí sau:

- *Theo mục đích tín dụng:*

+ Cho vay khách hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh: Ngân hàng cung cấp vốn vay cho khách hàng bao gồm cả tổ chức doanh nghiệp, hộ gia đình và cá nhân để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chẳng hạn như cho một khách hàng hộ gia đình, cá nhân vay vốn để phục vụ nhu cầu đời sống, kinh doanh tạp hóa, cho một công ty vay vốn bổ sung vốn lưu động để kinh doanh vật liệu xây dựng...

+ Cho vay tiêu dùng cá nhân: Các cá nhân có nhu cầu mua sắm các vật dụng gia đình như sửa chữa, mua sắm thiết bị sinh hoạt gia đình, vật dụng cho nội thất ngôi nhà, ô tô, xe máy..., thông qua ngân hàng các cá

nhân này sẽ được vay vốn với một thời hạn cụ thể kèm theo những điều kiện vay vốn nhất định.

- *Theo thời hạn tín dụng:*

+ Cho vay ngắn hạn: Là loại cho vay có thời hạn dưới 1 năm. Mục đích của loại cho vay này thường là nhằm tài trợ cho việc bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

+ Cho vay trung hạn: Là loại cho vay có thời hạn từ 1 đến 5 năm. Mục đích của loại cho vay này là nhằm tài trợ cho đầu tư vào tài sản cố định như máy móc, thiết bị, nhà xưởng.

+ Cho vay dài hạn: Là loại cho vay có thời hạn trên 5 năm. Mục đích của loại cho vay này là nhằm tài trợ đầu tư vào các dự án đầu tư như tài sản cố định phục vụ cho hoạt động kinh doanh hoặc các dự án kinh doanh nhà ở.

- *Theo mức độ tín nhiệm của khách hàng:*

+ Cho vay có đảm bảo: Là loại cho vay dựa trên cơ sở các bảo đảm cho tiền vay như thế chấp, cầm cố, hoặc bảo lãnh của một bên thứ ba.

+ Cho vay không có tài sản bảo đảm: Là loại cho vay không có tài sản thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh của người khác mà chỉ dựa vào uy tín của khách hàng vay vốn để quyết định cho vay. Các ngân hàng thường cấp vốn vay cho khách hàng không có tài sản thế chấp ngoài căn cứ vào uy tín của khách hàng, còn căn cứ vào dòng tiền về của phương án, dự án vay vốn.

1.2. Khái niệm rủi ro tín dụng và phân loại rủi ro tín dụng.

1.2.1. Khái niệm rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng luôn tồn tại và gắn liền với hoạt động tín dụng, nó có thể xảy ra bất cứ lúc nào và rất khó tránh khỏi. Các khoản cho vay thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản Có của NHTM, nó mang lại phần lớn nguồn thu nhập cho ngân hàng, song đi đôi với đó cũng là những tiềm ẩn rủi ro lớn.

Có rất nhiều khái niệm khác nhau về rủi ro tín dụng:

- Theo Thomas P.Fitch: “Rủi ro tín dụng là loại rủi ro xảy ra khi người vay không thanh toán được nợ theo thỏa thuận hợp đồng dẫn đến sai hẹn trong nghĩa vụ trả nợ. Cùng với rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng là một trong những rủi ro chủ yếu trong hoạt động cho vay của ngân hàng.” (Trích Dictionary of Banking systems, Barron’s Educational Series, Inc, 1997).

- Theo Hennie van Greuning – Sonja B rajovic Bratanovic (1999):” Rủi ro tín dụng được định nghĩa là nguy cơ mà người đi vay không thể chi trả tiền lãi, hoặc hoàn trả vốn gốc so với thời hạn đã ấn định trong hợp đồng tín dụng. Điều này gây ra sự cố đối với dòng chu chuyển tiền tệ và gây ảnh hưởng tới khả năng thanh khoản của ngân hàng”..

- Theo thông tư 08/2017/TT-NHNN ngày 01/12/2017 của NHNN thì “*Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*”.

- Theo quyết định 351/QĐ-HĐTV-QLRR ngày 31/7/2020 của Agribank thì “*Rủi ro tín dụng: là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Agribank. Trong đó khách hàng (bao gồm cả Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ với Agribank trong việc nhận cấp tín dụng (bao gồm cả nhận cấp tín dụng thông qua ủy thác), nhận tiền gửi phát hành trái phiếu doanh nghiệp*”.

- Theo quyết định số 599/QC-HĐTV-RRTD ngày 30/9/2021 của Agribank thì “*Rủi do tín dụng trong hoạt động ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất đối với nợ của Agribank do khách hàng không có khả năng trả được một phần hoặc toàn bộ nợ của mình theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Agribank*”.

Rủi ro tín dụng là một tất yếu khách quan mà các ngân hàng không

thể loại bỏ hoàn toàn ra khỏi hoạt động tín dụng của mình, họ buộc phải chấp nhận sự tồn tại của rủi ro và cố gắng tìm mọi phương thức và những giải pháp để có thể hạn chế nó ở mức thấp nhất, đặc biệt là khi thể giới đang tiến dần tới giai đoạn toàn cầu hoá, các hoạt động của ngân hàng trở nên vô cùng phong phú và không chỉ giới hạn trong phạm vi quốc gia như trước đây mà hướng ra các thị trường quốc tế. Trong bối cảnh đó, các hoạt động tín dụng chứa đựng nhiều rủi ro hơn, yêu cầu có một phương thức quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả là vấn đề trọng tâm trong công cuộc đổi mới và phát triển của các ngân hàng hiện nay. Đồng thời sự tăng cường kiểm soát quốc tế như Hiệp ước Basel do uỷ ban Basel ban hành đặt ra yêu cầu các ngân hàng cần có những biện pháp hữu hiệu để hạn chế rủi ro và đáp ứng được những tiêu chuẩn quy định.

Như vậy có thể hiểu rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh trong quá trình cấp tín dụng của Ngân hàng, biểu hiện trên thực tế qua việc khách hàng vay chậm trả nợ, trả nợ không đầy đủ hoặc không trả được nợ khi đến hạn các khoản nợ gốc, lãi vay, gây ra những tổn thất về tài chính và khó khăn trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

1.2.2. Phân loại rủi ro tín dụng

Việc phân loại rủi ro tín dụng nhằm hiểu rõ hơn về từng loại rủi ro và có biện pháp quản trị riêng cho từng loại. RRTD có thể được phân loại như sau:

a) Theo nguyên nhân của rủi ro

Phân loại theo nguyên nhân của rủi ro thì RRTD bao gồm 2 loại rủi ro là rủi ro do nguyên nhân chủ quan và rủi ro do nguyên nhân khách quan, cụ thể như sau:

Thứ nhất, RRTD do nguyên nhân khách quan bao gồm:

- Rủi ro tín dụng do môi trường kinh tế không ổn định:

* Sự biến động quá nhanh và không dự đoán được của thị trường thế giới. Nền kinh tế Việt Nam vẫn còn lệ thuộc quá nhiều vào sản xuất

nông nghiệp và công nghiệp phục vụ nông nghiệp (nuôi trồng, chế biến thực phẩm và nguyên liệu), dầu thô, may gia công... vốn rất nhạy cảm với rủi ro thời tiết và giá cả thế giới, nên dễ bị tổn thương khi thị trường thế giới biến động xấu. Ngành dệt may trong một số năm gần đây đã gặp không ít khó khăn vì bị khống chế hạn ngạch làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng và của các ngân hàng cho vay nói chung. Ngành thủy sản cũng gặp nhiều lao đao vì các vụ kiện bán phá giá. Không chỉ xuất khẩu, các mặt hàng nhập khẩu cũng dễ bị tổn thương không kém. Mặt hàng sắt thép cũng bị ảnh hưởng lớn của giá thép thế giới. Việc tăng giá phôi thép làm cho một số doanh nghiệp sản xuất thép trong nước phải ngưng sản xuất do chi phí giá thành rất cao trong khi không tiêu thụ được sản phẩm.

* Quá trình tự do hóa tài chính và hội nhập quốc tế tạo ra một môi trường cạnh tranh gay gắt, khiến hầu hết các doanh nghiệp, những khách hàng thường xuyên của ngân hàng phải đối mặt với nguy cơ thua lỗ và quy luật chọn lọc khắc nghiệt của thị trường. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các ngân hàng thương mại trong nước và quốc tế ở môi trường hội nhập kinh tế khiến các ngân hàng trong nước gặp phải nguy cơ rủi ro nợ xấu tăng lên bởi hầu hết các khách hàng có tiềm lực tài chính lớn sẽ bị các ngân hàng nước ngoài thu hút.

* Sự tấn công của hàng nhập lậu làm điêu đứng các doanh nghiệp trong nước và các ngân hàng đầu tư vốn cho các doanh nghiệp này. Các mặt hàng kim khí điện máy, gạch men, đường cát, vải vóc, quần áo, mỹ phẩm... là những mặt hàng điển hình cho tình hình hàng lậu ở nước ta.

* Thiếu sự quy hoạch, phân bổ đầu tư một cách hợp lý đã dẫn đến khủng hoảng thừa về đầu tư trong một số ngành. Nền kinh tế thị trường tất yếu sẽ dẫn đến cạnh tranh, các nhà kinh doanh sẽ tìm kiếm ngành nào có lợi nhất để đầu tư và sẽ rời bỏ những ngành không đem lại lợi nhuận, do đó, có sự

chuyển dịch vốn từ ngành này qua ngành khác, đây cũng là một hiện tượng khách quan. Tuy nhiên, ở nước ta thời gian qua, sự cạnh tranh đã phát triển một cách tự phát, hoàn toàn không đi kèm với sự quy hoạch hợp lý, hợp tác, phân công lao động, chuyên môn hóa lao động, sự hạn chế vai trò của các hiệp hội nghề nghiệp và điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Điều này dẫn đến sự gia tăng đáng kể vốn đầu tư vào một số ngành, dẫn đến khủng hoảng thừa, lãng phí tài nguyên quốc gia.

- Rủi ro do môi trường pháp lý :

* Hoạt động chưa thực sự hiệu quả của cơ quan pháp luật cấp địa phương. Trong những năm gần đây, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan đã ban hành nhiều luật, văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành luật liên quan đến hoạt động tín dụng ngân hàng. Tuy nhiên, hệ thống văn bản pháp quy đã có, song việc triển khai vào hoạt động ngân hàng còn gặp nhiều vướng mắc, bất cập như một số văn bản về việc cưỡng chế thu hồi nợ. Những văn bản này đều có quy định: Trong những trường hợp khách hàng không trả được nợ, ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm nợ vay. Trên thực tế, các ngân hàng không làm được điều này vì ngân hàng là một tổ chức kinh tế, không phải là cơ quan quyền lực nhà nước, không có chức năng cưỡng chế buộc khách hàng bàn giao tài sản bảo đảm cho ngân hàng để xử lý hoặc việc chuyển tài sản bảo đảm nợ vay để tòa án xử lý qua con đường tố tụng... cùng nhiều quy định khác dẫn đến tình trạng ngân hàng khó giải quyết được nợ tồn đọng, tài sản tồn đọng.

* Công tác thanh kiểm tra, giám sát vẫn còn những bất cập. Bên cạnh những cố gắng và kết quả đạt được, hoạt động thanh tra ngân hàng và đảm bảo an toàn hệ thống cần được cải thiện hơn nữa về chất lượng. Một số cán bộ thanh tra, giám sát còn hạn chế về năng lực, đặc biệt ở một số nghiệp vụ kinh doanh và công nghệ mới. Vai trò kiểm toán chưa thực sự phát huy và

hệ thống thông tin chưa được tổ chức một cách hữu hiệu. Thanh tra tại chỗ vẫn là phương pháp chủ yếu, nhiều khi hoạt động theo kiểu xử lý vụ việc đã phát sinh, ít có khả năng ngăn chặn, phòng ngừa rủi ro và vi phạm. Do vậy, có những sai phạm chưa được cảnh báo kịp thời, dẫn đến rủi ro, đe dọa sự an toàn của hệ thống.

*Hệ thống thông tin quản lý còn bất cập: Hiện nay, Việt Nam chưa có một cơ chế công bố thông tin đầy đủ về doanh nghiệp và ngân hàng. Trung tâm Thông tin Tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC) đã hoạt động hơn một thập niên và có được những kết quả bước đầu rất đáng khích lệ trong việc cung cấp thông tin kịp thời về tình hình hoạt động tín dụng nhưng chưa phải là cơ quan định mức tín nhiệm doanh nghiệp một cách độc lập và hiệu quả. Đó cũng là thách thức cho hệ thống ngân hàng trong việc mở rộng và kiểm soát tín dụng cho nền kinh tế trong điều kiện thiếu một hệ thống thông tin tương xứng. Nếu các ngân hàng, mở rộng tín dụng trong điều kiện môi trường thông tin không cân xứng thì sẽ gia tăng nguy cơ nợ xấu cho hệ thống ngân hàng

- Rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh: Đây là những rủi ro mà cả khách hàng lẫn ngân hàng đều không lường trước đối với khoản tín dụng của mình, khách hàng gặp khó khăn ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay ngân hàng. Đối với khách hàng có tiềm lực tài chính mạnh thì cũng phải có thời gian để ổn định lại quá trình kinh doanh thì mới có khả năng trả nợ ngân hàng, còn với các khách hàng có tiềm lực tài chính yếu thì khoản tín dụng có khả năng rất cao chuyển thành nợ xấu. Mặc dù loại rủi ro này có thể được hạn chế bằng cách mua bảo hiểm, tuy nhiên khi loại rủi ro này xảy ra, khách hàng và cả ngân hàng cũng phải mất nhiều thời gian để lấy được khoản tiền bảo hiểm từ các công ty bảo hiểm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay ngân hàng.

Thứ hai, RRTD do nguyên nhân chủ quan bao gồm:

- Rủi ro do nguyên nhân từ phía khách hàng vay vốn: Nhiều khách hàng khi vay vốn có phương án kinh doanh khả thi, lĩnh vực kinh doanh có nhiều thuận lợi, tuy nhiên khi bắt đầu có đủ các điều kiện về vốn để thực hiện phương án thì do năng lực quản trị, kinh nghiệm điều hành còn hạn chế, không đủ khả năng ứng phó trước những biến động thị trường dẫn đến hoạt động kinh doanh không đạt hiệu quả như kế hoạch đề ra.

Sử dụng vốn vay sai mục đích đã cam kết: Khách hàng cố tình lập các chứng từ vay vốn giả mạo mà do nhiều lý do ngân hàng không phát hiện được, để lấy vốn vay sử dụng khác với mục đích đã trình bày trong phương án vay vốn, không thiện chí trong việc trả nợ, tình hình tài chính không lành mạnh.....

- Rủi ro do nguyên nhân từ phía ngân hàng: Chính sách và quy trình cho vay lỏng lẻo, công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ yếu kém. Cán bộ còn bất cập về trình độ chuyên môn hoặc đạo đức nghề nghiệp dẫn đến các sai phạm, thiếu kiểm tra và giám sát khách hàng sau khi cho vay. Sự liên kết và hợp tác giữa các ngân hàng còn lỏng lẻo, CIC (trung tâm tín dụng NHNN) chưa phát huy được vai trò....

b) Theo tính chất của rủi ro

Theo cách phân chia này thì RRTD có thể phân làm 4 loại:

Một là: **Rủi ro mất vốn**

Là rủi ro cho vay không thu hồi được nợ. Bản chất của tín dụng Ngân hàng là ứng trước tiền cho khách hàng, sau một chu kỳ sản xuất hoặc kỳ luân chuyển hàng hoá thì khách hàng mới có tiền trả nợ Ngân hàng. Số tiền ứng trước của tín dụng Ngân hàng càng cao thì mức độ rủi ro càng lớn. Ngân hàng cho vay tín chấp mức độ rủi ro cao hơn cho vay có tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp bằng giấy tờ có giá trị dễ chuyển đổi ra tiền ít rủi ro hơn là tài sản thế chấp bằng bất động sản. Trong hoạt động kinh doanh Ngân hàng, rủi ro này thường chiếm tỷ trọng lớn nhất ảnh hưởng nghiêm

trọng đến tài sản kinh doanh. Vì hơn 2/3 tài sản của Ngân hàng là các món cho vay và đầu tư đem lại thu nhập chủ yếu cho Ngân hàng, do đó nếu các khoản cho vay của Ngân hàng không được hoàn trả, Ngân hàng sẽ mất cả vốn lẫn lãi. Số tiền thiệt hại này khi đã vượt quá vốn tự có của Ngân hàng sẽ khiến Ngân hàng lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán dẫn đến phá sản.

Hai là: **Rủi ro sai hạn**

Là các khoản cho vay mà khi đến hạn khách hàng vẫn chưa thu hồi được vốn để trả cho Ngân hàng. Thông thường trường hợp này khách hàng sẽ xin Ngân hàng ra hạn thêm thời hạn trả nợ. Nếu lý do của khách hàng không được Ngân hàng chấp thuận, họ sẽ phải chịu lãi suất phạt. Khoản tiền thu hồi chậm này có thể làm đảo lộn kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng và luôn tiềm ẩn nguy cơ mất vốn.

Ba là: **Rủi ro lãi suất**

Quá trình chuyển hoá tài sản của Ngân hàng bao gồm việc huy động vốn và sử dụng vốn. Kỳ hạn và độ thanh khoản của các tài sản nợ thường không cân xứng với kỳ hạn và độ thanh khoản của các tài sản có làm cho Ngân hàng phải chịu rủi ro về lãi suất.

Ngoài rủi ro lãi suất tái tài trợ tài sản nợ hoặc tái đầu tư tài sản có thì khi lãi suất thị trường thay đổi Ngân hàng còn có thể gặp rủi ro giảm giá trị tài sản. Chúng ta đã biết, giá trị thị trường của tài sản có hay tài sản nợ dựa trên khái niệm giá trị hiện tại của tiền tệ. Do đó, nếu lãi suất thị trường tăng lên thì mức chiết khấu giá trị của tài sản cũng tăng lên, và do đó giá trị hiện tại của tài sản có và tài sản nợ giảm xuống. Ngược lại nếu lãi suất thị trường giảm thì giá trị của tài sản có và tài sản nợ sẽ tăng lên. Do đó nếu kỳ hạn của tài sản có và tài sản nợ không cân xứng với nhau, ví dụ tài sản có có kỳ hạn dài hơn tài sản nợ thì khi lãi suất thị trường tăng, giá trị của tài sản có sẽ giảm nhanh hơn và nhiều hơn so với sự giảm giá trị của tài sản nợ. Rủi ro

giảm giá trị tài sản khi lãi suất thay đổi thuộc loại rủi ro về lãi suất và có thể dẫn đến thiệt hại cho Ngân hàng.

Bốn là: Rủi ro tỷ giá

Rủi ro hối đoái thường diễn ra dưới hình thức của một chênh lệch giữa giá đặt mua và giá chào bán của tiền tệ. Các rủi ro trong việc giao dịch ngoại hối xuất phát từ tỷ giá hối đoái của các loại tiền tệ khác nhau do tác động của kinh tế và chính trị của một nước. Để thấy được rủi ro hối đoái phát sinh như thế nào, chúng ta giả sử một Ngân hàng Úc cấp tín dụng bằng đồng bảng Anh cho một công ty của Anh. Khi đồng bảng Anh giảm giá so với đồng đôla Úc. Thậm chí trong trường hợp đồng bảng Anh giảm giá đáng kể, thì cả gốc và lãi khi chuyển sang đôla Úc có thể là nhỏ hơn số gốc đầu tư ban đầu, và do đó kết quả đầu tư sẽ là âm. Nghĩa là khi chúng ta chuyển đổi gốc và lãi từ bảng Anh sang đôla Úc, thì số tiền thu được chưa đủ để bù đắp rủi ro hối đoái.

Trong 4 loại rủi ro trên thì rủi ro mất vốn gắn liền với hoạt động quan trọng nhất và có quy mô nhất của ngân hàng thương mại là hoạt động tín dụng. Rủi ro trong hoạt động thu hồi vốn và lãi là khả năng tổn thất xảy ra khi khách hàng không hoàn trả hoặc hoàn trả không đúng hạn gốc và lãi.

Theo thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN và quyết định số 599/QC-HĐTV-RRTD ngày 30/9/2021 của Agribank thì rủi ro tín dụng trong hoạt động thu hồi vốn và lãi được phân loại như sau:

Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) bao gồm:

- Các khoản nợ trong hạn mà tổ chức tín dụng đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng thời hạn.
- Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.

Nhóm 2 (Nợ cần chú ý) bao gồm:

- Các khoản nợ quá hạn từ 10 đến dưới 90 ngày
- Các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn nợ lần đầu

Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) bao gồm:

- Các khoản nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày
- Nợ gia hạn lần đầu
- Nợ được miễn giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng

Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) bao gồm:

- Các khoản nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày
- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu
- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai

Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) bao gồm:

- Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày
- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu
- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai

Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn.

1.2.3. Những dấu hiệu của rủi ro tín dụng

- Trì hoãn hoặc gây khó khăn đối với ngân hàng trong quá trình kiểm tra theo định kỳ hoặc đột suất tình hình sử dụng vốn vay, tình hình tổ chức, hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng mà không có sự giải thích minh bạch, thuyết phục.
- Có dấu hiệu không thực hiện đầy đủ các quy định, vi phạm pháp luật trong

quá trình quan hệ tín dụng.

- Chậm gửi hoặc trì hoãn gửi các báo cáo tài chính theo yêu cầu mà không có sự giải thích minh bạch, thuyết phục.
- Không có các báo cáo hay dự đoán về lưu chuyển tiền tệ.
- Đề nghị gia hạn điều chỉnh kỳ hạn nợ nhiều lần không rõ lý do hoặc thiếu căn cứ thuyết phục mang tính khách quan về việc gia hạn hay điều chỉnh kỳ hạn nợ.
- Sự sụt giảm bất thường số dư tài khoản tiền gửi mở tại ngân hàng, xuất hiện nhiều thay đổi bất thường ngoài dự kiến và không giải thích được trong tốc độ và tổng mức lưu chuyển tiền gửi thanh toán của khách hàng.
- Chậm thanh toán các khoản lãi khi đến hạn.
- Thanh toán các khoản nợ gốc không đầy đủ, đúng hạn.
- Xuất hiện nợ quá hạn do khách hàng không có khả năng hoàn trả hoặc khách hàng không muốn trả nợ hoặc do việc tiêu thụ hàng, thu hồi con nợ chậm hơn dự tính.
- Tài sản bảo đảm không đủ tiêu chuẩn, giá trị tài sản bị giảm sút so với định giá khi cho vay. Có dấu hiệu tài sản đã cho người khác thuê, bán hay trao đổi hoặc đã biến mất, không còn tồn tại.
- Có dấu hiệu tìm kiếm sự tài trợ nguồn vốn lưu động từ nhiều nguồn khác, đặc biệt từ đối thủ cạnh tranh của ngân hàng.
- Chấp nhận sử dụng các nguồn vốn vay với giá cao, với mọi điều kiện.
- Nhóm dấu hiệu liên quan đến phương pháp quản trị, tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng:
 - + Có chênh lệch lớn giữa doanh thu hay dòng tiền thực tế so với mức dự kiến khi khách hàng đề nghị cấp tín dụng.
 - + Xuất hiện ngày càng nhiều các khoản chi phí bất hợp lý như sự gia tăng đột biến trong chi phí quảng cáo, tiếp khách, tập trung quá mức chi phí để gây ấn tượng như thiết bị văn phòng hiện đại, phương tiện giao thông đắt tiền.

- + Thay đổi thường xuyên ban điều hành.
- + Khó khăn trong việc phát triển sản phẩm, dịch vụ mới.

1.2.4. Hậu quả của rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng gây ra những hậu quả nghiêm trọng không những đối với hoạt động của ngân hàng mà còn đến toàn bộ nền kinh tế của một quốc gia.

1.2.4.1. Hậu quả của rủi ro tín dụng tới hoạt động của ngân hàng thương mại:

- Rủi ro tín dụng làm giảm uy tín của ngân hàng thương mại:

Trong xu thế mở cửa thị trường và cạnh tranh gay gắt như hiện nay, hầu như tất cả các ngân hàng thương mại Việt Nam đều cố gắng mở các điểm giao dịch tại các vùng, địa bàn trên toàn lãnh thổ Việt Nam, và đưa ra những chương trình, sản phẩm dịch vụ, phục vụ tốt nhất cho khách hàng của mình. Hoạt động ngân hàng bao giờ cũng đặt chữ tín lên hàng đầu, hạn chế tối đa tất cả các thông tin xấu, không hay trên các phương tiện truyền thông đại chúng ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng. Nếu một ngân hàng thương mại có tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ lớn, có những thông tin về việc ngân hàng không thu hồi được nợ hoặc ngân hàng đó bị NHNN đưa vào diện kiểm soát đặc biệt thì uy tín của ngân hàng đó bị giảm sút một cách nghiêm trọng. Lúc đó sẽ không có cá nhân hoặc tổ chức nào đặt quan hệ để sử dụng các dịch vụ của ngân hàng đó nữa vì họ không biết đồng vốn của họ gửi vào ngân hàng có đảm bảo an toàn và sinh lời hay không.

- Rủi ro tín dụng làm giảm khả năng thanh toán của ngân hàng thương mại:

Để có nguồn vốn đủ cung cấp tín dụng cho khách hàng thì ngân hàng phải huy động từ các tổ chức và dân cư hay nói cách khác là ngân hàng vay của tổ chức và dân cư để tài trợ tín dụng. Nếu rủi ro tín dụng do không thu hồi được nợ xảy ra, ngân hàng sẽ hạn chế nguồn để thanh toán tiền gửi cho chủ nợ tức là dân cư và các tổ chức kinh tế khác.

- Rủi ro tín dụng làm giảm lợi nhuận của ngân hàng:

Theo quy định của NHNN, tất cả các khoản nợ xấu của ngân hàng đều phải được trích dự phòng, tỷ lệ trích dự phòng tùy theo mức độ nợ xấu và tài sản đảm bảo. Điều này có nghĩa là, đối với các khoản nợ xấu hơn và có tài sản bảo đảm có độ rủi ro cao hơn sẽ bị trích dự phòng cao hơn các khoản nợ ít xấu hơn và có tài sản bảo đảm ít rủi ro hơn. Việc số tiền trích dự phòng càng lớn thì chi phí của ngân hàng càng lớn và lợi nhuận của ngân hàng sẽ giảm.

- Rủi ro tín dụng dẫn đến nguy cơ phá sản ngân hàng: Như đã trình bày ở trên, rủi ro tín dụng ảnh hưởng lớn đến uy tín, khả năng thanh khoản và lợi nhuận của ngân hàng. Nếu tỷ trọng này tiếp tục kéo dài và ăn mòn vào vốn riêng của ngân hàng thì sẽ dẫn đến nguy cơ ngân hàng bị phá sản.

1.2.4.2 Rủi ro tín dụng gây hậu quả xấu đến nền kinh tế:

Phần lớn các ngân hàng hiện nay đang dùng nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ cho nợ dài hạn, điều này đồng nghĩa với việc thời gian ngân hàng thu nợ của khách hàng không thể nhanh bằng thời gian khách hàng đến rút tiền. Như vậy, các ngân hàng đều phải đối mặt với các rủi ro về tính thanh khoản tức là lúc rủi ro về sự không tương thích về kỳ hạn của các khoản vốn và sử dụng vốn. Một khi rủi ro tín dụng xảy ra dẫn đến chuyện ảnh hưởng đến uy tín, khả năng thanh toán của ngân hàng, người dân và tổ chức sẽ kéo đến rút tiền và chấm dứt quan hệ, hoặc cũng có trường hợp có thông tin thất thiệt về hoạt động ngân hàng làm ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh của ngân hàng. Ví dụ như việc khách hàng của ngân hàng SCB kéo đến rút tiền ào ạt tại các điểm giao dịch của ngân hàng này khi có thông tin Chủ tịch Hội đồng quản trị của ngân hàng này bị bắt là một minh chứng rõ ràng nhất. Những ảnh hưởng này lại mang tính dây chuyền. Nếu một ngân hàng thương mại để xảy ra tình trạng mất tính thanh khoản như nêu trên sẽ gây ra những tác động dây chuyền cho nền kinh tế như sau:

+ Khi khả năng thanh khoản của ngân hàng bị giảm sút, ngân hàng sẽ không có khả năng tiếp tục tài trợ vốn cho các pháp nhân, thể nhân và phải thu hồi vốn trước hạn. Như vậy các đối tượng nhận tài trợ vốn bị ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của họ.

+ Phản ứng dây chuyền đến các ngân hàng thương mại khác: Khi niềm tin của dân chúng đối với một ngân hàng giảm sút, họ sẽ mất dần lòng tin vào các ngân hàng khác, từ đó gây ra phản ứng dây chuyền rút vốn tại các ngân hàng khác.

+ Phản ứng dây chuyền đến các ngành kinh tế khác: ngân hàng đổ vỡ dẫn đến nền kinh tế suy thoái, sức mua giảm, thất nghiệp tăng, xã hội mất ổn định.

1.2.5. Chỉ tiêu đánh giá rủi ro tín dụng

- Các chỉ tiêu phản ánh nợ quá hạn:

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn} = \frac{\text{Nợ quá hạn}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ khách hàng} \\ \text{có NQH} \end{array} = \frac{\text{Tổng số khách hàng quá hạn}}{\text{Tổng số khách hàng có dư nợ}} \times 100\%$$

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ tổng dư nợ} \\ \text{có NQH} \end{array} = \frac{\text{Tổng dư nợ có NQH}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu trên VCSH} = \frac{\text{Nợ xấu}}{\text{Vốn CSH}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu trên quỹ dự phòng tổn thất} = \frac{\text{Nợ xấu}}{\text{Quỹ dự phòng tổn thất}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ lệ an toàn vốn CAR} = \frac{\text{Vốn tự có}}{\text{Tài sản có trọng số rủi ro}} \times 100\%$$

1.3. Quản trị rủi ro và sự cần thiết phải rủi ro tín dụng tín dụng

1.3.1. Quan niệm về quản trị rủi ro tín dụng

Quản trị rủi ro tín dụng là quá trình xây dựng và thực thi các chiến lược, chính sách quản trị và kinh doanh tín dụng nhằm tối đa hoá lợi nhuận trong phạm vi mức rủi ro có thể chấp nhận được.

Quản trị rủi ro tín dụng là một nội dung quan trọng gắn liền với mọi hoạt động của NHTM. Quản trị rủi ro tín dụng không có nghĩa là né tránh rủi ro mà là việc xác định một mức rủi ro có thể chấp nhận được, kiểm soát được trên cơ sở đó đưa ra các biện pháp để đảm bảo rủi ro tín dụng của ngân hàng không vượt quá mức xác định trước đó.

Công tác quản trị rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay là rất quan trọng đối với ngân hàng. Để đảm bảo cho công tác này được thực hiện tốt, ngân hàng cần có những bước thực hiện cụ thể:

- *Tính toán, xác định rủi ro:*

- + Thẩm định đánh giá rủi ro đối với từng khoản giải ngân: Tình hình tài chính của đối tượng xin vay vốn, phân tích đặc trưng ngành của doanh nghiệp vay, phân tích khả năng cạnh tranh, khả năng tiêu thụ sản phẩm của

doanh nghiệp so với các đối thủ cùng loại trên thị trường. Phân tích các rủi ro hệ thống, rủi ro tình hình kinh tế...

- + Đánh giá năng lực lãnh đạo của các cán bộ doanh nghiệp.

- *Lượng hóa rủi ro*

Sử dụng các công cụ phân tích, các chỉ báo phân tích để tính toán, đo lường những rủi ro được thể hiện qua các con số

- *Quản trị, giám sát*

- + Quản trị và giám sát việc doanh nghiệp sử dụng vốn. Nếu có dấu hiệu doanh nghiệp sử dụng vốn sai mục đích: Ngưng việc giải ngân, đề nghị doanh nghiệp giải trình và yêu cầu thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng giải ngân. Trường hợp cần thiết, thực hiện thu hồi vốn trước hạn.

- *Đưa ra các phương pháp giải quyết rủi ro*

- + Không giải ngân đối với các hợp đồng không tuân thủ các điều kiện tài chính

- + Không chấp nhận các hợp đồng có độ rủi ro cao (tài sản thế chấp không đảm bảo, lĩnh vực đầu tư không rõ ràng,...)

Việc quản trị rủi ro tín dụng là quá trình đo lường, đánh giá rủi ro trong quá trình cho vay; theo dõi, giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời để đảm bảo quyền lợi của ngân hàng nếu có bất kỳ một sự thay đổi hoàn cảnh nào cho đến khi khoản vay được hoàn trả. Chính sách quản trị rủi ro tín dụng có tính chất phòng ngừa, ngăn ngừa và làm giảm những tổn thất trong hoạt động tín dụng của ngân hàng, đảm bảo các khoản cho vay được hoàn trả đầy đủ, đúng hạn.

1.3.2. Sự cần thiết phải rủi ro tín dụng tín dụng

Đối với ngân hàng:

Rủi ro tín dụng ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của ngân hàng: Rủi ro tín dụng xảy ra làm cho ngân hàng không thu được gốc và lãi theo đúng thời hạn trong hợp đồng tín dụng, thậm chí còn làm mất vốn của ngân

hàng. Từ đó, rủi ro tín dụng sẽ làm giảm tốc độ quay vòng vốn của ngân hàng, dẫn tới làm giảm hiệu quả sử dụng vốn, giảm khả năng thanh toán của ngân hàng.

Rủi ro tín dụng làm giảm lợi nhuận của ngân hàng: Như đã biết, hoạt động tín dụng là hoạt động cơ bản và thường xuyên nhất của NHTM, phần lớn thu nhập của ngân hàng có được là từ hoạt động tín dụng. Vì vậy, khi xảy ra rủi ro tín dụng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận của ngân hàng

Rủi ro tín dụng làm giảm uy tín của ngân hàng Khi xảy ra rủi ro tín dụng, ngoài những tổn thất về tài chính, những thiệt hại về uy tín của ngân hàng, mất lòng tin xã hội là những tổn thất còn lớn hơn rất nhiều. Một ngân hàng có mức độ rủi ro tín dụng cao, có chất lượng tín dụng không tốt và gây ra nhiều vụ thất thoát lớn thường đứng trước nguy cơ mất uy tín trên thị trường. Mặt khác, khi ngân hàng xảy ra nhiều rủi ro trong hoạt động tín dụng sẽ gây mất lòng tin của các đối tác trong kinh doanh cũng như của những người gửi tiền tại ngân hàng.

Đối với nền kinh tế

Tín dụng ngân hàng có vai trò rất quan trọng trong việc điều hoà vốn trong nền kinh tế và trong sự thành công của chính sách tiền tệ quốc gia. Rủi ro tín dụng xảy ra làm ngân hàng chậm hoặc không có khả năng thu hồi được vốn để tiếp tục cho vay, do đó rủi ro tín dụng làm giảm vòng quay sử dụng vốn của ngân hàng, giảm khả năng cung cấp vốn cho nền kinh tế.

Nhìn chung, hoạt động ngân hàng trong nền kinh tế thị trường là một trong những hoạt động kinh tế có nhiều rủi ro hơn hết. Rủi ro được xem như một yếu tố không thể tách rời với quá trình hoạt động của NHTM. Rủi ro trong cho vay còn được nhân lên gấp đôi, bởi ngân hàng không những phải hứng chịu rủi ro do những nguyên nhân chủ quan của mình mà còn gánh chịu những rủi ro do khách hàng gây ra. Hơn nữa, rủi ro trong hoạt động ngân hàng có thể gây ra tai họa to lớn cho nền kinh tế hơn bất cứ rủi

ro của các loại hình doanh nghiệp khác. Tính chất lan truyền của nó có thể làm ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống kinh tế. Chính vì vậy QTRR tín dụng là quá trình tiếp cận rủi ro tín dụng một cách khoa học, toàn diện và có hệ thống nhằm nhận dạng, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất, mất mát và những ảnh hưởng bất lợi của rủi ro tín dụng.

2. Nội dung quản trị rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại

2.1. Nhận biết rủi ro

Từ phía ngân hàng: Rủi ro tín dụng được thể hiện qua quy mô tín dụng, cơ cấu tín dụng, nợ quá hạn, nợ xấu và dự phòng rủi ro do đó, khi các yếu tố này có xu hướng thiên lệch như: quy mô tín dụng tăng quá nhanh, vượt quá khả năng quản trị của ngân hàng, hoặc là cơ cấu tín dụng tập trung quá mức vào một ngành, một lĩnh vực rủi ro, hoặc là các chỉ tiêu nợ quá hạn, nợ xấu có dấu hiệu vượt qua ngưỡng cho phép, dự phòng rủi ro được sử dụng hết, ngân hàng đứng trước nguy cơ rủi ro.

Từ phía khách hàng: Khi khách hàng có những dấu hiệu khó có khả năng trả được nợ, tình hình tài chính xấu, nguy cơ rủi ro sẽ xảy ra. Lúc đó, ngân hàng cần nhận biết được khả năng xảy ra rủi ro để ra quyết định kịp thời. Do đó, để nhận biết rủi ro, những công việc mà ngân hàng cần phải làm:

- Phân tích danh mục tín dụng của ngân hàng

Phân tích chung toàn bộ danh mục của ngân hàng để nhận biết những rủi ro về quy mô tín dụng, cơ cấu tín dụng, về ngành, về loại tiền. Cần kết hợp với dự báo kinh tế vĩ mô để đánh giá rủi ro chung của toàn bộ danh mục tín dụng.

- Phân tích đánh giá khách hàng

Phân tích đánh giá khách hàng nhằm phát hiện các nguy cơ rủi ro trong từng khách hàng, từng khoản nợ cụ thể.

Phân tích đánh giá khách hàng được thực hiện từ khi bắt đầu tiếp xúc

khách hàng, phân tích trong quá trình cho vay và phân tích sau khi cho vay.

Để có thể phân tích đánh giá khách hàng cần:

Thu thập thông tin về khách hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định cho vay. Hiện nay, việc khai thác thông tin về khách hàng thường dựa vào báo cáo tài chính trong những năm gần đây của khách hàng. Bên cạnh việc thu thập thông tin từ khách hàng, cần thu thập thông tin về đối tác của khách hàng, từ những ngân hàng mà ngân hàng có quan hệ từ cơ quan quản trị khách hàng, từ Trung tâm phòng ngừa rủi ro...

2.2. Đo lường rủi ro tín dụng

Đo lường rủi ro là bước tiếp theo sau khi phát hiện được có nguy cơ rủi ro. Đo lường rủi ro tín dụng được đánh giá qua việc tính toán quy mô dư nợ, cơ cấu dư nợ, tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu, hệ số rủi ro tín dụng, dự phòng rủi ro.

Đo lường rủi ro khoản vay

$EL = PD \times LGD \times EAD$ (nguồn: theo Basel II)

+ EL (Expected Loss): Tổn thất dự kiến

+ PD (Probability of default): Xác suất vỡ nợ của khách hàng/ngành hàng đó là bao nhiêu

+ LGD (Loss Given Default): Tỷ trọng % số dư rủi ro ngân hàng sẽ bị tổn thất khi khách hàng không trả được nợ

+ EAD (Exposure at Default): Số dư nợ vay (và tương đương) của khách hàng/ngành hàng khi xảy ra vỡ nợ

Với PD, LGD và EAD, hai yếu tố có tầm quan trọng hàng đầu trong chừng rất định tính, mà các ngân hàng thường xuyên nhắc đến trong quyết định cấp tín dụng là khả năng trả nợ và mong muốn trả nợ của khách hàng đã được lượng hoá cụ thể. Và cũng nhờ PD, LGD và EAD, hàng trăm, hàng chục các nhân tố có tác động đến khách hàng cũng như các khoản tín dụng cấp cho họ.

✓ Ý nghĩa của việc đo lường RRTD

Một là, loại bỏ những khách hàng có mức độ rủi ro quá cao và nhận biết trước những rủi ro có thể xảy ra.

Hai là, giúp khách hàng hiểu rõ hơn những điểm mạnh, điểm yếu của chính khách hàng để từ đó tư vấn cho khách hàng những biện pháp bảo đảm vay vốn phù hợp.

Ba là, tiến hành phân tích một cách khách quan, theo quy định ngân hàng, bảo đảm khách hàng có thể trả nợ, mong muốn trả nợ.

Bốn là, ngân hàng có thể đưa ra nhiều sản phẩm hơn, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

2.3. Ứng phó rủi ro

Sau khi xác định, phân tích và hình thành các chỉ tiêu đo lường, rủi ro cần phải được theo dõi thường xuyên. Mục đích của khâu này là giúp cho bộ máy quản trị rủi ro nắm được tình trạng rủi ro của ngân hàng theo thời gian.

Quản trị, báo cáo, đây là khâu thể hiện rõ nhất chiến lược, cũng như tư tưởng của ngân hàng về vấn đề rủi ro tín dụng. Trước hết, ngân hàng cần phải có một hệ thống các công cụ quản trị rủi ro (thiết lập các giới hạn rủi ro, mức uỷ quyền phán quyết...). Song song với các công cụ quản trị rủi ro tín dụng, là việc tổ chức quản trị rủi ro tín dụng được thực hiện ở cấp độ tập trung.

Các công cụ quản trị rủi ro tín dụng

Mức uỷ quyền phán quyết là hạn mức tín dụng tối đa mà Trụ sở chính giao cho Chi nhánh được quyền quyết định.

Giới hạn rủi ro là mức rủi ro tối đa mà ngân hàng có thể chịu đựng được để đảm bảo đạt được mức lợi nhuận tương ứng

Quản trị danh mục cho vay Ngân hàng phải thường xuyên phân tích và theo dõi danh mục tín dụng, đặc biệt là các khoản nợ xấu, nợ có vấn đề

để có những biện pháp xử lý kịp thời khi có rủi ro xảy ra. Trên cơ sở danh mục cho vay, ngân hàng tiến hành phân loại nợ để phân loại các khoản nợ vào các nhóm nợ trong hạn, nợ cần chú ý, nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn. Ngoài ra, ngân hàng cũng cần hết sức chú ý đến các khoản nợ cần chú ý vì khi có biến động bất lợi xảy ra đối với hoạt động cho vay của ngân hàng, các khoản vay này sẽ bị chuyển thành nợ xấu. Ngân hàng đưa ra biện pháp quản trị các khoản nợ trên để đảm bảo chất lượng tín dụng cho ngân hàng.

Để hoạt động quản trị rủi ro tín dụng được hiệu quả, ngân hàng cần xây dựng một hệ thống thông tin tín dụng tập trung gồm các báo cáo định kỳ và đặc biệt. Báo cáo định kỳ có thể bao gồm các báo cáo liên quan đến các nội dung sau: Nhóm khách hàng có dư nợ tín dụng lớn nhất, các khoản dư nợ lớn nhất; Phân tích danh mục tín dụng, các trường hợp ngoại lệ (ví dụ vượt hạn mức); các khoản nợ xấu khó đòi; các dấu hiệu cảnh báo sớm, dự phòng cho từng khoản dư nợ đơn lẻ, lợi nhuận cho từng khách hàng và sản phẩm, nhật ký theo dõi các khoản vay.

Rà soát chính sách quản trị rủi ro theo từng thời kỳ.

Chính sách quản trị rủi ro tín dụng với mục tiêu mở rộng tín dụng đồng thời hạn chế rủi ro tín dụng nhằm nâng cao thu nhập cho ngân hàng. Chính sách quản trị rủi ro tín dụng nhằm hạn chế rủi ro như: chính sách tài sản đảm bảo, chính sách bảo lãnh, chính sách đồng tài trợ... Chính sách quản trị rủi ro tín dụng là cơ sở để hình thành nên quy trình tín dụng với những hướng dẫn nghiệp vụ chi tiết, các bước cụ thể trong quá trình cấp tín dụng. Một chính sách quản trị rủi ro tín dụng tốt là một chính sách quản trị rủi ro tín dụng được trình bày bằng những thuật ngữ chính xác, những hướng dẫn được thể hiện rõ ràng đối với các loại hình tín dụng khác nhau và phải là một ứng dụng thông minh của những nguyên tắc tín dụng thích hợp với những thay đổi của các nhân tố và môi trường kinh tế. Chính sách

phải vạch ra cho cán bộ tín dụng phương hướng hoạt động và một khung tham chiếu rõ ràng để làm căn cứ xem xét các nhu cầu vay vốn. Điều này tạo sự thống nhất chung trong hoạt động tín dụng nhằm hạn chế rủi ro và nâng cao khả năng sinh lời.

Phân tán rủi ro

Phân tán rủi ro trong hoạt động tín dụng là việc thực hiện cấp tín dụng cho nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, khu vực sản xuất kinh doanh nhằm tránh những tổn thất lớn xảy ra cho ngân hàng thương mại. Các hình thức phân tán rủi ro chủ yếu bao gồm:

- + Không tập trung cấp tín dụng cho một ngành, một lĩnh vực hay một khu vực: Để hạn chế rủi ro không nên tập trung vốn quá nhiều vào một loại hình kinh doanh, một vùng kinh tế. Khi ngân hàng tập trung cấp tín dụng vào một lĩnh vực kinh tế mà ngân hàng tập trung vốn đầu tư gặp phải những biến động bất lợi thì thiệt hại của ngân hàng sẽ là vô cùng lớn. Như vậy phân tán rủi ro hay chia nhỏ lĩnh vực đầu tư, khu vực đầu tư là một biện pháp cho các ngân hàng thương mại trong phòng chống rủi ro.

- + Không nên dồn vốn đầu tư vào một hoặc một số khách hàng.

Cùng với mục đích như trên là phân tán rủi ro, đây là lời khuyên cáo quan trọng cho việc ra quyết định cấp tín dụng của ngân hàng. Cho dù một khách hàng kinh doanh hiệu quả hay có quan hệ lâu năm với ngân hàng thì yêu cầu trên vẫn cần được tuân thủ bởi vì nếu khách hàng gặp khó khăn rủi ro đột xuất xảy ra thì ngân hàng cũng chịu tổn thất lớn, hơn nữa những thay đổi trong chu kỳ kinh doanh của khách hàng là không tránh khỏi.

- + Đa dạng hoá các sản phẩm tín dụng.

Đa dạng hoá các sản phẩm tín dụng có tác dụng phân tán rủi ro theo danh mục tài sản, giảm thiệt hại xảy ra khi có rủi ro đối với một vài loại tài sản nhất định.

- + Cho vay đồng tài trợ.

Là hình thức cho vay của các tổ chức tín dụng cho một dự án đầu tư và do một tổ chức tín dụng đứng ra làm đầu mối giữa các bên để thực hiện tài trợ. Cho vay đồng tài trợ nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động cho vay, giúp ngân hàng thương mại phân tán được rủi ro mà vẫn không bị mất nguồn thu từ phương án kinh doanh khả thi. Các tổ chức tín dụng tham gia đồng tài trợ phải ký kết với nhau một hợp đồng mà ở đó ghi rõ trách nhiệm và quyền hạn của từng thành viên tham gia đồng tài trợ. Do đó, khi rủi ro xảy ra gánh nặng sẽ được phân tán cho mỗi đơn vị chịu một phần rủi ro tương ứng với mức vốn tham gia của mình.

- Sử dụng các công cụ tín dụng phái sinh để phòng ngừa và hạn chế rủi ro:

Sử dụng các công cụ tín dụng phái sinh thông qua Hợp đồng trao đổi tín dụng (Credit swap), hợp đồng quyền chọn tín dụng (credit options). Hợp đồng quyền chọn tín dụng là một công cụ bảo vệ ngân hàng trước những tổn thất trong trị giá tài sản tín dụng, giúp bù đắp mức chi phí vay vốn cao hơn khi chất lượng tín dụng của ngân hàng giảm sút. Hợp đồng quyền chọn tín dụng cũng có thể được sử dụng để bảo vệ ngân hàng trước rủi ro chi phí vay vốn tăng do chất lượng tín dụng của ngân hàng giảm sút.

✓ Tổ chức quản trị rủi ro

Mô hình tổ chức quản trị rủi ro đơn giản tùy thuộc vào quy mô của từng ngân hàng. Với những ngân hàng nhỏ, giám đốc điều hành có thể quán xuyến được toàn bộ hoạt động của ngân hàng thì không nhất thiết phải hình thành những phòng chức năng chuyên trách về quản trị rủi ro tín dụng mà chỉ cần một vài nhân viên chịu trách nhiệm đo lường, đánh giá mức độ rủi ro và trực tiếp báo cáo cho giám đốc. Tuy nhiên, tại những ngân hàng lớn với nhiều chi nhánh, trong cơ cấu tổ chức của ngân hàng thường hình thành khối chuyên trách quản trị rủi ro với nhiều cấp độ quản trị. Trong trường hợp này, có sự phân định rõ ràng ở từng cấp trong ngân hàng và quản trị rủi

ro là quá trình thực hiện từ trên xuống và từ dưới lên. Tại cấp cao nhất là việc xác định mục tiêu thu nhập với giới hạn rủi ro. Trong quá trình quản trị thực hiện từ trên xuống, mục tiêu chung của ngân hàng sẽ được cụ thể hoá bằng những chỉ dẫn cho các bộ phận chức năng và cho những người quản trị có trách nhiệm. Những chỉ dẫn này bao gồm mục tiêu thu nhập, giới hạn rủi ro và các văn bản hướng dẫn chính sách quản trị rủi ro. Việc giám sát và lập báo cáo được định hướng từ dưới lên trên, bắt đầu từ giáo dục và kết thúc với những mức rủi ro đã được tổng hợp.

Nói tóm lại, tổ chức quản trị rủi ro kinh doanh nói chung và quản trị rủi ro tín dụng có liên quan đến nhiều hệ thống cấp bậc trong ngân hàng từ trên xuống dưới nhằm tổng hợp rủi ro và khả năng sinh lời của ngân hàng để giám sát.

2.4. Kiểm soát rủi ro tín dụng

Kiểm soát rủi ro tín dụng là một nội dung của quản trị rủi ro tín dụng được thực hiện song song với hoạt động quản trị rủi ro nhằm mục tiêu: i) phòng, chống và kiểm soát các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động ngân hàng. ii) đảm bảo toàn bộ các hoạt động, các bộ phận và từng cá nhân trong ngân hàng đều tuân thủ các quy định của pháp luật, tuân thủ và thực hiện các chiến lược, chính sách, quy trình và quyết định của các cấp thẩm quyền, đảm bảo mục tiêu an toàn và hiệu quả trong hoạt động của ngân hàng.

Kiểm soát rủi ro tín dụng bao gồm kiểm soát trước khi cho vay, trong khi cho vay và sau khi cho vay.

Kiểm soát trước khi cho vay bao gồm: kiểm soát quá trình thiết lập chính sách, thủ tục, quy trình cho vay; kiểm tra quá trình lập hồ sơ vay vốn và thẩm định, các kiểm tra viên thực hiện đối chiếu với quy định để kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ vay vốn, kiểm tra tính chính xác của các số liệu tính toán và thẩm định trên hồ sơ tín dụng; kiểm tra tờ trình cho vay và các hồ sơ liên quan để tìm hiểu quan điểm của cán bộ tín dụng, ý kiến của

phụ trách bộ phận tín dụng, xét duyệt của ban lãnh đạo và trình duyệt đối với trường hợp vượt thẩm quyền phán quyết.

Kiểm soát trong khi cho vay: kiểm soát một lần nữa hợp đồng tín dụng; kiểm tra quá trình giải ngân bao gồm đối chiếu xác nhận của khách hàng với số liệu tại ngân hàng để từ đó phát hiện các trường hợp vay hộ, lập hồ sơ giải ngân vay vốn, kê khai không tài sản đảm bảo, cán bộ tín dụng thu nợ, lãi không nộp ngân hàng, điều tra việc sử dụng vốn vay của khách hàng có đúng mục đích xin vay hay không, giám sát thường xuyên khoản vay.

Kiểm soát sau khi cho vay: Kiểm soát việc đôn đốc thu hồi nợ, kiểm soát tín dụng nội bộ độc lập, đánh giá lại chính sách tín dụng.

2.5. Tài trợ tổn thất

Lập quỹ dự phòng rủi ro.

Ngân hàng phải lập quỹ dự phòng để bù đắp tổn thất. Dựa trên tỷ lệ rủi ro chấp nhận và danh mục các khoản cho vay rủi ro, ngân hàng lập quỹ dự phòng. các khoản dự phòng được trích lập đối với các khoản nợ từ nhóm nợ cần chú ý đến nhóm nợ có khả năng mất vốn theo tỷ lệ tăng dần. Quỹ này không có tác dụng giảm rủi ro mà để chống đỡ cho vốn của chủ khi tổn thất xảy ra.

Bán các khoản cho vay.

Các ngân hàng thường bán những khoản cho vay để giảm thiểu rủi ro. Thông thường, ngân hàng bán nợ vẫn giữ quyền phục vụ đối với các khoản cho vay được bán. Với quyền này thì ngân hàng có thể có thu nhập từ lệ phí quản trị khoản vay từ việc thu nợ rồi chuyển các khoản phải thu này cho những người mua nợ, ngân hàng cũng đồng thời giám sát hoạt động của người đi vay nhằm bảo đảm rằng người đi vay tôn trọng mọi điều khoản của hợp đồng vay vốn.

Hoạt động bán nợ gồm hai loại chính: Bán nợ tham gia (participation loan) và chuyển nhượng nợ (assignment). Với loại thứ nhất, người mua nợ

không phải là một bên trong hoạt động tín dụng giữa ngân hàng với người đi vay. Chỉ trong trường hợp có những thay đổi quan trọng trong hợp đồng tín dụng thì người mua mới có thể tác động đến các điều khoản của hợp đồng tín dụng. Vì vậy, người mua phải đối mặt với rủi ro lớn, như ngân hàng bán khoản cho vay bị phá sản hoặc người đi vay không có khả năng trả nợ. Vì thế, người mua phải theo sát cả người đi vay lẫn ngân hàng bán. do những hạn chế này, phần lớn các khoản cho vay được bán dưới dạng chuyển nhượng nợ (assignment). Với phương pháp này, quyền sở hữu khoản cho vay được chuyển cho người mua và người mua có quyền yêu cầu trực tiếp với người đi vay. Trong một số trường hợp, điều này có nghĩa người đi vay phải đồng ý với việc bán khoản nợ của họ trước khi sự chuyển nhượng được thực hiện. một hình thức bán nợ thứ ba, gần giống với bán nợ tham gia là bán nợ từng phần (loan strip). Ngân hàng chia một khoản nợ dài hạn thành các khoản nợ ngắn hạn, thường có kỳ hạn rất ngắn khoảng vài ngày hoặc vài tuần, tổ chức mua nợ sẽ được được một phần trong tổng số tiền lãi của khoản cho vay.

Bán nợ cho phép ngân hàng hạn chế được rủi ro tín dụng và rủi ro lãi suất. việc bán các khoản cho vay cũng làm giảm tốc độ tăng tài sản của ngân hàng, điều này giúp cho nhà quản trị duy trì tốt hơn sự cân bằng giữa tốc độ tăng nguồn vốn và rủi ro tín dụng. Những ngân hàng mua các khoản tín dụng cũng có thể đa dạng hoá danh mục cho vay, mở rộng danh mục cho vay sang các lĩnh vực mới bên ngoài thị trường truyền thống và giúp hạn thấp rủi ro, giảm chi phí vay nợ của ngân hàng mua nợ.

3. Mô hình quản lí rủi ro tín dụng

Mô hình quản lí rủi ro tín dụng chính là hệ thống bao gồm mô hình tổ chức quản lí rủi ro, mô hình đo lường rủi ro và mô hình kiểm soát rủi ro được xây dựng và vận hành một cách đầy đủ, toàn diện và liên tục trong hoạt động quản lí tín dụng của ngân hàng.

Mô hình quản lý rủi ro tín dụng phản ánh một cách hệ thống các vấn đề về cơ chế, chính sách, quy trình nghiệp vụ nhằm thiết lập các giới hạn hoạt động an toàn và các chốt kiểm soát rủi ro trong một quy trình thực hiện nghiệp vụ; các công cụ đo lường, phát hiện rủi ro; các hoạt động giám sát sự tuân thủ và nhận diện kịp thời các loại rủi ro mới phát sinh và các phương án, biện pháp chủ động phòng ngừa, đối phó khi có rủi ro xảy ra. Hiện nay, ở Việt Nam đang có hai mô hình phổ biến được áp dụng. Đó là mô hình quản lý rủi ro tín dụng tập trung và mô hình quản lý rủi ro tín dụng phân tán.

3.1. Mô hình quản lý rủi ro tín dụng tập trung

Mô hình này có sự tách biệt một cách độc lập giữa ba chức năng: Quản lý rủi ro, kinh doanh và tác nghiệp. Sự tách biệt giữa ba chức năng nhằm mục tiêu hàng đầu là giảm thiểu rủi ro ở mức thấp nhất, đồng thời phát huy được tối đa kỹ năng chuyên môn của từng vị trí cán bộ làm công tác tín dụng.

Điểm mạnh: Quản lý rủi ro một cách hệ thống trên quy mô toàn ngân hàng, đảm bảo tính cạnh tranh lâu dài; thiết lập và duy trì môi trường quản lý rủi ro đồng bộ, phù hợp với quy trình quản lý gắn với hoạt động của các bộ phận kinh doanh; nâng cao năng lực đo lường giám sát rủi ro; xây dựng chính sách quản lý rủi ro thống nhất cho toàn hệ thống; thích hợp với ngân hàng quy mô lớn.

Điểm yếu: Việc xây dựng và triển khai mô hình quản lý tập trung này đòi hỏi phải đầu tư nhiều công sức và thời gian; đội ngũ cán bộ phải có kiến thức cần thiết và biết áp dụng lý thuyết với thực tiễn.

3.2. Mô hình quản lý rủi ro tín dụng phân tán.

Mô hình này chưa có sự tách bạch giữa chức năng quản lý rủi ro, kinh doanh và tác nghiệp. Trong đó, phòng tín dụng của ngân hàng thực hiện đầy đủ ba chức năng và chịu trách nhiệm đối với mọi khâu chuẩn bị cho một

khoản vay.

Điểm mạnh: Gọn nhẹ; cơ cấu tổ chức đơn giản; thích hợp với ngân hàng quy mô nhỏ.

Điểm yếu: Nhiều công việc tập trung hết một nơi, thiếu sự chuyên sâu; việc quản lý hoạt động tín dụng đều theo phương thức từ xa dựa trên số liệu chi nhánh báo cáo lên hoặc quản lý gián tiếp thông qua chính sách.

4. Kinh nghiệm quản trị rủi ro tín dụng của một số NHTM và bài học đúc kết

4.1. Kinh nghiệm của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hùng Vương (Tên giao dịch: Vietcombank Hùng Vương)

Vietcombank Hùng Vương đã và đang xây dựng các công cụ và hạ tầng quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II. Khung quản trị RRTD được xây dựng theo mô hình “ba vòng kiểm soát” cho phép tách bạch hoạt động quản trị rủi ro/chính sách tín dụng và thẩm định/thực thi chính sách tín dụng để thúc đẩy tăng trưởng nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát rủi ro tốt. Bên cạnh đó, Vietcombank Hùng Vương luôn nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ toàn diện hướng tới khách hàng, tạo sự khác biệt của một ngân hàng, xây dựng văn hóa dịch vụ hướng tới khách hàng. Vietcombank Hùng Vương đã duy trì một chính sách quản trị RRTD đảm bảo những nguyên tắc:

- Thiết lập một môi trường quản trị RRTD phù hợp;
- Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng an toàn, lành mạnh;
- Duy trì một quy trình quản trị, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp;
- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ, chặt chẽ đối với RRTD.

Ngân hàng tiến hành xét duyệt tín dụng thông qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức được cho phép theo từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của ngân

hàng có sự tham gia của Hội đồng tín dụng cơ sở để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất. Khung chính sách tín dụng được ban hành khá đồng bộ; Các quy trình nghiệp vụ tín dụng được chuẩn hóa và các tài liệu hướng dẫn; Ngoài ra, để ứng xử kịp thời với những biến động của môi trường kinh tế, pháp lý, còn có các văn bản chỉ đạo và cảnh báo tín dụng trong từng thời kỳ. Quản lý điều hành bằng cơ chế, chính sách, quy trình tín dụng, thực hiện phân quyền cho các cá nhân, đơn vị trong quá trình thực hiện. Hoạt động tín dụng được diễn ra thống nhất trong toàn hệ thống, đảm bảo các giới hạn chấp nhận rủi ro thông qua các tiêu chuẩn cấp tín dụng, cũng như các biện pháp quản lý tín dụng, đảm bảo rằng dù khách hàng quan hệ tín dụng ở bất cứ chi nhánh nào cũng được hưởng lợi các sản phẩm tín dụng như nhau. Đồng thời, các cá nhân, đơn vị được quyền chủ động thực hiện thông qua việc phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cấp có thẩm quyền trên cơ sở phù hợp với môi trường, chất lượng hoạt động, xếp hạng tín dụng của từng đơn vị và năng lực, trình độ, kinh nghiệm quản lý của người được ủy quyền.

4.1.1. Mô hình quản trị rủi ro tín dụng tại Vietcombank Hùng Vương Hiện nay, cùng với sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ thông tin kết hợp năng lực quản trị của ngân hàng, Vietcombank Hùng Vương đang áp dụng mô hình tổ chức quản trị RRTD phân tán, là mô hình mà cách thức tổ chức hoạt động quản trị RRTD ở nhiều bộ phận khác nhau, quyền quyết định và quản trị rủi ro khoản vay không tập trung ở trụ sở chính mà dàn đều ở các chi nhánh. Hiện tại, mỗi chi nhánh đều thiết lập 3 bộ phận có thể tách biệt độc lập, hoặc nằm cùng một phòng khách hàng doanh nghiệp/khách hàng bán lẻ, đó là:

Bộ phận quan hệ khách hàng, Bộ phận thẩm định tín dụng và Bộ phận quản lý nợ. Mặc dù các bộ phận này có thể bố trí tách biệt, nhưng do có giới hạn về nhân sự và để bộ máy tổ chức gọn nhẹ, mà nhiều chi nhánh bố trí các bộ

phận này cùng một phòng quản lý theo khách hàng cá nhân hay khách hàng doanh nghiệp, dẫn đến việc khó tách biệt các công đoạn trong quản trị RRTD từ khâu tiếp cận khách hàng đến thẩm định hồ sơ tín dụng và hoàn thiện hồ sơ tín dụng. Việc này phần nào làm cho công tác quản trị rủi ro chưa đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan. Tuy nhiên, đối với các khoản tín dụng vượt thẩm quyền phê duyệt của chi nhánh mà thuộc quyền của Trụ sở chính hoặc phê duyệt tín dụng khu vực thì công tác thẩm định đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan

4.1.2 Tổ chức thực hiện quản trị RRTD tại Vietcombank Hùng Vương

Một là, nhận biết RRTD

Ngân hàng đã thiết lập các phòng/ban và các bộ phận liên quan nhằm tiếp nhận thông tin, xử lý thông tin, nhằm sớm phát hiện ra các dấu hiệu cho thấy phát sinh RRTD.

Hai là, phân tích, đánh giá và đo lường RRTD

Để đánh giá được mức độ RRTD, ngân hàng cần phân tích đánh giá và đo lường RRTD đối với cả khách hàng và bản thân nội bộ ngân hàng. Cụ thể:

✓ Phân tích, đánh giá RRTD đối với hoạt động tín dụng của ngân hàng: Hoạt động tín dụng luôn có mức tăng trưởng tín dụng cao hơn thị trường, đem lại thu nhập lớn nhất cho Vietcombank Hùng Vương. Do vậy, nó luôn tiềm ẩn những rủi ro lớn nhất trong hoạt động của Vietcombank Hùng Vương.

✓ Phân tích, đánh giá và đo lường RRTD đối với khách hàng theo phương pháp cho điểm tín dụng, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Đánh giá RRTD của Vietcombank vẫn đang triển khai theo phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ.

✓ Đo lường RRTD theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước:

Vietcombank Hùng Vương áp dụng Thông tư số 11/2021/TT-NHNN.

- Quản lý khoản vay: Ngân hàng có quy định đánh giá lại định kỳ tình

trạng khoản vay, việc sử dụng vốn vay, đảm bảo nợ vay, tình hình tài chính của khách hàng, ít nhất mỗi năm một lần. Riêng với những món vay lớn hoặc khi có dấu hiệu bất thường xuất hiện thì việc đánh giá lại được thực hiện thường xuyên hơn (ít nhất mỗi lần một quý).

- Xây dựng một số giới hạn rủi ro: Chất lượng nợ của Vietcombank Hùng Vương khá tốt trong thời gian qua; tỷ lệ nợ xấu cũng chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng dư nợ của ngân hàng, thấp hơn nhiều so với mức trung bình của hệ thống các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

- Xây dựng mức ủy quyền với các chi nhánh: Phụ thuộc vào sự xếp hạng thẩm quyền cấp tín dụng của từng Chi nhánh, Trụ sở chính sẽ giao mức ủy quyền phán quyết đối với từng chi nhánh (trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các điều kiện tín dụng khác).

- Phân loại nợ, trích lập dự phòng RRTD: Ngân hàng tiến hành phân loại tín dụng theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN.

Xử lý nợ xấu và quản lý các khoản tín dụng có vấn đề: Các biện pháp xử lý nợ xấu mà ngân hàng đang áp dụng gồm tiếp tục cho vay để duy trì hoạt động nhằm khôi phục khả năng trả nợ; bổ sung tài sản đảm bảo cho khoản vay; cơ cấu lại thời hạn trả nợ; khoan nợ; chuyển sang AMC hoặc bán nợ cho VAMC. Việc ra quyết định lựa chọn biện pháp xử lý nợ xấu phải được sự xét duyệt của các cấp có thẩm quyền phù hợp, cần thiết phải có chỉ đạo và văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc ngân hàng.

4.1.3. Kiểm soát rủi ro tín dụng: Hiện tại Vietcombank Hùng Vương đã xây dựng ban kiểm tra, kiểm soát nội bộ trực có chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, theo dõi việc tuân thủ các yêu cầu về tác nghiệp tín dụng, nhằm kịp thời phát hiện và ngăn ngừa các rủi ro phát sinh do vi phạm các chính sách, thủ tục và giới hạn.

4.1.4. Những kết quả đạt được

- Về công tác cho vay, đầu tư: trong giai đoạn 2018-2020, khi lãi suất

cho vay với những biến đổi không ngừng, dư nợ tín dụng bán lẻ của Vietcombank Hùng Vương vẫn tăng trưởng (tỷ lệ tăng qua các năm là 19.785%; 22.022%) và nợ xấu ở mức dưới 2% là mức có thể kiểm soát được.

- Về mô hình quản trị RRTD bán lẻ: mô hình tổ chức bộ máy tín dụng có các chức năng độc lập, vừa đảm bảo tính chuyên nghiệp, vừa tăng cường khả năng giám sát quản lý khách hàng, thẩm định và đề xuất tín dụng ; thẩm định rủi ro và quản trị danh mục tín dụng.

- Về công tác nhận diện RRTD bán lẻ: Tại Vietcombank Hùng Vương, quy trình cấp tín dụng bao gồm đầy đủ các bước từ tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đến thu nợ. Qua từng bước, với những thước đo chuẩn mực và sự giám sát chặt chẽ của cán bộ tín dụng mà những yếu tố RRTD bán lẻ sẽ được nhận diện kịp thời.

- Về công tác đo lường RRTD bán lẻ: một số công cụ quản trị RRTD bán lẻ cơ bản đã và đang được triển khai như hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để chấm điểm và phân loại rủi ro đối với khách hàng; xác định giới hạn tín dụng tối đa cho từng khách hàng,...;

- Về công tác ứng phó, kiểm soát RRTD bán lẻ: Các biện pháp dự phòng để xử lý nợ xấu được tăng cường, số trích lập quỹ dự phòng rủi ro ngày càng phản ánh chính xác chất lượng nợ tại chi nhánh.

- Về công tác tuyển dụng, đào tạo cán bộ tín dụng: chất lượng cán bộ tín dụng đã được Ban lãnh đạo chi nhánh quan tâm sát sao luôn được đào tạo bài bản nhằm cung cấp các kiến thức và thông tin mới về quản trị rủi ro và quản trị RRTD bán lẻ, tập huấn về phương pháp thẩm định và quản lý nợ vay mới.

4.1.5. Những hạn chế và nguyên nhân. Đến nay, công tác quản trị RRTD bán lẻ tại Vietcombank Hùng Vương đã bộc lộ một số hạn chế như:

- RRTD bán lẻ tại Vietcombank Hùng Vương đã và đang xuất hiện nợ

quá hạn và nợ xấu.

- Nợ xấu chiếm tỷ trọng cao trong nợ quá hạn: Nợ xấu: 9.11 tỷ đồng, chiếm 0.08% tổng dư nợ (mức tối đa cho phép của năm: 36.78 tỷ đồng), tăng 5.65 tỷ đồng (163.2%) so với đầu năm 2020.

Nguyên nhân của các hạn chế trên là do:

i). Nhân tố chủ quan từ phía khách hàng và đối tác của khách hàng
Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động kinh doanh của khách hàng thường xuyên phải đương đầu với cạnh tranh và chịu sự chi phối rất lớn của quy luật cung cầu, giá cả thị trường,... nên cũng phải thường xuyên đối mặt với rủi ro từ nhiều phía như: thiên tai, dịch họa, trộm cắp, giá cả thay đổi, khả năng quản lý kém,... dẫn đến thiệt hại làm cho kinh doanh gặp khó khăn thua lỗ, phá sản.

ii). Nhân tố chủ quan từ phía Vietcombank Hùng Vương

Rủi ro trong thẩm định hồ sơ của ngân hàng: Nguồn thông tin hiện nay của Vietcombank Hùng Vương rất hạn chế, chủ yếu lấy từ Trung tâm thông tin tín dụng (CIC) và Vietcombank, thiếu tính cập nhật thường xuyên và chủ yếu theo dõi các đối tượng đã tồn tại lâu năm trên thị trường, chưa có thông tin của các khách hàng mới. Do đó, Vietcombank Hùng Vương chỉ có thông tin do khách hàng mới cung cấp, chưa rõ độ chính xác minh bạch và xác thực tình hình tài chính của khách hàng. Từ đó, dẫn đến sự sai lệch trong việc đánh giá hiệu quả của các khoản vay, cho vay quá khả năng chi trả của khách hàng. Ngoài ra, quá trình kiểm tra, giám sát sau khi cho vay của ngân hàng còn nhiều sơ hở, sai sót.

iii). Nhân tố khách quan từ môi trường bên ngoài

Rủi ro do sự thay đổi của môi trường tự nhiên: khách hàng bị ảnh hưởng bởi môi trường tự nhiên chủ yếu là các khách hàng cá nhân, hộ gia đình khi vay vốn để tăng gia sản xuất. Do sự cạnh tranh giữa các tổ chức tín dụng trên địa bàn, rủi ro do hệ thống thông tin quản lý còn bất cập: Các

thông tin từ CIC đã đem lại hiệu quả nhất định cho hoạt động của ngân hàng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều bất cập, do chúng ta chưa có một cơ chế công bố thông tin đầy đủ về khách hàng và ngân hàng, do vậy chưa tạo điều kiện cho các ngân hàng nói chung và Vietcombank Hùng Vương có quyết định cho vay đúng, giảm thiểu được rủi ro trong hoạt động tín dụng.

4.2. Kinh nghiệm của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (tên giao dịch: BIDV).

Là một trong số những ngân hàng thương mại lớn với hệ thống mạng lưới rộng khắp, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) luôn đi tiên phong trong việc ứng dụng khoa học công nghệ vào hiện đại hóa ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu quản trị và kinh doanh ngày càng cao và phức tạp. Việc áp dụng các chuẩn mực này không chỉ đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước theo đề án tái cơ cấu ngành Ngân hàng Việt Nam mà còn là điều kiện tiên quyết cho công cuộc hội nhập và mở rộng tầm ảnh hưởng của BIDV trong ngành Ngân hàng tài chính toàn cầu.

Tuy nhiên theo thống kê của BIDV cho thấy, số dư trích lập dự phòng RRTD cuối kỳ tăng dần qua các năm, tương ứng với sự tăng lên của số dư phòng trích lập trong năm. Khi tổng dư nợ tăng lên, ngân hàng cũng phải đối mặt với việc số dư phòng trích lập trong kỳ tăng tương ứng, bao gồm cả dự phòng chung và dự phòng riêng đối với từng nhóm nợ. Tỷ lệ nợ xấu của BIDV là không ổn định. Đây là tín hiệu đáng lo ngại trong vấn đề quản trị rủi ro tín dụng (RRTD) của ngân hàng trong vấn đề kiểm soát nguồn tín dụng cho vay (Tỷ lệ nợ xấu năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017 lần lượt là 2,37; 2,03; 1,68; 1,95; 1,27).

Về công tác nhận diện rủi ro tín dụng

Năm 2017, BIDV tiếp tục tích cực triển khai và hoàn thiện dự án trang bị giải pháp quản lý khoản vay nhằm hỗ trợ công tác đề xuất, thẩm định và phê duyệt tín dụng toàn hệ thống. Sau khi dự án được triển khai sẽ giúp

quản lý thông tin tập trung, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ tín dụng, tăng hiệu quả và chất lượng xử lý hồ sơ, nâng cao tính minh bạch, an toàn hệ thống ngân hàng, góp phần phục vụ triển khai Basel II theo quy định của Ngân hàng Nhà nước học kế toán online BIDV đã chuyển dần từ quản lý thanh khoản tĩnh sang quản lý thanh khoản động, trong đó đã có tính đến các giả thuyết như yếu tố mùa vụ, hành vi khách hàng, thay đổi chính sách điều hành ngân hàng Nhà nước, môi trường kinh tế vĩ mô...; thử nghiệm xây dựng các mô hình kiểm nghiệm khủng hoảng. Đối với rủi ro lãi suất, BIDV đã thực hiện triển khai các công cụ cơ bản để quản lý rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất như khe hở nhạy cảm lãi suất (GAP), thay đổi thu nhập ròng từ lãi (NII), khe hở thời lượng (DGap)... Các báo cáo được cập nhật thường xuyên (hàng tháng) đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ quản trị rủi ro của ban lãnh đạo. Cơ sở dữ liệu, chương trình quản lý tính toán được xây dựng đồng bộ, tự động và thường xuyên được nâng cấp, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu quản trị thực tế... Vấn đề dữ liệu luôn là thách thức lớn đối với bất kỳ một ngân hàng nào khi triển khai Basel. học kế toán tổng hợp .Nhận thức được vấn đề này, BIDV đã xây dựng riêng cho mình Tổ đánh giá dữ liệu quản lý tài sản nợ – tài sản có (ALM), thực hiện các nhiệm vụ xây dựng lộ trình làm sạch, làm giàu dữ liệu phục vụ ALM nói chung và quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất nói riêng; định kỳ đánh giá chất lượng dữ liệu. Qua đó, bảo đảm có dữ liệu chính xác kịp thời để hỗ trợ công tác quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất hiệu quả. khóa học xuất nhập khẩu online Dự án xây dựng các công cụ đo lường rủi ro tín dụng hiện đại thành công sẽ giúp BIDV nâng cao hiệu quả toàn bộ chuỗi quy trình tín dụng theo thông lệ tiên tiến từ khâu thẩm định trước khi cho vay đến quản lý sau cho vay. Ma trận xếp hạng có được từ hệ thống xác suất vỡ nợ giúp ngân hàng phân nhóm, sàng lọc khách hàng tốt hơn, hỗ trợ quá trình ra quyết định cũng như giảm thời gian phê duyệt tín dụng. Song song,

các công cụ đo lường còn là căn cứ để xác định lãi suất, phí thu từ khách hàng một cách chính xác dựa trên rủi ro và đặc thù của khách hàng, từ đó gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng.

Về công tác đo lường rủi ro tín dụng

Với mục tiêu chiến lược là ngân hàng số 1 tại Việt Nam, BIDV đã luôn tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất để quản trị hoạt động kinh doanh, đặc biệt là quản trị rủi ro tín dụng. Từ năm 2016, BIDV đã hoàn thành và đưa vào triển khai hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ mới cùng chương trình phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, giúp đáp ứng tốt hơn đối với các yêu cầu về việc phân loại nợ và trích lập dự phòng được quy định theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN của NHNN, đồng thời, tạo bước quan trọng trong việc thu thập các dữ liệu cần thiết để tiến tới xây dựng mô hình định lượng rủi ro tín dụng theo tiêu chuẩn quốc tế (Basel II). chúng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của BIDV đã đáp ứng các điều kiện về xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của NHNN. Đây là một bước đi mới, nhằm tiếp cận từng bước với việc đo lường và tính toán rủi ro theo Hiệp ước Basel II (theo phương pháp tiếp cận xếp hạng nội bộ). Theo đó, khách hàng được chấm điểm và xếp hạng tín dụng được chia thành 3 nhóm: Khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và khách hàng định chế tài chính. Trong đó, phần mềm chấm điểm tín dụng khách hàng doanh nghiệp là cốt lõi. Ngoài ra, BIDV hiện đang sử dụng kết quả chấm điểm là một trong những tiêu chí hàng đầu để thẩm định, đánh giá khách hàng và là căn cứ phân cấp thẩm quyền phán quyết tín dụng và xác định mức cấp tín dụng đổ đi khách hàng. Đối với mỗi hạng khách hàng khác nhau, chi nhánh có mức ủy quyền phê duyệt tín dụng khác nhau. dầy kế toán online. Đồng thời, mức cấp tín dụng và tỷ lệ cấp tín dụng tối đa so với tài sản đảm bảo đối với mỗi khách hàng cũng được xác định dựa trên hạng tín dụng của khách hàng đó. Đối với công tác đo lường rủi ro

tín dụng, BIDV thực hiện các biện pháp để chọn lọc khách hàng vay vốn thông qua hệ thống định hạng xếp loại khách hàng nhằm định lượng mức độ rủi ro cho từng khách hàng. Từ đó, ngân hàng sẽ có chính sách cho vay phù hợp với mức độ rủi ro của từng khách hàng. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ là một cấu phần quan trọng và là một công cụ đắc lực trong quản trị kinh doanh ngân hàng nói chung và quản lý rủi ro tín dụng nói riêng. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được sử dụng trong các quy trình quản lý rủi ro tín dụng như trong ban hành chính sách tín dụng, quy trình tín dụng, giám sát rủi ro danh mục tín dụng, lập báo cáo quản trị rủi ro, chính sách dự phòng rủi ro tín dụng, xác định khung lãi suất chuẩn. BIDV xây dựng ba hệ thống chấm điểm khác nhau cho ba loại khách hàng chính là tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế và cá nhân. Hệ thống chấm điểm xếp hạng khách hàng là tổ chức kinh tế được thực hiện qua 06 bước.

Nguyên tắc chấm điểm: Thông thường một chỉ tiêu tài chính hoặc phi tài chính sẽ có năm khoảng giá trị chuẩn tương ứng với 5 mức điểm là 20, 40, 60, 80, 100. Tùy theo mức độ quan trọng sẽ có các trọng số khác nhau giữa các chỉ tiêu. Nhìn chung, quy trình cấp tín dụng của BIDV cho đến nay đã được thể chế hóa tương đối đầy đủ, chặt chẽ, đồng bộ, phù hợp với thực trạng khách hàng cũng như cơ sở hạ tầng của nền kinh tế. Theo đó, các quy định, chính sách tín dụng; đã bao gồm khá toàn diện các nội dung cần thiết mà các ngân hàng cần thực hiện trong quá trình phê duyệt tín dụng.

Mô hình cấp tín dụng và quản lý RRTD:

BIDV Triển khai thực hiện mô hình cấp tín dụng và quản lý RRTD tập trung: Một trong những nguyên tắc quản lý RRTD theo Hiệp ước Basel II nhằm thực hiện quá trình cấp tín dụng lành mạnh trên nguyên tắc phân tách bộ máy cấp tín dụng theo các bộ phận tiếp thị, bộ phận phân tích tín dụng và bộ phận phê duyệt tín dụng.

Trên giác độ quản lý RRTD có thể thấy, mô hình tổ chức cấp tín dụng của

BIDV có những bước tiến đáng kể. Từ mô hình cấp tín dụng phân tán trên cơ sở ủy quyền phán quyết tín dụng cho các chi nhánh ở mức khá cao, BIDV đã chuyển đổi mô hình tổ chức bộ máy tín dụng trong toàn hệ thống theo mô hình cấp tín dụng tập trung, đảm bảo nguyên tắc phân tách độc lập giữa bộ phận quan hệ khách hàng với bộ phận thẩm định và bộ phận phê duyệt, quyết định cấp tín dụng; quản lý thống nhất từ cấp trụ sở chính xuống chi nhánh, giảm thấp mức ủy quyền phán quyết đối với các chi nhánh.

Đây là bước đi quan trọng để BIDV tiệm cận với mô hình hoạt động ngân hàng chuẩn mực, phù hợp thông lệ quốc tế, tạo dựng một khung quản lý rủi ro vững chắc, cân bằng giữa lợi nhuận dự kiến và rủi ro có thể chấp nhận được.

Về công tác dự phòng và xử lý rủi ro tín dụng

Năm 2016, BIDV đã hoàn thành và đưa vào triển khai hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ mới cùng chương trình phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, qua đó đáp ứng tốt hơn đối với các yêu cầu về việc phân loại nợ và trích lập dự phòng được quy định theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN của NHNN, đồng thời, tạo bước quan trọng trong việc thu thập các dữ liệu cần thiết để tiến tới xây dựng mô hình định lượng RRTD theo tiêu chuẩn quốc tế (Basel II) nhân viên, nhân sự Bên cạnh đó, BIDV đã từng bước áp dụng các kỹ thuật giảm thiểu rủi ro tín dụng đối với khách hàng như: Thế chấp tài sản bảo đảm, bảo lãnh của bên thứ ba BIDV đánh giá phạm vi bảo lãnh trong đi quan hệ với mức độ tín nhiệm, năng lực pháp lý và tiềm lực của bên bảo lãnh. Chỉ những bảo lãnh chắc chắn mới được chấp nhận để bảo đảm cho khoản tín dụng.

Các bên liên quan cần có các quy định để đảm bảo hiệu lực thực thi của các hợp đồng bảo lãnh; Các tài sản bảo đảm cũng thường xuyên được rà soát, đánh giá, định giá lại giá trị để xác định mức cấp tín dụng phù hợp và yêu

cầu khách hàng bổ sung tài sản cũng như có ứng xử tín dụng thích hợp. Ngoài ra, BIDV còn thành lập Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản để tiếp nhận tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh; định giá tài sản đảm bảo và hỗ trợ ngân hàng trong công tác phát mại và bán đấu giá tài sản, quản lý nhân sự

4.3. Kinh nghiệm từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Thọ

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Thọ là một trong những Ngân hàng cấp I thuộc hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và là ngân hàng chủ chốt của tỉnh Phú Thọ, trong những năm gần đây Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Thọ rất quan tâm đến các vấn đề về rủi ro ngân hàng nhất là rủi ro tín dụng. Ngân hàng đã và đang thực hiện một số các văn bản pháp luật của UBND tỉnh, Ngân hàng nhà nước và của Chính phủ ban hành. Thông qua các quy định trong văn bản pháp luật này thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Thọ đã và đang thực hiện các chính sách quản trị rủi ro tín dụng cụ thể như sau:

Mô hình quản trị rủi ro tín dụng: quản trị phân quyền dựa trên cơ sở các chính sách và nguyên tắc được điều hành tập trung. Đây là mô hình quản trị rủi ro truyền thống tức là các phòng ban được phân định dựa trên loại hình nghiệp vụ.

Phân tán rủi ro: bằng hình thức đa dạng hóa các hình thức cho vay, đa dạng hóa các đối tượng khách hàng và phân loại cho vay theo kỳ hạn, theo hình thức bảo đảm, cho vay đồng tài trợ.

Cơ cấu phân bổ tín dụng, giới hạn cấp tín dụng: thực hiện theo thông tư 36/2019/TT-NHNN ngày 20/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng như: Sử dụng nguồn vốn

ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn theo tỷ lệ tối đa 65%, Ngân hàng phải duy trì tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi ở mức 70%....

Công tác quản trị: Thực hiện đúng quy trình thẩm định, giám sát công tác thẩm định, phân tích, sàng lọc khách hàng để quyết định cho vay, kiểm tra giám sát các khoản tín dụng sau khi giải ngân...Trích lập dự phòng theo thông tư 02/2018/TT-NHNN và xử lý rủi ro theo quy định của Agribank.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây nợ xấu và nợ quá hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Thọ có xu hướng tăng cho thấy các chính sách quản trị rủi ro tín dụng của chi nhánh chưa thực sự hiệu quả, chưa phát huy được các giải pháp nhằm quản trị rủi ro tín dụng.

4.4. Bài học kinh nghiệm

Qua kinh nghiệm của một số ngân hàng trong quản trị rủi ro tín dụng, có thể rút ra một số bài học.

Một là, tạo hành lang pháp lý cho sự ra đời của các ngân hàng bảo lãnh, các tổ chức mua bán nợ, kinh doanh rủi ro góp phần tăng cường các biện pháp, giải pháp trong hoạt động tài trợ rủi ro đồng thời góp phần phát triển đầy đủ các thị trường.

Hai là, xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản trị rủi ro độc lập, đảm bảo tính độc lập giữa cán bộ tín dụng, cán bộ quản trị tín dụng với cán bộ quản trị rủi ro, cán bộ rủi ro. Cấp chi nhánh phải có đội ngũ cán bộ quản trị rủi ro chuyên trách, đảm bảo chức năng quản trị rủi ro tín dụng phải được giao cho một bộ phận hoạt động độc lập với các đơn vị kinh doanh của ngân hàng và sẽ không tham gia vào hoạt động tạo ra rủi ro.

Ba là, thực hiện cải tổ toàn diện các yếu tố có ảnh hưởng tác động đến năng lực quản trị rủi ro, bao gồm hoạch định và xây dựng chiến lược, mục tiêu và chính sách quản trị rủi ro.

Bốn là, thường xuyên tổ chức các khoá đào tạo và bồi dưỡng kiến

thức để nâng cao năng lực đánh giá, phân tích rủi ro tín dụng cho cán bộ thẩm định rủi ro tín dụng, cán bộ rủi ro chuyên trách nhằm từng bước xây dựng đội ngũ chuyên gia về quản trị rủi ro tín dụng vì theo kinh nghiệm của Citibank thì không có phương pháp phân tích phức tạp, hiện đại nào có thể thay thế được kinh nghiệm và đánh giá của chuyên môn trong quản trị rủi ro.

Năm là, chú trọng hơn nữa đến việc đầu tư và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho việc phân tích, đánh giá, đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện chấm điểm tín dụng theo tiêu chuẩn quốc tế, giám sát độc lập khoản vay, chú trọng thực hiện phân nhóm khách hàng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương này cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại về mặt lý luận và thực tiễn, giúp người đọc hiểu sâu hơn vai trò của ngân hàng thương mại trong nền kinh tế hiện nay, vị trí của hoạt động tín dụng và tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng tín dụng của các ngân hàng. Trong chương này, tác giả lần lượt đi vào trình bày những lý luận chung nhất, cơ bản nhất và được đồng tình rộng rãi nhất liên quan đến quản trị rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại. Xuất phát từ các khái niệm về tín dụng, rủi ro tín dụng tác giả đi vào tổng hợp những biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng có hiệu quả nhất. Từ những nhóm giải pháp và biện pháp cụ thể đó, tác giả tiếp tục đi sâu vào một số ngân hàng thương mại trong và ngoài nước, tìm hiểu, phân tích và tóm lược những chính sách, vấn đề rủi ro tín dụng và giải pháp của các ngân hàng này như thế nào? Đánh giá chung về kết quả đạt được của các ngân hàng đó.

Từ hệ thống lý luận cơ sở được tập hợp từ tài liệu phân tích, thực tế tìm hiểu đó để đưa ra hệ thống lý luận cơ sở cho những đánh giá và phân tích tiếp theo của luận văn.

Chương 2 chúng ta sẽ đi sâu phân tích thực trạng chất lượng tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm, (số liệu phân tích thực nghiệm thu thập từ quan sát và tìm hiểu công tác tín dụng cụ thể tại Agribank chi nhánh Từ Liêm).

Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG AGRIBANK CHI NHÁNH TỪ LIÊM

2.1. Giới thiệu khái quát về Agribank chi nhánh Từ Liêm

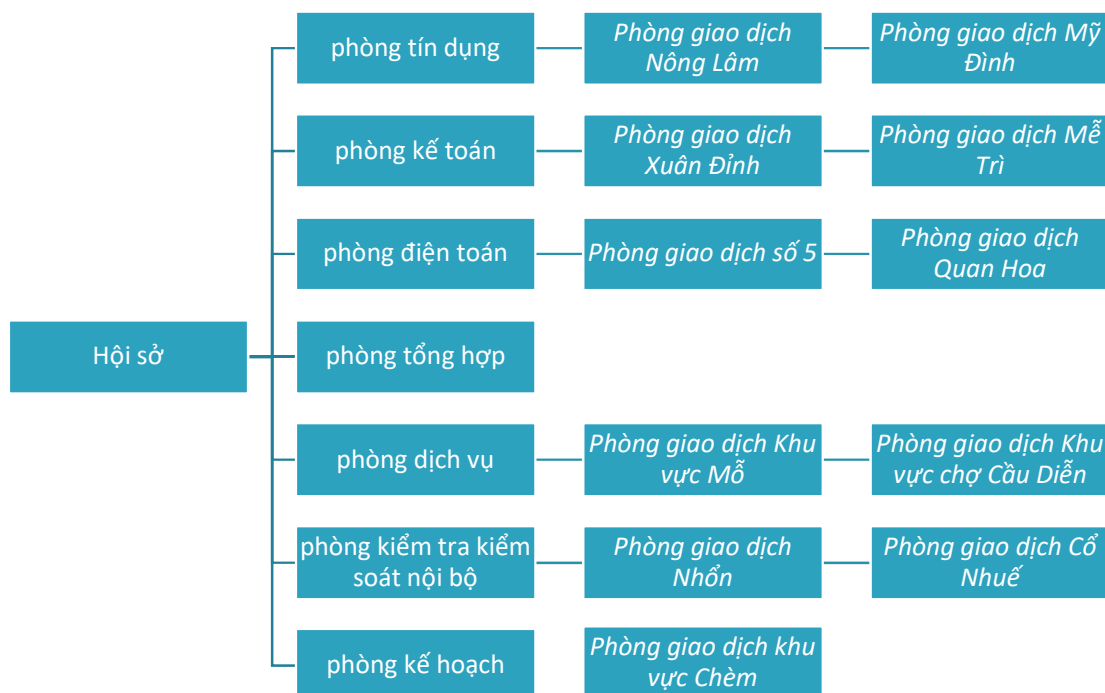
2.1.1. Lịch sử ra đời và phát triển

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam Chi nhánh Từ Liêm là một Chi nhánh cấp 1 trong mạng lưới Chi nhánh của AGRIBANK. Chi nhánh Từ Liêm được thành lập theo quyết định số 198 ngày 02 tháng 6 năm 1998 do Ngân hàng Nhà nước cấp. GCN đăng ký kinh doanh số: 302734 ngày 27 tháng 3 năm 1996.

Agribank Chi nhánh Từ Liêm có trụ sở đặt tại số 10 Phố Nguyễn Cơ Thạch, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội. Qua quá trình hình thành và phát triển đến nay Chi nhánh Từ Liêm đã và đang ngày càng hoàn thiện cơ cấu tổ chức và hoạt động của các phòng ban cũng như của các phòng giao dịch trực thuộc .

Đến 31 tháng 12 năm 2015 mạng lưới của Agribank CN Từ Liêm được chia làm hai nhóm: Nhóm phòng ban tại trụ sở chính và các phòng giao dịch trực thuộc.

Các phòng ban trực thuộc bao gồm:



2.1.2. Chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức.

Các hoạt động chính của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Từ Liêm bao gồm:

- Huy động vốn:

Nhận các loại tiền gửi như nhận tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không có kỳ hạn bằng Việt Nam đồng và ngoại tệ của các cá nhân, tổ chức kinh tế.

Nhận tiền gửi tiết kiệm với nhiều hình thức như tiền tiết kiệm không kỳ hạn, tiết kiệm có kỳ hạn...

- Sử dụng vốn:

Cho vay ngắn, trung và dài hạn bằng Việt Nam đồng với các khách hàng là cá nhân, tổ chức kinh tế.

Cho vay tiêu dùng phục vụ đời sống.

- Dịch vụ thanh toán và ngân

quỹ Chuyển tiền trong nước,

chuyển tiền nước ngoài

Chi trả lương cho các doanh nghiệp qua tài khoản

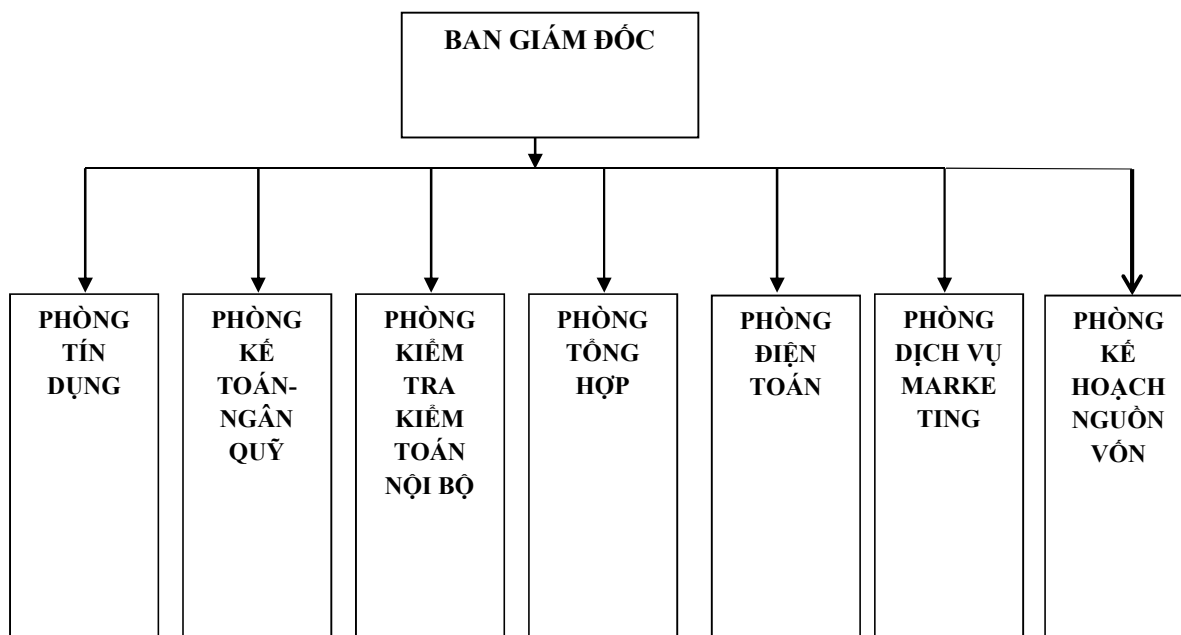
- Dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử

Phát hành và thanh toán thẻ tín dụng nội địa

Dịch vụ thẻ ATM, thẻ Visa card, thẻ Master card

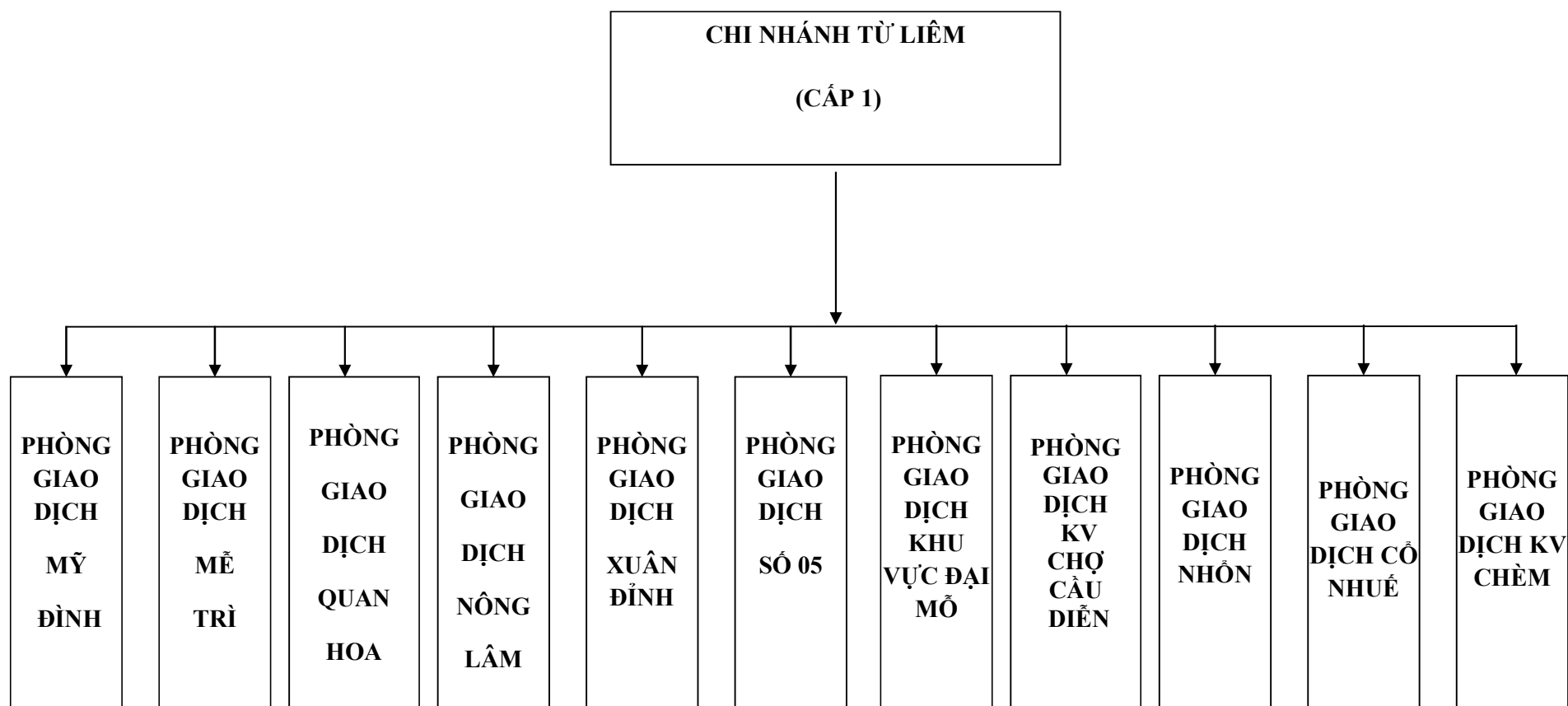
- Bảo lãnh các loại

Cơ cấu tổ chức:



Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Hội sở chi nhánh

Sơ đồ 2: Sơ đồ mạng lưới chi nhánh Agribank Chi nhánh Từ Liêm



Như vậy qua quá trình hình thành và phát triển đến nay Agribank chi nhánh Từ Liêm có 7 phòng ban tại Hội sở chính và quản trị trực tiếp 11 phòng giao dịch trực thuộc. Các phòng giao dịch trực thuộc có quy mô vừa và nhỏ nhưng cũng thực hiện đầy đủ các chức năng và nhiệm vụ như hoạt động huy động vốn, cho vay và các dịch vụ thanh toán chuyển tiền, phát hành thẻ thanh toán... ngoài trừ việc phát hành bảo lãnh.

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh và tín dụng của Agribank chi nhánh Từ Liêm

Năm 2022 tình hình kinh tế xã hội đã có nhiều chuyển biến tích cực, tuy vậy một số ngành, lĩnh vực vẫn còn gặp khó khăn do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 và tình hình chính trị của thế giới. Ngân hàng Nhà nước đã triển khai đồng bộ các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô ổn định hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, đảm bảo hoạt động của các tổ chức tín dụng ổn định. Mặt bằng lãi suất ngân hàng cả tiền gửi và tiền vay tiếp tục giảm khoảng 0,2% - 0,5%/ năm, qua đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh và vẫn đảm bảo thanh khoản của các tổ chức tín dụng.

Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Agribank chi nhánh Từ Liêm đã đạt được một số kết quả như:

Tổng nguồn vốn đạt 13.071 tỷ đồng, tăng 730 tỷ đồng so với năm 2021, tốc độ tăng +5,9% (Toàn hệ thống NHNo tăng 10,6%).

Dư nợ tín dụng đạt 2.573 tỷ đồng, tăng 12,1% so với 2021 (Toàn hệ thống dư nợ tăng trưởng 9,8%).

Lợi nhuận đạt 169 tỷ đồng tăng 57.8 tỷ đồng (tương ứng tăng 52%) so năm 2021 đảm bảo đủ lương và có lương năng suất.

Đánh giá công tác hoạt động tín dụng trong năm 2022 đã đạt được những kết quả như sau:

Tổng dư nợ đạt 2,573 tỷ đồng, tăng 277 tỷ đồng (+12.1%) so với 31/12 / 2021 . Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đạt 102.7% (Tăng trưởng 277 tỷ đồng/Kế hoạch giao 270 tỷ đồng).

- + Dư nợ doanh nghiệp: 994 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 38.5%/Tổng dư nợ;
- + Dư nợ hộ SX, cá nhân: 1,579 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 61.5%/ Tổng dư nợ.
- + Theo kỳ hạn: Dư nợ ngắn hạn: 1.581 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 61.5%/ Tổng dư nợ; Dư nợ trung hạn: 378 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 14.7%/Tổng dư nợ; Dư nợ dài hạn: 614 tỷ đồng. chiếm tỷ trọng 23.8% Tổng dư nợ
- + Theo mạng lưới: Dư nợ tại Hội sở chiếm 55% dư nợ toàn chỉ nhánh, các PGD chiếm 45%. (chi nhánh có 11 PGD có hoạt động cho vay). Với cơ cấu và mạng lưới hiện tại, dư nợ tại các phòng giao dịch chủ yếu là dư nợ khách hàng cá nhân với các khoản vay từ 2 tỷ trở xuống, tổng dư nợ giao động từ 1.100-1.200 tỷ đồng. Cơ cấu dư nợ tại một số phòng giao dịch tương đối thấp (60-80 tỷ đồng), chưa tận dụng được nguồn lực tại địa bàn.
- + Theo nhóm nợ: Nhóm 1: 2,410 tỷ đồng. Tỷ lệ 93.66%/ Tổng dư nợ; Nhóm 2: 138 tỷ đồng. Tỷ lệ 5.35% Tổng dư nợ; Nợ xấu nhóm 3,4,5: 25.48 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu: 0.99%/ Tổng dư nợ, đạt kế hoạch TSC giao năm 2022.

Nhìn chung công tác tín dụng tại chi nhánh về cơ bản ổn định, chất lượng tín dụng đảm bảo, tỷ lệ trích dự phòng rủi ro thấp và tạo được những nguồn thu nhất định đóng góp vào tài chính của chi nhánh. Cụ thể:

- Kiểm soát chặt chẽ việc cấp tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao, chi nhánh từng bước chuyển đổi cơ cấu lại tài sản Có rủi ro; nâng cao chất lượng tín dụng. Đến 31/12, tỷ lệ nợ xấu đạt 0,99%. Tỷ lệ trích dự phòng thấp, góp phần ổn định tài chính chi nhánh.
- Thành lập tổ thu nợ, xử lý nợ xấu do Giám đốc Chi nhánh làm tổ trưởng: thường xuyên phân tích và đánh giá từng khoản nợ xấu trên cơ sở đó chỉ đạo xây dựng phương án đôn đốc, giám sát và xử lý. Kết quả thu hồi nợ đạt 61% kế hoạch giao.
- Tích cực trong công tác thu lãi, đặc biệt lãi tồn góp phần tạo quỹ thu nhập cho Chi nhánh.
- Tăng cường thu dịch vụ gắn kèm với các sản phẩm tín dụng, góp phần tăng thu nhập, đóng góp vào việc hoàn thành chỉ tiêu thu dịch vụ của toàn chi nhánh. Tuân thủ quy trình cho vay, thẩm quyền quyết định tín dụng, công bố công khai các thông tin về quy trình, thủ tục, thời hạn, lãi suất cho vay

2.3. Thực trạng hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm

2.3.1. Chính sách tín dụng và quy trình nghiệp vụ tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm:

Agribank chi nhánh Từ Liêm chủ yếu cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình cá nhân. Trong năm 2022, dư nợ tín dụng của Agribank CN Từ Liêm đạt 2.573 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay doanh nghiệp là 994 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 38,5% tổng dư nợ. Dư nợ cho vay hộ sản xuất gia đình, cá nhân đạt 1.579 tỷ đồng chiếm 61,5% tổng dư nợ của chi nhánh.

Dư nợ phân theo kỳ hạn các khoản tín dụng của Agribank chi nhánh Từ Liêm tỷ lệ cho vay ngắn hạn chiếm cao nhất chiếm 61,5% tương đương với 1.581 tỷ đồng, nợ trung hạn là 378 tỷ đồng chiếm 14,7% tổng dư nợ và nợ dài hạn là 614 chiếm 23,8%. Điều này do hai nguyên nhân chủ yếu: (1) vì yếu tố rủi ro, độ rủi ro tỷ lệ rủi ro tỷ lệ nghịch với thời gian khoản tài trợ, điều đó có nghĩa là xét về một khía cạnh nào đó, tín dụng ngắn hạn ít rủi ro hơn tín dụng trung và dài hạn. (2) chi phí vốn, chi phí vốn khoản tín dụng ngắn hạn rẻ hơn và dễ huy động hơn khoản tín dụng trung và dài hạn.

Quy trình nghiệp vụ tín dụng

Hiện tại, toàn bộ hoạt động tín dụng tại Agribank được áp dụng thống nhất theo Quy chế số 899/QC-HĐTV-TD ngày 27/12/2022 của Hội đồng thành viên ban hành Quy chế cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Agribank; Quy định số 868/QyĐ-NHNo-TD ngày 18/04/2023 của Tổng Giám đốc về Quy định cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Agribank. Đây là quy trình khép kín, bao gồm những bước như sau:

•Bước 1: Tiếp nhận, thu thập, đánh giá hồ sơ, thông tin về nhu cầu vay vốn của khách hàng

Người thực hiện: Người quan hệ khách hàng

1. Tiếp nhận nhu cầu vay vốn, hướng dẫn khách hàng quy định về điều kiện vay vốn, hồ sơ, thủ tục, lãi suất cho vay, các loại sản phẩm và chính sách khách hàng của Agribank.

2. Thu thập thông tin, hồ sơ, tài liệu về khách hàng vay vốn, phương án sử dụng vốn, TSBĐ (nếu áp dụng cho vay có bảo đảm bằng tài sản).

3. Rà soát, đánh giá tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn.

4. Khảo sát về nhu cầu vay vốn, TSBĐ (nếu áp dụng cho vay có bảo đảm bằng tài sản).

5. Phối hợp với bộ phận quản lý thông tin khách hàng (CIF) thực hiện đăng ký thông tin và cấp mã khách hàng trên hệ thống IPCAS (nếu khách hàng chưa có mã), sửa đổi, bổ sung theo quy định hiện hành.

6. Nhận diện và đánh giá người có liên quan tới khách hàng vay vốn (trừ trường hợp không phải nhận diện người có liên quan theo quy định), nhập thông tin người có liên quan của khách hàng trên hệ thống IPCAS theo quy định về việc cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan.

7. Thu thập thông tin về quan hệ tín dụng của khách hàng từ Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (CIC) (trừ trường hợp không phải thu nhập thông tin CIC), thông tin tín dụng tại Agribank của người có liên quan.

8. Thu thập thông tin, chấm điểm hoặc đăng ký khách hàng không chấm điểm (trường hợp khách hàng thuộc đối tượng không chấm điểm) trên hệ thống xếp hạng.

- Agribank xếp hạng rủi ro của khách hàng thành 10 hạng với các rủi ro từ thấp lên cao: AAA, AA, A, BBB, BB, B, CCC, CC, C và D. Việc chấm điểm sẽ dựa trên 02 phần: Chấm điểm dựa trên các chỉ tiêu tài chính dựa trên các tiêu chí tài chính từ các Báo cáo tài chính và chấm điểm các chỉ tiêu phi tài chính dựa trên sự đánh giá chủ quan của Cán bộ chấm điểm (với sự giám sát của Cán bộ giám sát). Chỉ tiêu này được tính tỷ trọng đối với 2 đối tượng khách hàng: khách hàng đã từng quan hệ tín dụng với Agribank và khách hàng mới.

Quy trình gồm 5 bước sau:

Bước 1: Thu thập thông tin và phân loại khách hàng

Bước 2: Xác định ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh

Bước 3: Chấm điểm rủi ro tín dụng

Bước 4: Xếp hạng khách hàng

Bước 5: Trình phê duyệt kết quả chấm điểm

Cụ thể từng Bước của quy trình như sau:

Bước 1: Thu thập thông tin và phân loại khách hàng.

Cán bộ chấm điểm tiến hành điều tra thu thập, xác minh và sàng lọc để tổng hợp thông tin về khách hàng và các phương án sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư từ các nguồn:

+ Hồ sơ do khách hàng cung cấp: Hồ sơ pháp lý và các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh...

+ Phỏng vấn trực tiếp khách hàng (tham khảo bảng câu hỏi trong Quy trình tín dụng);

+ Đi thăm thực địa, cơ sở sản xuất kinh doanh của khách hàng;

+ Từ báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

+ Từ Trung tâm thông tin tín dụng của NHNN Việt Nam;

+ Các nguồn thông tin khác...

Báo cáo tài chính để sử dụng là các Báo cáo đầu kỳ và cuối kỳ chấm điểm do Agribank quy định trong từng thời kỳ cụ thể. Trong trường hợp khách hàng mới thành lập hoặc không có Báo cáo tài chính để chấm điểm theo quy định, Cán bộ chấm điểm sẽ không chấm điểm tài chính

Lưu ý: Đối với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán nếu ý kiến kiểm toán là:

(1) Ý kiến từ chối (hoặc ý kiến không thể đưa ra ý kiến) hoặc (2) ý kiến không chấp nhận (hoặc ý kiến trái ngược) thì các báo cáo này coi như

chưa được kiểm toán.

Bước 2: Xác định ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh:

Sử dụng bảng phân tích ngành nghề của Agribank để chọn ra lĩnh vực hoạt động tương ứng của khách hàng dùng để chấm điểm. Việc xác định lĩnh vực và ngành nghề hoạt động kinh doanh được căn cứ trên ngành nghề hoặc lĩnh vực kinh doanh chính (đăng ký trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh). Trong các trường hợp chấm điểm, cán bộ chấm điểm cần lưu ý loại trừ những hoạt động mang tính đột biến không thường xuyên mà mang lại tỷ trọng doanh thu lớn. Trong trường hợp khách hàng kinh doanh nhiều hơn một lĩnh vực:

- * Các ngành đang kinh doanh đều được AGRIBANK tài trợ vốn: Sử dụng lĩnh vực mà đơn vị hoạt động thường xuyên và liên tục mang lại tỷ trọng doanh thu lớn nhất.

- * Trường hợp AGRIBANK tài trợ cho ngành/lĩnh vực mang tỷ trọng nhiều nhất về doanh thu của khách hàng (ngành nghề hoạt động kinh doanh chính) cán bộ chấm điểm sử dụng các thông tin thu thập được và chấm điểm theo ngành/lĩnh vực này.

- * Trong trường hợp AGRIBANK chỉ tài trợ cho ngành/lĩnh vực mà không phải mang tỷ trọng nhiều nhất về doanh thu của khách hàng (ngành nghề phụ) cán bộ vẫn phải sử dụng ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong Doanh thu và ngành mà AGRIBANK đang tài trợ để chấm điểm. Trong trường hợp này cần phải lưu ý, kết quả điểm cuối cùng để đưa vào hệ thống xếp hạng là điểm thấp nhất trong hai chỉ tiêu trên.

Các ngành nghề chính bao gồm:

Ngành 1: Nông lâm thủy sản.

Ngành 2: Công nghiệp khai thác mỏ.

Ngành 3: Sản xuất công nghiệp nặng.

Ngành 4: Sản xuất công nghiệp nhẹ.

Ngành 5: Xây dựng.

Ngành 6: Thương mại.

Ngành 7: Dịch vụ.

Bước 3: *Chấm điểm tín dụng dựa trên các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính.*

Chấm điểm quy mô:

Hệ thống chấm điểm xác định quy mô của khách hàng dựa trên các tiêu chí về Vốn, Lao động, Doanh thu thuần và Tổng tài sản, trong đó lưu ý:

- * Vốn điều lệ: thu thập số liệu vốn thực góp trên Báo cáo tài chính;
- * Lao động: Căn cứ trên bảng trả lương tại thời điểm cuối năm hoặc trong thuyết minh Báo cáo tài chính. Nếu doanh nghiệp có sử dụng lao động thời vụ thì chỉ tính số công nhân làm tối thiểu 3 tháng trở lên;
- * Doanh thu thuần: lấy số liệu trên báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh;
- * Tổng tài sản: căn cứ trên Báo cáo tài chính của khách hàng Chấm điểm các chỉ tiêu tài chính:

Dựa trên cơ sở ngành nghề và quy mô tương ứng với ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp để chấm điểm tài chính. Các chỉ tiêu đánh giá có khoảng giá trị chuẩn tương ứng với năm mức điểm là 20, 40, 60, 80, 100 (điểm ban đầu). Điểm theo trọng số là tích số giữa điểm ban đầu và trọng số tương ứng

Chấm điểm các chỉ tiêu phi tài chính:

Chấm điểm phi tài chính bao gồm năm nhóm với 50 chỉ tiêu, mỗi chỉ tiêu có đánh giá có năm khoảng giá trị chuẩn tương ứng là năm mức điểm

20, 40, 60, 80, 100 (điểm ban đầu)

Bước 4: Xếp hạng khách hàng.

Xác định tổng điểm cuối cùng để xếp hạng doanh nghiệp. Trong chấm điểm xếp hạng tín dụng, phần mềm xác định tỷ trọng của các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính là khác nhau đối với mức độ tin cậy của số liệu (Báo cáo tài chính có được kiểm toán hay không).

Bước 5: Trình duyệt kết quả chấm điểm:

Cùng với bảng tổng hợp điểm và xếp hạng khách hàng, cán bộ chấm điểm sẽ tổng hợp lại và in thành văn bản. Bảng tổng hợp này phải có chữ ký của cán bộ chấm điểm và giám sát. Nếu điểm xếp hạng của khách hàng mới đặt quan hệ vay vốn điểm xếp hạng Rủi ro rất cao (mức D) thì trường hợp này sẽ trình cấp cao hơn so với phân quyền xét duyệt cho vay (do AGRIBANK quy định trong từng thời kỳ cụ thể) để chấp thuận hoặc từ chối cho vay, trong trường hợp khách hàng đã có quan hệ tín dụng mà có điểm xếp hạng mức D thì nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là thu hồi các khoản nợ càng sớm càng tốt.

Đánh giá việc đáp ứng các điều kiện vay vốn, tuân thủ các quy định của Agribank và pháp luật có liên quan. Lập báo cáo đề xuất cho vay, ký tắt các trang có nội dung đánh giá của mình và đề xuất cho vay/không cho vay, loại cho vay, phương thức cho vay, mức cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả, phí, thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ, đồng tiền cho vay, TSBĐ (áp dụng cho vay có bảo đảm bằng tài sản). Ký và ghi rõ họ tên vào phần Người quan hệ khách hàng trên Báo cáo đề xuất cho vay

• Bước 2: Thẩm định khoản vay

- Người thực hiện: Người thẩm định

- Thẩm định khoản vay trên cơ sở thông tin, hồ sơ vay vốn, tài liệu và Báo

cáo đề xuất cho vay (phần Báo cáo đánh giá hồ sơ và đề xuất cho vay của Người quan hệ khách hàng), trường hợp cần thiết thu thập thông tin bổ sung. Cụ thể:

1. Xác định cụ thể người có liên quan của khách hàng, tổng dư nợ cấp tín dụng của khách hàng và người có liên quan.
2. Kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ của khách hàng, bao gồm cả kết quả xếp hạng tín nhiệm tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác (nếu có).
3. Thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện vay vốn của khách hàng và cơ sở để đánh giá các điều kiện vay vốn:
 - a) Đánh giá năng lực pháp luật dân sự của khách hàng, năng lực hành vi dân sự (đối với khách hàng là cá nhân) tại thời điểm vay vốn;
 - b) Đánh giá tính hợp pháp của mục đích sử dụng vốn;
 - c) Thẩm định tính khả thi của phương án sử dụng vốn;
 - d) Thẩm định khả năng tài chính để trả nợ;
 - đ) Thẩm định tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh đối với khách hàng áp dụng mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của NHNN.
4. Đánh giá tính đầy đủ về hồ sơ, tình trạng pháp lý và khả năng thu hồi của TSBD đối với trường hợp cho vay có bảo đảm bằng tài sản. Thẩm định khả năng thực hiện các nghĩa vụ cam kết của bên bảo lãnh (đối với các khoản cho vay có bảo lãnh của bên thứ ba).
5. Ghi ý kiến về kết quả thẩm định, ký tất các trang có nội dung thẩm định của mình và đề xuất việc cho vay hay không cho vay; loại cho vay, phương thức cho vay, mức cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả, phí, thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ, đồng tiền cho vay, TSBD (áp dụng cho vay có bảo đảm bằng tài sản). Trường hợp không

đồng ý cho vay: Nêu rõ lý do không đồng ý cho vay, trình Người quyết định cho vay xem xét quyết định. Ký và ghi rõ họ tên vào phần Người thẩm định trên Báo cáo đề xuất cho vay.

- Agribank nơi cho vay có thể thành lập tổ thẩm định để thẩm định khoản vay, nhiệm vụ của từng thành viên tổ thẩm định theo quyết định thành lập tổ thẩm định của người có thẩm quyền

Thẩm định lại tại Agribank nơi cho vay

Người thực hiện: Người thẩm định lại

1. Người có thẩm quyền tại Agribank nơi cho vay quyết định việc thẩm định lại hoặc không thẩm định lại, thẩm định lại toàn bộ hoặc một/một số nội dung về khoản vay.

2. Báo cáo thẩm định lại là một trong các căn cứ để người có thẩm quyền xem xét quyết định cho vay và được lưu tại bộ hồ sơ vay vốn.

3. Người thẩm định lại không phải là Người thẩm định khoản vay

Thông qua Hội đồng tín dụng tại Agribank nơi cho vay

Trường hợp khoản vay thuộc quy định phải thông qua Hội đồng tín dụng, quy trình và nội dung thực hiện theo quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng tín dụng trong hệ thống Agribank.

1. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu.

a) Người thẩm định chuẩn bị hồ sơ, tài liệu chuyển Thư ký Hội đồng tín dụng theo Quy định về Tổ chức và hoạt động của Hội đồng tín dụng trong hệ thống Agribank.

b) Thư ký Hội đồng tín dụng tiếp nhận và sao gửi hồ sơ, tài liệu đến các thành viên Hội đồng tín dụng trước ngày họp ít nhất 03 (ba) ngày làm

việc. Hồ sơ sao gửi các thành viên Hội đồng tín dụng theo quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng tín dụng trong hệ thống Agribank.

2. Thư ký Hội đồng tín dụng báo cáo xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng tín dụng quyết định triệu tập họp Hội đồng tín dụng, thời gian, địa điểm họp và thông báo tới các thành viên Hội đồng.

3. Hội đồng tín dụng tổ chức họp lấy ý kiến về khoản vay, lập Biên bản họp Hội đồng tín dụng.

Biên bản họp Hội đồng tín dụng lập thành hai (02) hoặc ba (03) bản, đóng dấu giáp lai: (i) 01 (một) bản trình người phê duyệt và lưu vào hồ sơ cho vay; (ii) 01 (một) bản lưu tại thư ký Hội đồng tín dụng và (iii) 01 (một) bản kèm hồ sơ trình Agribank nơi phê duyệt vượt thẩm quyền (trường hợp khoản vay vượt thẩm quyền quyết định cho vay).

Bước 3: Quyết định cho vay

Người thực hiện: Người quyết định cho vay

Căn cứ hồ sơ khoản vay, Báo cáo đề xuất cho vay, ý kiến đề xuất của Người quan hệ khách hàng, Người thẩm định, Báo cáo thẩm định lại của Người thẩm định lại (nếu có), Biên bản họp/Bảng tổng hợp ý kiến Hội đồng tín dụng (nếu có), Người quyết định cho vay xem xét quyết định cho vay hay không cho vay theo thẩm quyền.

1. Trường hợp đồng ý cho vay:

(i) Người quyết định cho vay ghi ý kiến đồng ý và ký phê duyệt trên Báo cáo đề xuất cho vay;

(ii) Trường hợp khoản vay do Agribank nơi cho vay quyết định cho vay và phân công cho PGD thực hiện nghiệp vụ giải ngân, quản lý: Ngoài nội

dung chấp thuận đồng ý cho vay, phải có thêm nội dung phân công cho PGD được ký kết và sử dụng con dấu của PGD để thực hiện thủ tục giải ngân với khách hàng, thực hiện quản lý hồ sơ và quản lý khoản vay, giao cho Phòng Khách hàng phê duyệt đơn xin vay trên hệ thống IPCAS do PGD khai báo;

(iii) Trường hợp Chi nhánh loại I giao cho Chi nhánh loại II thực hiện một hoặc một số khâu trong cho vay đối với khách hàng, Chi nhánh loại I có văn bản giao cho Chi nhánh loại II trong đó phân định rõ một hoặc một số khâu trong thẩm định, giải ngân, kiểm tra giám sát khoản vay.

b) Trường hợp khoản vay vượt thẩm quyền:

Người quyết định cho vay ghi ý kiến chấp thuận cho vay và giao Phòng Khách hàng lập hồ sơ, tài liệu có liên quan, Giám đốc Agribank nơi cho vay ký trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp từ chối cho vay: Ký thông báo cho khách hàng việc từ chối cho vay và lý do từ chối cho vay khi khách hàng có yêu cầu

Ngoài ra, cuối mỗi quý Agribank chi nhánh Từ Liêm đánh giá toàn diện tình hình của khách hàng đang có quan hệ tín dụng. Đánh giá về tình hình kinh doanh, tình hình tài chính, quan hệ với các tổ chức tín dụng, về tài sản đảm bảo, định hướng kinh doanh trong thời gian tới, tất cả các yếu tố này đều ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của ngân hàng. Chính vì vậy, các yếu tố này luôn được Agribank đánh giá trên các khía cạnh, chỉ tiêu đo lường khác nhau. Ngoài ra, Agribank còn trực tiếp xem xét, phân tích tư vấn các dự án và phương án khách hàng đưa ra, điều đó sẽ hạn chế đầu tư các dự án thiếu tính khả thi và mạo hiểm.

2.3.2. Thực trạng tín dụng và rủi ro tín dụng tại chi nhánh Từ Liêm

- *Thực trạng tín dụng của Agribank:*

Đến 31/12/2022, tổng dư nợ cho vay nền kinh tế (bao gồm ngoại tệ quy đổi) của toàn hệ thống Agribank đạt 1.443.286 tỷ đồng, tăng 129.061 tỷ đồng so với 31/12/2021 (+9,8%) phù hợp với tăng trưởng NHNN giao (tối đa 10,5%). Cơ cấu tín dụng tiếp tục dịch chuyển tích cực theo đúng định hướng, dư nợ cho vay các chương trình tăng trưởng tốt. Cho vay hộ sản xuất và cá nhân đạt 1.031.115 tỷ đồng tăng 13,5% so đầu năm chiếm tỷ trọng 71,4% dư nợ cho vay nền kinh tế. Cho vay pháp nhân đạt 412.171 tỷ đồng tăng 8,2% so đầu năm chiếm tỷ trọng 28,6%. Theo kỳ hạn cho vay: Dư nợ ngắn hạn đạt 876.470 tỷ đồng tăng 10,9% so đầu năm chiếm tỷ trọng 60,7%; Dư nợ trung, dài hạn 566.816 tỷ đồng tăng 8,2% so đầu năm chiếm tỷ trọng 39,3%.

Kết quả hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng dịch Covid 19: Đến 31/12/2023 dư nợ bị ảnh hưởng Covid 19 tại Agribank là 210.000 tỷ đồng. Agribank đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ cho 5.000 khách hàng với dư nợ 24.000 tỷ đồng; Dư nợ miễn giảm lãi giữ nguyên nhóm nợ còn lại 1.500 tỷ đồng với 250 khách hàng còn dư nợ; số lãi đã miễn giảm cho khách hàng lũy kế 35 tỷ đồng; Cho vay mới với doanh số 590.000 tỷ đồng, hơn 200.000 khách hàng còn dư nợ.

Kết quả hỗ trợ lãi suất 2% theo Nghị định 31 và Thông tư 03 đến 31/12/2022 Agribank đã hỗ trợ lãi suất cho 865 khách hàng với doanh số cho vay 5.556 tỷ đồng, dư nợ 4.105 tỷ đồng, số tiền hỗ trợ lãi suất 15,6 tỷ đồng. Đặc biệt để tiếp tục hỗ trợ khách hàng gặp vướng mắc ,chưa được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất , Agribank đã chủ động giảm tiếp 20% so lãi suất cho vay đang áp dụng đối với dư nợ bằng VNĐ trong 2 tháng cuối năm 2022; tính chung cả năm 2022 Agribank đã dành 2.000 tỷ đồng để hỗ trợ giảm lãi suất cho 2,2 triệu khách hàng.

- *Thực trạng rủi ro tín dụng của Agribank*

Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân vẫn bị ảnh hưởng lớn bởi dịch Covid 19 và những diễn biến bất lợi của nền kinh tế; các khoản nợ cơ cấu giữ nguyên nhóm nợ do khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 không được tiếp tục cơ cấu sau 30/6/2023. Nợ xấu của các TCTD trong đó có Agribank tiếp tục tăng trở lại, một phần khá lớn do chuyển nhóm nợ sau khi hết thời gian cơ cấu, thực hiện phân loại nợ đầy đủ theo Thông tư 09/2013/TT-NHNN và chuyển nhóm nợ theo thông tin CIC. Để kiểm soát tỷ lệ nợ xấu theo mục tiêu NHNN giao Agribank đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp: Xây dựng, triển khai quyết liệt phương án xử lý nợ xấu năm 2022, giao kế hoạch xử lý nợ xấu đến từng chi nhánh, gắn liền với cơ chế khuyến khích và chế tài phù hợp ngay từ đầu năm; Thường xuyên rà soát, cập nhật, đánh giá tính khả thi của phương án xử lý nợ xấu; Đánh giá kết quả xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42/2017/QH14; Tăng cường rà soát các khoản nợ xấu, nợ tiềm ẩn chuyển sang nợ xấu để kịp thời triển khai các biện pháp xử lý thu hồi nợ, kiểm soát chất lượng tín dụng, từng bước kiểm chế và giảm dần nợ xấu. Kiện toàn, duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo xử lý nợ, thành lập các đoàn công tác để tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, hỗ trợ các chi nhánh rà soát, đánh giá nợ xấu, nợ được cơ cấu, nợ tiềm ẩn rủi ro để xây dựng và triển khai phương án xử lý phù hợp với từng khoản nợ. Theo dõi, tập trung thực hiện quyết liệt các biện pháp tự xử lý thu hồi nợ như bán tài sản, bán dự án, khởi kiện, đôn đốc thu hồi từ người bảo lãnh và các nguồn tài chính khác, cơ cấu lại nợ, phục hồi số nợ chuyển sai...Áp dụng chế tài xử lý nghiêm khắc đối với người đứng đầu chi nhánh và cán bộ có liên quan không thực hiện nghiêm túc các biện pháp xử lý nợ xấu, để nợ xấu gia tăng. Rà soát, bổ sung, chỉnh sửa hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro tín dụng, thường xuyên cập nhật thông tin các khoản vay đến hạn trong tháng để chỉ đạo xử lý,

cảnh báo sớm đối với các khách hàng tiềm ẩn rủi ro. Thành lập tổ bán nợ tại Trụ sở chính, phối hợp chặt chẽ với Công ty quản lý tài sản (AMC) rà soát, lựa chọn các khoản nợ phù hợp, đủ điều kiện để thực hiện phương án thu hồi nợ, bán nợ...Trích lập dự phòng rủi ro phù hợp với phê duyệt của NHNN và khả năng tài chính, sử dụng triệt để nguồn dự phòng để xử lý rủi ro đối với các khoản nợ đủ điều kiện. Cơ cấu lại danh mục tín dụng của toàn hệ thống, lựa chọn khách hàng tốt, các ngành nghề ít rủi ro để đầu tư. Nâng cao chất lượng cho vay, hạn chế tối đa việc cho vay vượt quyền phán quyết của các phòng giao dịch, các đơn vị có nợ xấu cao.

Kết quả trong năm 2022 tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,64% giảm 0,07% so với năm 2021, đạt mục tiêu NHNN giao (dưới 2%).

Agribank chi nhánh Từ Liêm nằm trên địa bàn huyện Từ Liêm cũ nay là Quận Nam Từ Liêm và Quận Bắc Từ Liêm là một địa bàn có tốc độ đô thị hóa nhanh trên địa bàn thành phố Hà Nội. Nơi tập trung nhiều công trình, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức quan trọng của Hà Nội cũng như của đất nước. Năm 2022 tăng trưởng tín dụng của Agribank chi nhánh Từ Liêm đạt kế hoạch trung ương giao. Tổng dư nợ tín dụng đạt 2.573 tỷ đồng, tăng 277 tỷ đồng tương ứng 12,1% so với năm 2021 (Toàn hệ thống tăng trưởng 9,8%). Trong công tác đầu tư tín dụng chưa có chiến lược cạnh tranh để giữ và tiếp cận thêm khách hàng mới, dẫn đến một số khách hàng chuyển sang vay ngân hàng khác.

+ Dư nợ tăng trưởng chậm chưa tương xứng với nguồn vốn (tổng nguồn vốn 13.071 tỷ đồng) , do đó dẫn đến thừa nguồn vốn làm hạn chế hiệu quả kinh doanh.

+ Nợ xấu là 25,5 tỷ đồng, chiếm 0,99%/ tổng dư nợ

+ Thu nợ đã xử lý rủi ro đạt 13,1 tỷ đồng, đạt 60,2% kế hoạch trung

ương giao. Tổng dư nợ gốc đã xử lý rủi ro đến 31/12/2022 là 432,7 tỷ đồng.

Rủi ro tín dụng của Agribank chi nhánh Từ Liêm chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp lớn như khối Cavico Việt Nam 109,3 tỷ đồng, khối Tổng công ty Viglacera 49,5 tỷ đồng, Công ty Khánh Trang 24,2 tỷ đồng. Công ty TNHH cơ khí chính xác Thăng Long 31 tỷ đồng, Công ty CP Global 8,7 tỷ đồng, Công ty CP kinh doanh thương mại và xây dựng Bảo An 9 tỷ đồng...

Trong tổng dư nợ cho vay của Agribank chi nhánh Từ Liêm, cho vay khách hàng doanh nghiệp có dư nợ 994 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 38,5%/ tổng dư nợ; Khách hàng hộ gia đình cá nhân có dư nợ 1.579 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 61,5%/ tổng dư nợ. Nhưng tỷ lệ rủi ro lại tập trung chủ yếu ở khách hàng là các doanh nghiệp. Điều này cho thấy trong công tác cho vay và quản lý các doanh nghiệp của chi nhánh chưa được tốt, về lâu dài sẽ dẫn đến tỷ lệ nợ xấu gia tăng nếu Agribank chi nhánh Từ Liêm không có các biện pháp quản lý đối với đối tượng này.

- ***Nợ xấu và quản trị nợ xấu***

Việc trích lập dự phòng đối với khoản vay là điều bắt buộc với tất cả các ngân hàng. Đây là một trong những biện pháp giúp ngân hàng xử lý kịp thời khi có rủi ro xảy ra, đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Việc trích lập dự phòng Agribank Chi nhánh Từ Liêm được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN và quyết định số 599/QC-HĐTV-RRTD do Hội đồng thành viên Agribank ban hành ngày 30 tháng 9 năm 2021. Agribank hiện đang phân loại nợ theo phương pháp “định lượng”, theo đó các khoản nợ được phân loại thành năm nhóm nợ từ nhóm 1 đến nhóm 5. Ngoài tiêu chí thời gian quá hạn trả nợ cụ thể để phân loại nợ theo 5 nhóm như trên, Agribank có quyền

chủ động tự quyết định phân loại bất kỳ khoản nợ nào vào các nhóm nợ có rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro nếu đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng bị suy giảm

Tình hình nguồn vốn, Dư nợ và kết cấu dư nợ

Bảng 2.1 Tình hình nguồn vốn của Agribank Từ Liêm

ĐVT: Tỷ đồng

Năm	2019	2020	2021	2022	So sánh 2020/2019		So sánh 2021/2020		So sánh 2022/2021	
					Số tiền	(%)	Số tiền	(%)	Số tiền	(%)
Nguồn vốn	10.776	11.631	12.341	13.071	855	7,9	710	6,1	730	5,9

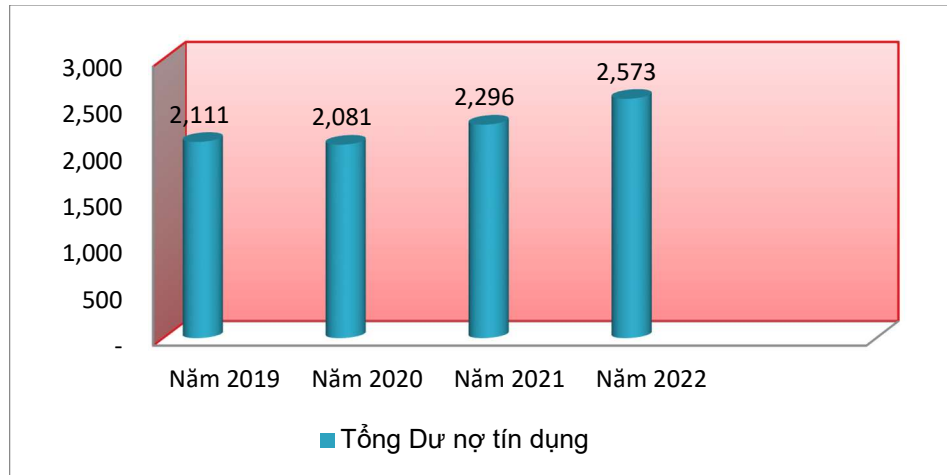
(Nguồn phòng kế toán – ngân quỹ)

Bảng 2.2. Tình hình dư nợ tại Agribank Từ Liêm

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng Dư nợ tín dụng	2,111	2,081	2,296	2,573
Dư nợ ngắn hạn	1,243	1,267	1,334	1,581
Dư nợ trung hạn	438	422	391	378
Dư nợ dài hạn	430	392	571	614

(Nguồn phòng Tín dụng)

Biểu đồ 2.2a Tình hình dư nợ tín dụng tại Agribank Từ Liêm



Từ bảng số liệu trên ta thấy nguồn vốn huy động được của Agribank Từ Liêm trong các năm gần đây tăng trưởng tương đối tốt. Nguồn vốn huy động năm sau tốt hơn năm trước. Cụ thể năm 2020 tăng trưởng 7,9% so với năm 2019. Năm 2021 tăng 6,1% so với năm 2020 và năm 2022 tăng 5,9% so với năm 2021. Điều đó cho thấy Agribank CN Từ Liêm có tốc độ tăng trưởng nguồn vốn khá tốt đáp ứng nhu cầu kinh doanh tạo đà phát triển cho hoạt động tín dụng của chi nhánh.

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của Agribank CN Từ Liêm là không ổn định. Tổng dư nợ của chi nhánh tính tới thời điểm 31/12/2019 là 2.111 tỷ đồng. Năm 2020 dư nợ đạt 2.081 tỷ đồng giảm so với năm 2019 là 30 tỷ đồng tương ứng giảm 1,4%. Tổng dư nợ tín dụng năm 2021 đạt 2.296 tỷ đồng tăng 215 tỷ đồng so với năm 2020 tương ứng với 110,3%. Dư nợ năm 2022 đạt 2.573 tỷ đồng tăng 277 tỷ đồng.

Trong những năm gần đây do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid 19 và tình hình chiến sự trên thế giới đã làm cho tình hình kinh tế trong nước có những biến động bất lợi gây ra nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ hàng hoá. Nhu cầu vay vốn mở rộng quy mô sản xuất bị giảm sút đáng kể. Bên cạnh đó những tháng cuối năm, lãi suất huy động các tổ chức tín dụng luôn tăng cao

buộc ngân hàng cũng phải đẩy lãi suất cho vay lên. Cuộc chạy đua lãi suất tiềm ẩn nhiều rủi ro khiến ngân hàng phải hạn chế, cho vay một cách cẩn trọng. Nhìn chung trong năm 2022, Chi nhánh đã cố gắng khắc phục khó khăn nhằm mở rộng hoạt động tín dụng nhằm chiếm lĩnh thị trường. Vốn tín dụng mà ngân hàng đầu tư đã góp phần chung vào tăng trưởng kinh tế trên địa bàn, giúp các doanh nghiệp đủ vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đồng thời phát huy tiềm năng về đất đai và lao động trong khu vực từ đó gia tăng việc làm góp phần hạn chế các tệ nạn xã hội. Agribank CN Từ Liêm có nguồn vốn tăng trưởng ổn định nên cần có biện pháp tăng trưởng dư nợ đối với nền kinh tế. Tuy nhiên, việc tăng trưởng tín dụng phải đi đôi với việc đảm bảo chất lượng tín dụng.

Kết cấu dư nợ

Để hiểu thêm về vai trò hoạt động tín dụng của ngân hàng đối với nền kinh tế ta sẽ xem xét việc phân bổ nguồn vốn theo thời gian, theo thành phần kinh tế trên địa bàn và theo tài sản đảm bảo.

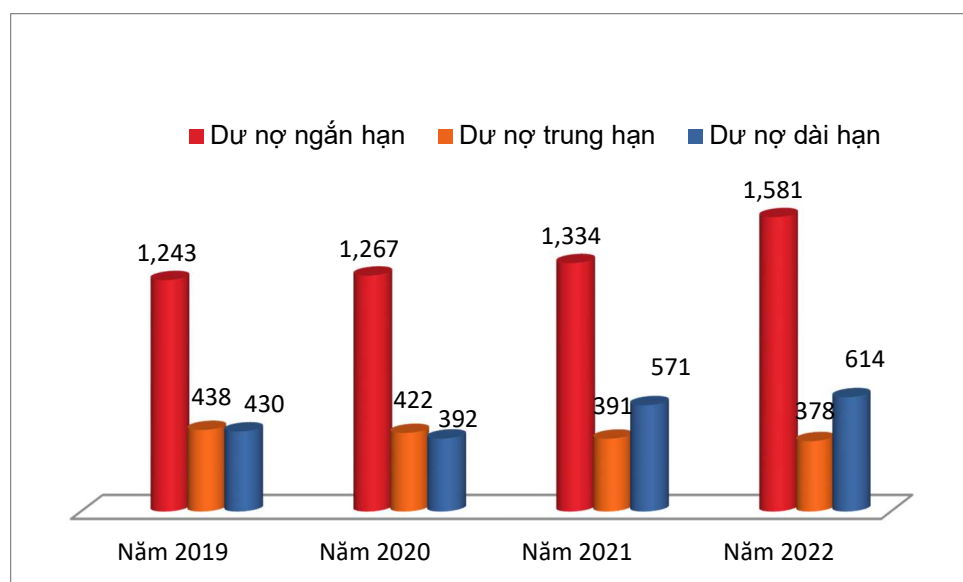
**Bảng 2.3 Cơ cấu dư nợ tín dụng theo kỳ hạn của Agribank chi nhánh
Từ Liêm**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Số dư	Số dư	%/2019	Số dư	%/2020	Số dư	%/2021
Dư nợ	2.111	2.081	98,5%	2.296	110,3%	2.573	112%
Dư nợ ngắn hạn/Tổng dư nợ	1.243	1.267	102%	1.334	105%	1.581	118%
Trung,dài hạn/Tổng dư nợ	868	814	94%	962	118%	992	103%

(Nguồn phòng Tín dụng)

Biểu đồ 2.2b Kết cấu dư nợ tín dụng tại Agribank Từ Liêm



Xét về tỷ trọng dư nợ ngắn hạn và dư nợ trung và dài hạn trong tổng dư nợ ta thấy: mặc dù nợ ngắn hạn có lúc tăng, lúc giảm với những mức độ khác nhau song nó vẫn luôn chiếm một tỷ lệ rất cao trong tổng dư nợ của ngân hàng. Tỷ trọng nợ ngắn hạn năm 2019 là 59%, năm 2020 là 61%, năm 2021 là 58% và năm 2022 là 61,4%. Trong ba năm dư nợ ngắn hạn của ngân hàng đều trên 57%, đây là một tỷ lệ khá phù hợp. Các khoản cho vay ngắn hạn luôn được đánh giá là có tính thanh khoản cao và ít rủi ro hơn các khoản vay trung và dài hạn.

Tỷ trọng dư nợ trung và dài hạn năm 2019 là 41%. Năm 2019, việc huy động vốn trung và dài hạn gặp khó khăn nên ngân hàng đã phải hạn chế việc cho vay trung – dài hạn. Thậm chí quý một năm 2019, ngân hàng đã phải dừng các dự án cho vay dài hạn mới. Giữa năm 2020, lãi suất huy động tăng lên từng ngày gây bất lợi cho ngân hàng khi tiến hành cho vay dài hạn bởi lẽ khi lãi suất có chiều hướng tăng lên, lãi suất cố định thì người đi vay sẽ được lợi và người cho vay sẽ bị thiệt. Người cho vay chính là ngân hàng. Phần lớn lượng vốn trung và dài hạn của ngân hàng là để đáp ứng nhu cầu vốn mua sắm trang thiết bị mở rộng quy mô sản xuất của các doanh nghiệp. Trong khi đó, họ không thể tự đáp ứng được mà phải vay ngân hàng. Mặt bằng lãi suất trong năm 2019 là tương đối cao. Trong một thời gian dài lãi suất cho vay đều dao động từ 10% - 13%. Với mức lãi suất đó, doanh nghiệp không thể có lãi, khoản lợi nhuận mang lại chỉ đủ trả lãi cho ngân hàng. Do đó, họ không mặn mà với việc vay vốn mở rộng sản xuất. Chính vì vậy, dư nợ trung dài hạn trong năm 2020 của ngân hàng giảm mạnh chỉ còn 814 tỷ đồng, giảm 72 tỷ đồng tương đương giảm 8% so với năm 2019. Những tháng cuối năm 2021 và năm 2022, nhờ sự can thiệp của Ngân hàng Nhà nước tình trạng chạy đua lãi suất không còn, nhờ vậy tình trạng thiếu vốn trung và dài hạn của

ngân hàng đã được cải thiện một cách đáng kể. Tổng dư nợ trung và dài hạn năm 2022 đạt 992 tỷ đồng tăng 30 tỷ đồng so với năm 2021 tương ứng tăng 3%. Có thể thấy cả ngân hàng và doanh nghiệp vẫn còn đang rất thận trọng trong việc mở rộng kinh doanh.

Kết cấu dư nợ theo thành phần kinh tế

Bảng 2.4. Kết cấu dư nợ theo thành phần kinh tế Agribank Từ Liêm

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	So sánh 2021/2020	So sánh 2022/2021
DN Nhà nước	69	98	37	29	(61)
Tỷ trọng (%)	3,3	4,3	1,4	42	(62,2)
DN khác	830	889	961	59	72
Tỷ trọng (%)	39,9	38,7	37,3	7,1	8,1
Hộ sản xuất Cá nhân	1.182	1.309	1.575	127	266
Tỷ trọng (%)	56,8	57	61,3	10,7	20,3
Tổng dư nợ	2.081	2.296	2.573	215	277
Tỷ trọng (%)	100	100	100	10,3	12,06

(Nguồn phòng Kế hoạch kinh doanh)

Dư nợ của các doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng dư nợ của ngân hàng. Năm 2020, dư nợ của các doanh nghiệp này là 69 tỷ đồng. Sang năm 2021, dư nợ của thành phần này tăng 29 tỷ đồng tương ứng tăng 42% so với năm 2020 và chiếm tỷ trọng 4,4% tổng dư nợ của ngân hàng. Tại thời điểm 31/12/2022 tổng dư nợ của các doanh nghiệp nhà nước chỉ còn 37 tỷ đồng tương ứng với 1,4% trong tổng dư nợ của ngân hàng. Việc giảm này là do chính sách của nhà nước trong quá trình tái cơ cấu các doanh nghiệp Nhà nước theo hướng cổ phần hóa. Hiện nay nhà nước đang hướng tới việc giảm dần tỷ trọng của thành phần doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế quốc dân. Việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước diễn ra một cách tích cực trong những năm gần đây. Trên địa bàn Từ Liêm, tới năm 2022 việc chuyển đổi các doanh nghiệp nhà nước sang doanh nghiệp cổ phần đã cơ bản hoàn thành. Đó là lý do khiến tỷ trọng của thành phần này giảm mạnh và chiếm tỷ trọng rất nhỏ bé trong cơ cấu dư nợ của ngân hàng.

Hộ sản xuất và cá nhân vẫn là nhóm khách hàng truyền thống và chủ yếu của Agribank chi nhánh Từ Liêm trong những năm qua. Dư nợ cho vay đối với mô hình này về số tuyệt đối và cả số tương đối đều luôn được duy trì ở mức cao. Về số tuyệt đối, dư nợ năm 2020, 2021, 2022 lần lượt là 1.182 tỷ đồng, 1.309 tỷ đồng và 1.575 tỷ đồng. Về tỷ trọng, năm 2020 tỷ trọng của nhóm khách hàng này là 58,8%. Hai năm tiếp theo tỷ trọng của khu vực này có sự tăng trưởng nhẹ, năm 2021 tăng 10,7% so với năm 2020 và năm 2022 tăng 20,3% so với năm 2021 nhưng vẫn đạt 61,3% trong tổng dư nợ. Khu vực kinh tế này đã khẳng định được vị trí số một của mình trong cơ cấu dư nợ theo thành phần kinh tế của ngân hàng. Dư nợ của nhóm doanh nghiệp khác (công ty cổ phần, TNHH...) có xu hướng ổn định qua các năm. Dư nợ

theo nhóm khu vực này từ chỗ chỉ chiếm tỷ trọng 39,9% với tổng mức dư nợ năm 2020. Đến năm 2021 số dư nợ tăng nhẹ lên 889 tỷ đồng tương đương tăng 7,1% so năm 2020. Đến năm 2022 tăng 8,1% so với năm 2021. Sở dĩ có điều này là do các nhóm khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ bắt đầu thành lập thành các công ty tư nhân để hoạt động kinh doanh được minh bạch và đảm bảo tính pháp lý đối với cơ quan hành chính đồng thời dễ dàng tiếp cận nguồn vốn từ các Tổ chức tín dụng hơn. Tuy nhiên nhưng do tình hình kinh tế còn biến động nhiều doanh nghiệp làm ăn thua lỗ nên trong mấy năm gần đây Agribank chi nhánh Từ Liêm đã bắt đầu chú ý tới nhóm khách hàng là hộ sản xuất, cá nhân nhiều hơn. Vì vậy sự chênh lệch về tỷ trọng dư nợ của nhóm khách hàng hộ sản xuất, cá nhân và 2 nhóm khách hàng còn lại có khoảng cách khá lớn trong cơ cấu dư nợ của Agribank.

Có thể thấy cơ cấu cho vay của ngân hàng đang thay đổi theo hướng giảm dần tỷ trọng dư nợ doanh nghiệp nhà nước, chủ yếu tập trung vào cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình, cá nhân. Sự thay đổi này đã cơ bản thay đổi cơ cấu dư nợ theo thành phần kinh tế của ngân hàng. Chi nhánh vừa duy trì hoạt động với nhóm khách hàng truyền thống có quan hệ lâu năm vừa mở rộng hoạt động tín dụng đối với nhóm khách hàng mới. Sự thay đổi này góp phần nâng cao sức cạnh tranh của ngân hàng đồng thời hạn chế được rủi ro khi quá tập trung vào một đối tượng nhất định. Đây là hướng đi đúng đắn phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước là khuyến khích sự phát triển của các thành phần kinh tế tư nhân và phù hợp với sự vận động của nền kinh tế thị trường.

Tình hình dư nợ có tài sản đảm bảo

Bảng 2.5. Tình hình dư nợ có tài sản đảm bảo ngân hàng Agribank Từ Liêm

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Có TSBĐ	2.078	99,86	2.293	99,86	2.568	99,8
Không có TSBĐ	3	0,14	3	0,14	5	0,2
Tổng dư nợ	2.081	100	2.296	100	2.573	100

(Nguồn phòng Kế hoạch kinh doanh)

Số liệu của bảng 2.5 cho thấy Chi nhánh đã áp dụng gần như 100% tỷ trọng cho vay có tài sản đảm bảo bằng tài sản. Cụ thể, cho vay có đảm bảo của năm 2020 là 2.078 tỷ đồng tương đương với 99,86%, cho vay không có tài sản đảm bảo là 0,14%. Tương tự năm 2021, tỷ trọng cho vay không có tài sản đảm bảo 0,14%. Tỷ trọng cho vay có tài sản có đảm bảo năm 2022 vẫn duy trì ở mức khá cao chiếm tỷ trọng 99,8% trong tổng dư nợ của ngân hàng. Tỷ trọng cho vay có tài sản đảm bảo giúp tăng tính ràng buộc giữa khách hàng và ngân hàng. Do đó, góp phần nâng cao khả năng thu hồi nợ, giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các khoản vay không có tài sản đảm bảo phần lớn là các khoản vay của những khách hàng cá nhân hưởng lương ngân sách Nhà nước và của những khách hàng thân thiết, truyền thống, được ngân hàng tín nhiệm do làm ăn có hiệu quả luôn trả nợ đúng hạn. Bên cạnh đó, những khoản vay này đã được cán bộ tín dụng của ngân hàng thẩm định một cách kỹ lưỡng.

Hiệu suất sử dụng vốn

Bảng 2.6. Hiệu suất sử dụng vốn của Agribank Chi nhánh Từ Liêm

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng dư nợ	2.111	2.081	2.296	2.573
Tổng nguồn vốn huy động	10.776	11.631	12.341	13.071
Hiệu suất sử dụng vốn	19,6%	17,9%	18,6%	19,7%

(Nguồn phòng Kế hoạch kinh doanh)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy hiệu suất sử dụng vốn của Agribank chi nhánh Từ Liêm là không cao, có thể nói rất thấp. Chỉ số này cao nhất vào năm 2022 nhưng chỉ mới đạt 19,7% và thấp nhất là 17,9% vào năm 2020. Lý do của việc tăng hiệu suất sử dụng vốn tăng là do tốc độ tăng trưởng tín dụng của chi nhánh cao hơn so với tốc độ tăng trưởng nguồn vốn (ví dụ năm 2022 tốc độ tăng trưởng tín dụng là 12%, nguồn vốn tăng 5,9%). Nhìn chung so sánh qua các năm thì quá trình tăng hiệu suất sử dụng vốn tại chi nhánh là rất nhỏ không ảnh hưởng quá nhiều đến cơ cấu nguồn vốn của Ngân hàng.

Hiệu suất sử dụng vốn trung bình là 18,95% điều đó có nghĩa là khoảng 19% số tiền huy động được ngân hàng sử dụng để cho vay. Đây là một tỷ lệ rất khiêm tốn. Việc chưa tận dụng, sử dụng tốt nguồn vốn huy động sẽ làm giảm lợi nhuận và ảnh hưởng xấu tới chất lượng tín dụng. Bởi lẽ khi nguồn vốn huy động tăng lên mà quy mô tín dụng không được mở rộng một

cách tương xứng sẽ dẫn tới việc vốn bị dư thừa, ứ đọng không mang lại được nhiều lợi nhuận. Trong khi đó, ngân hàng vẫn phải trả lãi cho khoản tiền đã huy động được từ khách hàng tiền gửi.

Bảng 2.7. Doanh số cho vay theo thành phần kinh tế ngân hàng Agribank

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Doanh nghiệp	1.811	60,6	1.635	57,4	1.317	49,9
Hộ sản xuất – cá nhân	1.178	39,4	1.213	42,6	2.342	50,1
Doanh số cho vay	2.989	100	2.848	100	3.659	100

(Nguồn phòng Kế hoạch kinh doanh)

Tỷ trọng cho vay đối doanh nghiệp cao hơn so với tỷ trọng cho vay hộ sản xuất – cá nhân. Trong hai năm 2020, 2021, doanh số cho vay của khu vực này chiếm quá nửa tổng mức tín dụng ngân hàng cung cấp cho khu vực, cụ thể năm 2020 là 60,6% và 2021 là 57,4%. Năm 2022, tỷ trọng cho vay có sự cân bằng hơn chia đều cho khu vực doanh nghiệp và hộ sản xuất cá nhân, tỷ trọng này đạt 50/50. Năm 2022 có sự giảm sút đáng kể về tỷ trọng so với năm 2021 và 2020 nhưng về số tuyệt đối lại cao hơn rất nhiều so với năm

2020 và 2021. Tổng doanh số cho vay năm 2022 của chi nhánh đạt 12.659 tỷ đồng. Những thay đổi trên cho thấy, trong giai đoạn 2020 – 2022 ngân hàng đã có sự chuyển dịch trong cơ cấu cho vay. Gói kích thích kinh tế của Ngân hàng nhà nước cũng góp phần đẩy nhanh quá trình này.

Doanh số thu nợ

Thu hồi nợ là một trong những công tác quan trọng được các ngân hàng đặt lên hàng đầu. Đây là khâu cuối cùng, quyết định kết quả hoạt động tín dụng. Việc thu hồi nợ đầy đủ và đúng hạn sẽ giảm thiểu rủi ro, tránh thất thoát vốn, đồng thời mang lại lợi nhuận cho ngân hàng. Đây là một trong những chỉ tiêu trực tiếp đánh giá chất lượng tín dụng.

Doanh số thu nợ theo thời gian

Bảng 2.8. Doanh số thu nợ theo thời gian ngân hàng Agribank

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Ngắn hạn	2.392	79	1.894	72	2.273	62
Trung - Dài hạn	627	21	739	18	1.106	38
Doanh số thu nợ	3.019	100	2.633	100	3.379	100

(Nguồn phòng Kế hoạch kinh doanh)

Nhìn chung cơ cấu doanh số thu nợ theo thời gian của Agribank chi nhánh Từ Liêm trong hai năm 2020, 2021 không có nhiều biến động, riêng

năm 2022 có sự biến động mạnh hơn, thu nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Năm 2020 là 79% , năm 2021 là 72%. Năm 2022, tỷ trọng thu nợ ngắn hạn đạt mức cao về số tuyệt đối là 2.273 tỷ đồng nhưng tỷ trọng lại đạt thấp nhất chỉ 62%. Việc ngân hàng duy trì kết cấu cho vay ngắn hạn chiếm ưu thế có ảnh hưởng lớn tới kết cấu thu nợ theo thời gian

Bảng 2.9. Hệ số thu nợ ngân hàng Agribank

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Doanh số cho vay	2.989	2.848	3.659
Doanh số thu nợ	3.019	2.633	3.379
Hệ số thu nợ	1,01	0,92	0,92

(Nguồn phòng Kế hoạch kinh doanh)

Qua bảng số liệu ta thấy, hệ số thu nợ của Agribank CN Từ Liêm có sự tăng giảm khác nhau qua các năm tuy nhiên sự thay đổi không đáng kể. Chỉ tiêu này là thấp chứng tỏ rằng chất lượng tín dụng là không cao, việc thu hồi nợ không đạt được theo kế hoạch mong đợi. Điều này có thể nhận thấy được sự ảnh hưởng của nền kinh tế và hậu quả dịch bệnh Covid 19 ở thời điểm năm 2021 và 2022. Ngược lại, nếu chỉ hệ số thu nợ cao ta không thể khẳng định chất lượng tín dụng là tốt mà phải xem xét tới các chỉ tiêu khác. Năm 2020, chỉ số này là 1,02 cao nhất trong ba năm gần nhau, tuy nhiên doanh số cho vay trong năm lại thấp 2.989 tỷ đồng lại thấp. Công tác thu nợ tốt phải đi đôi với quy mô cấp tín dụng mới đảm bảo chất lượng tín dụng.

Vòng quay vốn tín dụng

Bảng 2.10. Vòng quay vốn tín dụng ngân hàng Agribank*Đơn vị: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Doanh số thu nợ	3.019	2.633	3.379	3.478
Tổng dư nợ	2.111	2.081	2.296	2.573
Vòng quay	1,4	1,3	1,5	1,35

(Nguồn phòng Kế hoạch kinh doanh)

Có thể nói vòng quay vốn tín dụng là 1 vòng/năm là tương đối cao. Vòng quay vốn tín dụng thấp nhất là vào năm 2021 chỉ đạt 1,3 vòng/năm. Dư nợ tín dụng năm 2021 là thấp nhất đạt 2.081 tỷ đồng và doanh số thu nợ lại thấp nhất đạt 2.633 tỷ đồng. Nguyên nhân của tình trạng này là khách hàng không trả được nợ, ngân hàng phải giãn nợ, gia hạn nợ nhiều lần. Trong năm 2022, cán bộ tín dụng tập trung thu hồi nợ đọng từ năm trước. Những biện pháp nhằm thu hồi nợ đã được ngân hàng tiến hành, nhiều khoản nợ khó đòi đã được thu hồi. Cán bộ tín dụng thường xuyên xuống đơn vị vay vốn kiểm tra tình hình sử dụng vốn, đảm bảo khoản vay được sử dụng đúng mục đích. Hạn chế một cách tối đa, không để tình trạng khách hàng sử dụng tiền vay sai mục đích, kinh doanh vào các dự án không hiệu quả dẫn tới việc không thể thu hồi gây thất thoát vốn, phải cơ cấu lại nợ cũng như không thể trả nợ ngân hàng đúng thời hạn trong hợp đồng. Trong năm 2021, tỷ lệ nợ quá hạn giảm hẳn, tỷ lệ nợ khó đòi hầu như không xảy ra.

Bảng 2.11. Thu nhập từ hoạt động tín dụng ngân hàng Agribank*Đơn vị: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Lãi cho vay	213	47,6	211	43,8	165	36,7
Lãi điều hòa vốn	269	46,6	247	51,2	257	57,1
Cung cấp dịch vụ	33	5,8	24	5	28	6,2
Thu khác	0	0	0	0	0	0
Tổng thu nhập	577	100	482	100	450	100

(Nguồn phòng Kế toán ngân quỹ)

Tổng thu nhập của ngân hàng trong ba năm 2020, 2021, 2022 lần lượt là 577 tỷ đồng, 482 tỷ đồng và 450 tỷ đồng. Lãi từ điều hoà vốn là lớn nhất trong cả ba năm liên tỷ trọng của khoản mục này đều đạt từ 47% đến 57 %. Số lãi này có được là do lượng tiền ngân hàng huy động được lớn hơn rất nhiều so với nhu cầu sử dụng vốn. Do đó, lượng vốn thừa đó đã được chuyển lên trụ sở chính. Thông thường, lãi từ hoạt động tín dụng chiếm một tỷ trọng rất lớn trong tổng thu nhập của các ngân hàng thương mại. Tỷ trọng này thường vào khoảng 70-80% tổng thu nhập. Tuy nhiên tại Agribank chi nhánh Từ Liêm, lãi từ hoạt động cho vay chỉ đóng góp 47,6% tương ứng với 275 tỷ đồng trong tổng lợi nhuận của ngân hàng trong năm 2020. Hai năm tiếp theo thu nhập từ hoạt động này giảm cả về số tuyệt đối song và tỷ trọng. Lãi cho vay trong năm 2021 là 211 tỷ đồng giảm 64 tỷ đồng tương ứng tăng 3,8% so với năm 2020, chiếm tỷ trọng 43,8% trong tổng thu nhập. Năm

2022, lãi cho vay đạt 165 tỷ đồng giảm mạnh so với năm 2020 đạt là 110 tỷ đồng.

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ của ngân hàng chiếm một tỷ trọng vô cùng nhỏ bé. Hai năm 2020, 2022 lợi nhuận từ hoạt động này là lớn nhất trong 3 năm qua lần lượt đạt 33 tỷ đồng và 28 tỷ đồng và cũng chỉ chiếm một tỷ rất khiêm tốn khoảng 5% đến 6% trong tổng thu nhập của ngân hàng.

Hiệu suất sử dụng vốn không cao, tỷ trọng lợi nhuận từ hoạt động tín dụng thấp cho thấy chất lượng tín dụng của ngân hàng là không cao. Ngân hàng cần có biện pháp điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh và trong đó chất lượng tín dụng là ưu tiên hàng đầu

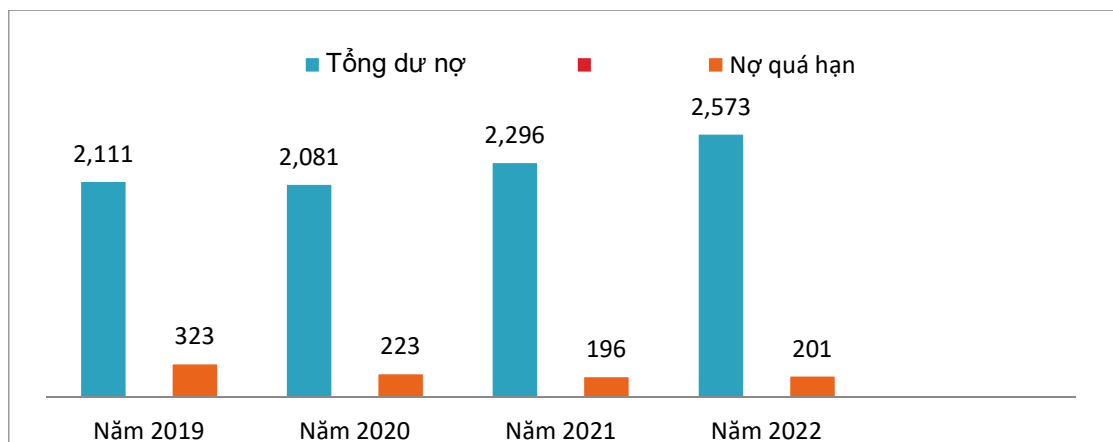
Tỷ lệ nợ quá hạn

Khi đánh giá chất lượng tín dụng của ngân hàng thì chỉ tiêu nợ quá hạn là một trong những chỉ tiêu được quan tâm hàng đầu

Bảng 2.12. Tỷ lệ nợ quá hạn ngân hàng Agribank chi nhánh Từ Liêm
Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng dư nợ	2.111	2.081	2.296	2.573
Dư nợ quá hạn	323	223	196	201
Tỷ lệ nợ quá hạn (%)	15.3	10.7	8.5	7.8

(Nguồn phòng Kế hoạch kinh doanh)



Biểu đồ 2.3: Biểu đồ nợ quá hạn

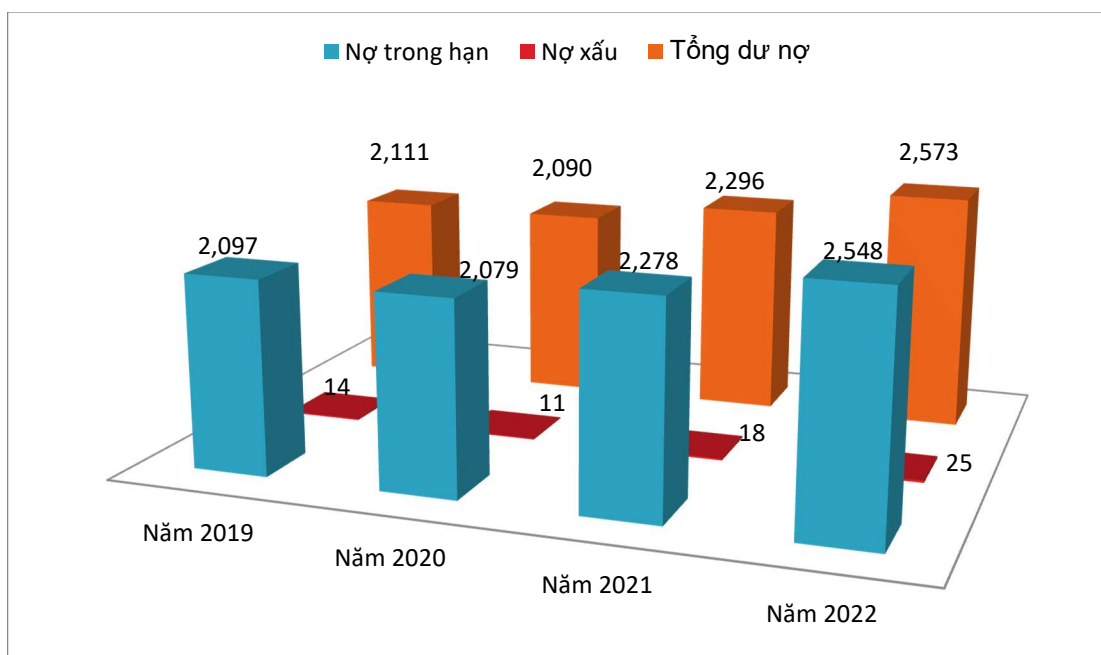
Bảng 2.13. Bảng nợ xấu Agribank chi nhánh Từ Liêm

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng dư nợ	2,111	2,081	2,296	2,573
Dư nợ xấu	14	11	18	25
Tỷ lệ nợ xấu	0,7%	0,53%	0,78%	0,97%

(Nguồn phòng Kế hoạch kinh doanh)

Từ bảng trên ta có biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.4: Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng Agribank

Bảng 2.14. Nợ xấu phân theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Tổng dư nợ	2.090	100%	2.296	100%	2.573	100%
Nợ nhóm 1	1.975	94,5	2.150	93,6	2.412	93,7
Nợ nhóm 2	104	5	128	5,6	136	5,3
Nợ nhóm 3	3	1	2	1	4	0,2

Nợ nhóm 4	1	0,05	0	-	3	0,1
Nợ nhóm 5	7	3	16	0,7	18	0,7
Nợ xấu	11		18		25	0,97
Nợ xấu/Tổng dư nợ	0,53%		0,78%		0,97%	

(Nguồn phòng Kế hoạch kinh doanh)

Qua bảng số liệu trên về tình hình tín dụng của chi nhánh nhìn chung ở tình trạng kiểm soát được, như nợ xấu trong các năm từ 2020 đến 2022 của Agribank chi nhánh Từ Liêm mặc dù có xu hướng tăng dần nhưng vẫn ở mức thấp so với tỷ lệ NHNN cho phép là dưới 3% và của Agribank cho phép dưới 2%.

Về chỉ tiêu nợ quá hạn (bao gồm cả nợ xấu) có xu hướng giảm dần từ năm 2019 dư nợ quá hạn là 323 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 15,3% tổng dư nợ của chi nhánh. Điều đó nói lên chất lượng thẩm định phương án, dự án và những đánh giá về khách hàng của cán bộ tín dụng là chưa tốt. Phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng vay vốn là chưa hiệu quả. Hoạt động tín dụng của ngân hàng trong năm 2019 là chưa được tốt. Từ năm 2020 trở lại đây tỷ lệ nợ quá hạn có xu thế giảm dần xuống còn 10,7%, năm 2021 là 8,5% và năm 2022 là 7,8%. Năm 2021 mặc dù ngân hàng đã có những giải pháp nhằm hạn chế việc cho vay và dư nợ giảm so với năm 2020, song dư nợ quá hạn vẫn ở mức cao, thêm vào đó lại xuất hiện nợ khó đòi, nợ nhóm 4, nhóm 5. Nguyên nhân là do trong giai đoạn này tình hình dịch bệnh Covid 19 bùng phát ở mức báo động, tình hình chính trị trên thế giới đã gây ảnh hưởng tới nền kinh tế, diễn biến theo chiều bất lợi cho hoạt động kinh doanh của tất cả các thành phần kinh tế do đó ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động tín dụng của

ngân hàng. Đối tượng cho vay chủ yếu của ngân hàng vẫn là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình và cá nhân việc ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh đã làm cho hoạt động kinh doanh trì trệ, các nhà máy, của hàng phải đóng cửa, khó khăn càng chồng chất, không có khả năng trả nợ, các doanh nghiệp thì làm ăn thua lỗ. Thêm vào đó, tài sản mà khách hàng dùng để thế chấp cho ngân hàng chủ yếu là quyền sử dụng đất và bất động sản. Năm 2020 tình trạng nhà đất không có giao dịch khiến cho việc phát mại, xử lý tài sản thế chấp gặp rất nhiều khó khăn.

Trong thời gian gần đây, Agribank đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, sử dụng nhiều biện pháp hợp lý để nhằm cải thiện tình hình, công tác thẩm định và giám sát được đẩy mạnh. Các dự án cho vay mới được cán bộ tín dụng xem xét, thẩm định một cách kỹ lưỡng. Việc thẩm định không chỉ giới hạn ở việc thẩm định dự án kinh doanh mà còn thẩm định đối với khách hàng và xác minh tính chính xác của các tài liệu mà khách hàng cung cấp cho cán bộ tín dụng. Ngân hàng đã tích cực phối hợp với cơ quan, chính quyền địa phương để xác minh một số thông tin cá nhân và tư cách đạo đức của khách hàng. Cách làm này đã đem phát huy tác dụng, đem lại kết quả khả quan. Với những khoản vay đã được thông qua, công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sử dụng vốn được diễn ra một cách thường xuyên và toàn diện hơn. Bên cạnh đó, ngân hàng tận dụng mọi tài sản đảm bảo của khách hàng, thậm trí là những khoản vay đã được bảo lãnh cũng được ngân hàng tận dụng tài sản đủ điều kiện của người vay để tăng sự ràng buộc và tính bảo đảm cho khoản vay. Cán bộ tín dụng luôn phải theo sát các khoản vay sắp tới hạn trả nợ, đôn đốc khách hàng trả lãi cũng như trả gốc đúng hạn. Những khoản vay quá hạn do lỗi chủ quan thì quy trách nhiệm cho từng nhân viên và nhân viên đó phải có trách nhiệm thu hồi nợ. Nhìn chung đa phần khách

hàng đều có ý thức trả nợ và có sự hợp tác với ngân hàng, tuy nhiên một số khách hàng cố ý chây ì, ngân hàng đã phải nhờ tới sự can thiệp của luật pháp.

Các giải pháp mà Agribank chi nhánh Từ Liêm sử dụng đã phát huy tác dụng một cách rõ rệt. Tình hình nợ quá hạn và nợ khó đòi đã giảm hẳn. Dư nợ quá hạn năm 2022 chỉ còn 201 tỷ đồng giảm 122 tỷ đồng so với năm 2019 tương ứng giảm 37,8%. Tỷ lệ nợ quá hạn của ngân hàng trong năm 2022 còn 7,8%. Có được thành tích như vậy là sự nỗ lực của toàn bộ đội ngũ cán bộ công nhân viên của Agribank chi nhánh Từ Liêm.

Năm 2019, tỷ lệ nợ quá hạn lên tới 15,3%, đây là một tỷ lệ rất đáng lo ngại, báo hiệu sự yếu kém về nhiều mặt trong hoạt động tín dụng của Agribank chi nhánh Từ Liêm, tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể dẫn tới phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi và nợ có khả năng mất vốn. Như vậy có thể thấy chất lượng tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm là chưa cao và còn tồn tại nhiều bất cập.

2.3.3. Đánh giá ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong QTRR tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm:

a) Kết quả đạt được:

Trong thời gian qua Agribank chi nhánh Từ Liêm đã rất tích cực trong công tác quản trị rủi ro tín dụng, đã đạt được một số kết quả như sau:

Agribank Từ Liêm trong những năm gần đây luôn đặt ra nhiệm vụ phát triển tín dụng theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu, nhiều biện pháp và chiến lược phát triển được chỉ đạo nghiêm ngặt, việc xây dựng chỉ tiêu tín dụng, hạn mức tín dụng dựa trên tình hình thực tế và thường xuyên đôn đốc kiểm tra của Ban giám đốc đã giúp định hướng và mục tiêu phát triển cụ thể trong từng giai đoạn Agribank Từ Liêm thực hiện quy định tín dụng áp dụng

chung trong toàn hệ thống Agribank theo mô hình ngân hàng đa năng bán chéo sản phẩm, hướng khách hàng tới việc sử dụng nhiều dịch vụ khác nhau của ngân hàng. Điều này giúp cho công tác tín dụng theo chuẩn tắc nhất định từ đó giảm thiểu được rủi ro tín dụng và phát triển một cách toàn diện thu được nhiều lợi ích cao nhất từ một khách hàng.

Thứ hai: Tích cực xử lý nợ quá hạn nợ xấu nợ có dấu hiệu rủi ro việc xử lý nợ xấu, nợ quá hạn, nợ có dấu hiệu rủi ro được ban lãnh đạo ngân hàng rất quan tâm và có phương sách rất cương quyết để giải quyết vấn đề này cụ thể như sau: Ban Giám đốc, lãnh đạo phòng tín dụng, nhân viên tín dụng, nhân viên phòng kế toán ngân quỹ phối hợp nhịp nhàng để đưa ra kế hoạch cụ thể với từng khoản nợ quá hạn, món nợ xấu. Luôn xác định xử lý nợ tồn đọng là công tác trọng tâm, là việc làm thường xuyên nhằm cải thiện nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng.

Thứ ba: Thực hiện việc đánh giá lại tài sản thường xuyên, liên tục hàng tháng, ngoài việc kiểm kê tài sản đảm bảo được thực hiện theo nguyên tắc có sự tham gia đầy đủ của các bộ phận chức năng: bộ phận tín dụng bộ phận kế toán và giám sát của phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ.

Việc đánh giá lại tài sản đảm bảo được tiến hành đối với các tài sản đảm bảo của các món nợ quá hạn từ nhóm 2 đến nhóm 5 để làm cơ sở xác định đúng mức trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản nợ quá hạn. Việc đánh giá lại tài sản đảm bảo thường xuyên giúp Agribank Từ Liêm nắm bắt được tình hình thực tế về chất lượng và giá trị thị trường của tài sản đảm bảo từ đó điều chỉnh hạn mức cho vay phù hợp giá trị thực tế của tài sản đảm bảo đồng thời đảm bảo khả năng thu nợ từ tài sản đảm bảo khi có rủi ro xảy ra.

Thứ tư: Chú trọng đến việc nâng cao trình độ quản lý trình độ chuyên môn đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ nhân viên, giáo dục nâng cao trình độ và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ được ngân hàng đặc biệt quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu của một cán bộ tín dụng đầy đủ bản lĩnh trình độ và nhân cách.

Đối với cán bộ đang công tác, ngân hàng thực hiện đào tạo chuyên sâu về chuyên môn và giáo dục đạo đức nghề nghiệp nhằm điều chỉnh hành vi theo quan điểm chỉ đạo chung của ngân hàng.

Đối với cán bộ mới tuyển dụng ngân hàng bồi dưỡng kiến thức về hội nhập, giáo dục về tổng quan nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp ngân hàng, nhờ đó sau mỗi khóa học nhận thức về rủi ro tín dụng của cán bộ làm công tác tín dụng được nâng cao hơn một bước, nâng cao tinh thần trách nhiệm có ý thức cao hơn trong kiểm soát rủi ro tín dụng.

Thứ năm: Thực hiện tốt chính sách cho vay quy trình tín dụng ngân hàng thực hiện đúng những quy định chính sách cho vay như chấm điểm và xếp loại khách hàng trên cơ sở đánh giá tổng hợp các yếu tố định tính và định lượng về khách hàng, thực hiện phân loại nợ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước và của Agribank trên cơ sở đó đánh giá chính xác hơn chất lượng của danh mục tín dụng sẽ hạn chế rất nhiều rủi ro tín dụng, cán bộ tín dụng tuân thủ nghiêm túc chính sách cho vay và quy trình tín dụng thẩm định đánh giá khách hàng và phương án vay vốn theo đúng quy trình, coi trọng khâu kiểm tra trước trong và sau cho vay cho đến khi tất toán khoản vay.

b) Hạn chế, tồn tại:

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong công tác phòng ngừa hạn chế rủi ro tín dụng tại chi nhánh còn những hạn chế sau:

Thứ nhất: Chưa có bộ phận thẩm định độc lập để thẩm định khoản vay. Cán bộ tín dụng là người chịu trách nhiệm chính và là người theo sát toàn bộ quá trình vay vốn của khách hàng. Vì vậy, dễ phát sinh rủi ro tín dụng khi năng lực cán bộ tín dụng yếu hoặc phẩm chất đạo đức không tốt, có ý định móc ngoặc với khách hàng để rút tiền của ngân hàng.

Thứ hai: Chưa có bộ phận phụ trách rủi ro chuyên biệt để phân loại các khoản vay theo mức độ rủi ro, xây dựng giới hạn tín dụng đối với từng khách hàng, nhóm khách hàng, khu vực và xử lý các khoản vay có vấn đề.

Thứ ba: Mô hình chấm điểm xếp hạng tín dụng khách hàng để đánh giá rủi ro còn mang nặng cảm tính, mang tính chủ quan của người chấm.

Thứ tư: Vấn đề thông tin bất cập ảnh hưởng đến cả hai phía: khách hàng và ngân hàng. Tuy nhiên, ngân hàng là phía phải gánh chịu nhiều rủi ro hơn khi nguồn vốn vượt khỏi tầm kiểm soát.

Thông tin phân tích tín dụng chủ yếu lấy từ Trung tâm thông tin tín dụng Ngân hàng Nhà nước CIC, từ các báo cáo tài chính của khách hàng, các nguồn thông tin không chính thức. Các nguồn thông tin trên không được đảm bảo chính xác và chưa có cơ sở tin cậy. Trên thực tế, các thông tin về khách hàng như năng lực quản trị, điều hành của chủ doanh nghiệp không được đánh giá đúng thực chất, thông tin về năng lực tài chính của doanh nghiệp chưa có cơ sở tin cậy, các thông tin hỗ trợ trong việc thẩm định dự án, công nghệ máy móc thiết bị, tài sản đảm bảo cũng rất khó khăn để tìm kiếm. Chất lượng thông tin kém đã gây không ít khó khăn trong công tác thẩm định khách hàng và dự án vay vốn

2.4. Nguyên nhân hạn chế trong quản trị rủi ro tại chi nhánh Từ Liêm

2.4.1. Nguyên nhân khách quan:

2.4.1.1. Môi trường kinh tế có nhiều bất trắc:

Môi trường kinh tế ảnh hưởng rất lớn đến thành công hay thất bại của khoản tín dụng, đặc biệt là địa bàn hoạt động của Agribank chi nhánh Từ Liêm lại nằm trong khu vực nửa thành thị, nửa nông thôn đang có tốc độ đô thị hóa nhanh, nơi có đầy đủ các loại hình kinh tế hoạt động trong nhiều ngành nghề lĩnh vực khác nhau. Môi trường kinh tế trong những năm gần đây một mặt đem lại những thuận lợi cho hoạt động ngân hàng nói chung hoạt động tín dụng ngân hàng nói riêng, mặt khác với những biến động kinh tế vẫn là một trong những nguyên nhân gây ra hậu quả xấu cho hoạt động tín dụng ngân hàng chẳng hạn như: Trong giai đoạn T6/2015 – 2016, giá thép thế giới biến động theo xu hướng giảm. Một loạt các doanh nghiệp sản xuất gặp khó khăn do giá bán giảm, doanh nghiệp thương mại gặp khó khăn đối với những lô thép nhập trước giai đoạn khủng hoảng với giá cao, trong khi giá bán đầu ra thị trường giảm. Các doanh nghiệp kinh doanh thép là khách hàng lớn của Agribank chi nhánh Từ Liêm như Công ty TNHH Hoàng Phong, Công ty TNHH Thép Đại Phát đứng trước hai sự lựa chọn hoặc chấp nhận bán hàng với giá thấp chịu thua lỗ vốn để có tiền trả nợ ngân hàng, hai là giữ hàng chờ giá phục hồi trở lại song lại không có tiền để trả nợ ngân hàng dẫn đến tình trạng phải gia hạn nợ và quá hạn. Vào thời điểm này các doanh nghiệp kinh doanh thép đã đề nghị ngân hàng gia hạn nợ vay làm ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của Agribank.

2.4.1.2. Môi trường pháp lý chưa thuận lợi

- Trong hoạt động tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Agribank và các cơ quan liên quan đã ban hành nhiều luật, văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành luật liên quan đến xử lý vấn đề nợ xấu trong tín dụng ngân hàng. Tuy nhiên việc triển khai vào hoạt động thực tế như việc cưỡng chế thu hồi nợ đối với những khách hàng không trả nợ đều khó thực hiện. Ví dụ

như văn bản có quy định: “Trong những trường hợp khách hàng không trả được nợ, ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm nợ vay”. Trên thực tế, các ngân hàng không làm được điều này vì ngân hàng là một tổ chức kinh tế, không phải là cơ quan quyền lực nhà nước, không có chức năng cưỡng chế buộc khách hàng bàn giao tài sản bảo đảm cho ngân hàng để xử lý hoặc việc chuyển tài sản bảo đảm nợ vay để tòa án xử lý qua con đường tố tụng... cùng nhiều quy định khác dẫn đến tình trạng ngân hàng khó giải quyết được nợ tồn đọng, tài sản tồn đọng

- Chính sách Thuế của Việt Nam thường có xu hướng tăng thu cho ngân sách nhà nước và không cho phép các ngân hàng khấu trừ dự phòng lỗ hoặc quy định số thu gồm cả lãi cộng dồn của các khoản nợ tồn đọng. Về bản chất, đây là Thuế đánh vào lợi nhuận ảo và làm giảm vốn tự có của ngân hàng. Những thay đổi đột ngột trong hệ thống Thuế cũng có tác động tới giá tài sản và khả năng trả nợ của bên vay, qua đó tác động đến khả năng thanh toán của ngân hàng.

2.4.2. Nguyên nhân chủ quan

2.4.2.1. Từ phía Agribank chi nhánh Từ Liêm

- Công tác khoán và thi đua khen thưởng: Chưa có được công thức khoán một cách chi tiết đến từng cán bộ ở từng bộ phận làm việc và chế độ khen thưởng hợp lý. Mức dư nợ tính trên đầu người của từng phòng giao dịch không đều, chỗ cao chỗ thấp, cán bộ tín dụng khi hoàn thành vượt mức chỉ tiêu đặt ra nhiều lần lại không có sự khen thưởng phù hợp, trong khi đó nếu không đạt được chỉ tiêu về doanh số thì lại áp hình thức kỷ luật, thu nhập tính theo bình quân cào bằng nên không có sự cạnh tranh. Chính vì vậy với cơ chế hiện tại tại ngân hàng đang áp dụng chưa khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ tín dụng gia tăng quy mô tín dụng.

- Chưa tuân thủ quy trình cho vay: chưa chấp hành nghiêm, kiểm tra thẩm định còn sơ sài, tài sản bảo đảm nợ vay không đủ tiêu chuẩn hoặc còn thiếu... cũng là những nguyên nhân dẫn đến các rủi ro cho ngân hàng.

- Thiếu sự kiểm soát, giám sát: Việc phân tích đánh giá, để đưa ra quyết định cuối cùng phần lớn được dựa vào hồ sơ vay vốn, thông tin do khách hàng cung cấp. Dẫn tới việc thông tin không được khách quan, đầy đủ và toàn diện. Thêm vào đó, các doanh nghiệp trên địa bàn thường là các doanh nghiệp nhỏ, các báo cáo tài chính không được kiểm toán do đó không đảm bảo tính xác thực và chính xác của thông tin được cung cấp. Trong khi đó phương tiện phục vụ phân tích thông tin còn nhiều bất cập làm hạn chế hiệu quả tác nghiệp của cán bộ tín dụng.

- Việc cho vay đối với một khách hàng cán bộ tín dụng vừa đóng vai trò là người quan hệ khách hàng (tiếp cận khách hàng) vừa kiêm quản lý khoản vay nên đã làm cho khối lượng công việc của cán bộ tín dụng tăng lên rất nhiều, tạo ra áp lực nặng nề. Giờ đây cán bộ tín dụng phải đảm nhận thêm vai trò là một nhân viên kế toán (quản lý bảo quản hồ sơ, đề nghị thu nợ, tính lãi...).

- Công tác quản trị rủi ro tín dụng còn kém hiệu quả:

**** Chính sách quản trị rủi ro tín dụng:***

- Các biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng còn thiếu tính hệ thống, rời rạc, dường như chỉ tập trung vào khách hàng của Agribank, chưa thể hiện rõ ràng được chiến lược hạn chế rủi ro tín dụng của ngân hàng. Điều này cho thấy tầm quan trọng của khách hàng trong việc hạn chế rủi ro tín dụng, tuy nhiên cũng cho thấy Agribank chưa có quan tâm toàn diện đến các nguyên nhân gây rủi ro tín dụng khác, đến các nhân tố ảnh hưởng đến việc hạn chế rủi ro tín dụng khác.

- Các dấu hiệu nhận diện rủi ro tín dụng chưa được tổng kết và cập nhật thành cẩm nang cho cán bộ tín dụng, các công cụ đánh giá rủi ro tín dụng vẫn chủ yếu theo phương pháp định tính, phương pháp định lượng còn chưa được coi trọng, một số biện pháp mang giải pháp tình thế, trong khi các biện pháp còn lại mang tính lâu dài chỉ mới bắt đầu thực hiện nhưng thay đổi quá đột ngột, thiếu thời gian chuẩn bị cho khách hàng cũng như Ngân hàng.

- Công tác nhân sự chưa được đào tạo, rà soát tuyển dụng kỹ càng:

Việc đào tạo cộng với kinh nghiệm thực tiễn làm việc của cán bộ vẫn không đáp ứng kịp thời cho nhu cầu cán bộ tại các điểm giao dịch mới. Việc tuyển dụng nhân viên mới cũng gặp nhiều hạn chế vì thực tế mặt bằng lương và chế độ của Agribank không có nhiều ưu đãi so với các ngân hàng trong nước và thua hẳn các ngân hàng nước ngoài về lương. Trình độ cán bộ cũng là một thực trạng tại chi nhánh, số lượng cán bộ có trình độ, chất lượng làm công tác tín dụng ít hơn so với các bộ phận khác. Chính vì thế một thực trạng đang diễn ra tại Agribank chi nhánh Từ Liêm là tâm lý ngại cho vay, sợ trách nhiệm, chưa nắm bắt kết các quy chế, quy trình cho vay, dẫn đến lung túng trong việc ra quyết định cho vay, không nhận thấy những rủi ro tiềm ẩn.

- Đạo đức nghề nghiệp chưa được quan tâm đúng mức: Quy trình thẩm định và cho vay một cửa khiến có nhiều bất cập. Cán bộ tín dụng thực hiện cả ba khâu cơ bản trong quá trình cho vay là tiếp xúc khách hàng, thẩm định phương án vay vốn, giải ngân và thu nợ. Do đó, tạo nên áp lực và trách nhiệm nặng nề đối với cán bộ tín dụng. Việc một cán bộ thực hiện một chu trình khép kín cũng đem tới những thuận lợi, đem lại hiệu quả nhất định cho công việc. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để cán bộ thoái hoá, biến chất lợi

dụng để móc ngoặc với khách hàng để thu lợi cá nhân, gia tăng rủi ro hoạt động tín dụng.

2.4.2.2. Từ phía khách hàng vay:

Thứ nhất: Tình hình tài chính doanh nghiệp yếu kém, thiếu minh bạch

Một trong những vấn đề tiên quyết khi quyết định cho khách hàng vay là ngân hàng phải phân tích cũng như nắm vững tình hình tài chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên với cơ cấu dư nợ vay của doanh nghiệp chiếm 51% tổng dư nợ vay của Agribank Từ Liêm thì vấn đề phân tích tài chính của các doanh nghiệp thật được chú ý. Đa số các doanh nghiệp vay vốn tại Agribank chi nhánh Từ Liêm có báo cáo tài chính chưa thực hiện kiểm toán, dẫn đến số liệu báo cáo tài chính của doanh nghiệp chưa đảm bảo tính chính xác cao, không phản ánh đúng thực trạng sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, thậm chí có nhiều doanh nghiệp cố tình làm sai lệch các số liệu tài chính có lợi cho mình để cho ngân hàng không phát hiện ra và đồng ý cho vay. Việc báo cáo tài chính không minh bạch rõ ràng, không chính xác, cán bộ thẩm định không có đủ điều kiện cũng như khả năng phát hiện ra những dấu hiệu bất thường trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp cũng như góp phần làm cho rủi ro tín dụng xảy ra tại Agribank chi nhánh Từ Liêm.

Thứ hai: Khả năng quản lý kinh doanh kém

Nguyên nhân do các doanh nghiệp chưa thật sự kiểm soát được nguồn vốn của mình một cách có hiệu quả hay nói cách khác các doanh nghiệp chưa xác định rõ được chu kỳ kinh doanh cho một vòng quay vốn lưu động của mình để kịp thời thu hồi vốn trả nợ ngân hàng. Ngoài ra các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hồi các khoản phải thu, việc bị chậm thanh quyết toán cũng là một trong các nguyên nhân khiến các doanh

nghiệp chậm trả ngân hàng.

Một trong những điều kiện vay là khách hàng phải có tài sản đảm bảo, nó là phao cứu sinh cuối cùng khi nguồn trả nợ của khách hàng gặp rủi ro. Tuy nhiên, tài sản đảm bảo chỉ là điều kiện đủ trong việc xét duyệt cho vay, là nguồn dự phòng khi nguồn thu gặp rủi ro dẫn đến ngân hàng không thu hồi được cả vốn lẫn lãi. Theo quan điểm này thì hiện nay việc áp dụng tài sản đảm bảo cho các khoản tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm rất linh hoạt. Trong cơ cấu tài sản đảm bảo, nhằm giảm thiểu rủi ro tỷ lệ cho vay có tài sản của chi nhánh đạt gần như 100%. Trên quan điểm an toàn tín dụng, Agribank Từ Liêm chưa mở rộng phương thức cho vay đảm bảo bằng tín chấp. Đây cũng là một nhược điểm trong việc mở rộng kinh doanh. Đối tượng khách hàng mục tiêu mà Agribank chi nhánh Từ Liêm hướng tới là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ rất hạn chế về vấn đề tài sản đảm bảo. Chính vì vậy, khi muốn mở rộng hoạt động tín dụng đặc biệt là tín dụng tiêu dùng trung và dài hạn nhất là trong môi trường các ngân hàng thương mại cạnh tranh gay gắt như hiện nay thì chính sách về tài sản đảm bảo phải thật linh hoạt thì mới có thể cạnh tranh lại các ngân hàng khác.

Trong vài năm gần đây, hoạt động kinh tế của huyện Từ Liêm cũ nay là quận Nam Từ Liêm và Quận Bắc Từ Liêm và các vùng lân cận phát triển mạnh, nhiều doanh nghiệp mới ra đời nhu cầu vốn lớn song còn tồn tại nhiều bất cập. Trước hết là sự non kém trong kinh doanh do không có kinh nghiệm, năng lực tài chính và khả năng quản trị rất yếu. Các doanh nghiệp chịu sức ép và áp lực cạnh tranh không chỉ trên địa bàn mà còn của các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước.

Khó khăn lớn nhất của các doanh nghiệp là thiếu vốn, trong điều kiện

thị trường vốn tại Việt Nam chưa phát triển thì ngân hàng là kênh cung cấp vốn duy nhất cho các doanh nghiệp. Rất nhiều các doanh nghiệp đã vay vốn ngân hàng đầu tư thêm máy móc thiết bị, mở rộng sản xuất kinh doanh, tuy nhiên thực tế vẫn có nhiều doanh nghiệp đầu tư máy móc thiết bị công nghệ lạc hậu, năng suất không cao, hoạt động kinh doanh không mang lại hiệu quả như mong muốn dẫn đến ảnh hưởng đến khả năng trả nợ ngân hàng. Cũng có nhiều trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động rất tốt, có phương án kinh doanh rất tốt, ý tưởng kinh doanh đột phá, nhưng khi được ngân hàng hỗ trợ vốn thì do năng lực quản trị điều hành kém, sử dụng vốn vay lại không hiệu quả, không đúng mục đích, Agribank chi nhánh Từ Liêm một mặt phải chấp nhận đề khoản vay của doanh nghiệp này rơi vào tình trạng nợ khó đòi, mặt khác để thu hồi được nợ vay Agribank chi nhánh Từ Liêm phải cử cán bộ trực tiếp hỗ trợ doanh nghiệp các biện pháp thu hồi công nợ, phục hồi hoạt động kinh doanh như cũ vừa tốn thời gian vừa mất chi phí cho Agribank chi nhánh Từ Liêm.

Thứ 3: Khách hàng vay vốn sử dụng vốn sai mục đích và không có thiện chí trả nợ

Trình độ dân trí chưa cao, nhiều khách hàng đến ngân hàng vay vốn nhưng chưa có kế hoạch sử dụng vốn hiệu quả nhất là nhóm khách hàng hộ sản xuất, cá thể. Đa phần khách hàng chưa nắm được những yêu cầu, thủ tục, giấy tờ bắt buộc khi cho vay của ngân hàng dẫn tới việc đi lại nhiều lần mất thời gian gây nản lòng cho người đi vay. Không ít trường hợp khách hàng đến ngân hàng với mục đích lừa đảo, chiếm đoạt tài sản bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, có hệ thống.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Từ hệ thống lý luận đã được xây dựng ở chương 1, tác giả đi vào nghiên cứu và phân tích hoạt động tín dụng cũng như công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Agribank và thực tiễn trực tiếp nghiên cứu và phân tích công tác tổ chức và hoạt động tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm. Ngoài việc tìm hiểu lịch sử phát triển của ngân hàng Agribank nói chung, tác giả bắt đầu từ nghiên cứu thực trạng tín dụng của Agribank chi nhánh Từ Liêm, cụ thể, thực trạng về Chính sách tín dụng, Quy trình nghiệp vụ tín dụng, Hệ thống xếp hạng tín dụng, Quy trình kiểm tra, giám sát tín dụng cho đến nghiên cứu thực trạng quản trị rủi ro tín dụng của Agribank chi nhánh Từ Liêm. Nội dung nghiên cứu bao gồm Xử lý rủi ro tín dụng, phân loại và trích lập dự phòng, Nợ xấu và quản trị nợ xấu, Các biện pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng tại AGRIBANK

Sau khi có những tài liệu thực tế về thực trạng của hoạt động tín dụng cũng như rủi ro tín dụng của Agribank chi nhánh Từ Liêm, tác giả bắt đầu sử dụng các công cụ phân tích để đi đến những đánh giá về ưu, nhược điểm của chi nhánh này, trọng điểm nhấn mạnh về các thành công đạt được để khuyến khích và duy trì, bên cạnh đó nhận xét và chỉ ra những khuyết điểm hạn chế để khắc phục. Từ đó có thể khái quát và mở rộng ra được thực trạng chất lượng tín dụng tại các Chi nhánh khác thuộc Agribank. Hoạt động tín dụng của Agribank chi nhánh Từ Liêm cũng như của bất cứ tổ chức tín dụng nào cũng vậy đều có thành công và những tồn tại. Đó là rủi ro tín dụng của Agribank chi nhánh Từ Liêm tập trung chủ yếu ở đối tượng khách hàng doanh nghiệp. Vấn đề là ngân hàng cần phát huy những kết quả đã đạt được và tìm ra những biện pháp khắc phục, hạn chế rủi ro từ đó nâng cao chất lượng tín dụng, phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn. Đến 31/12/2022 tỷ lệ nợ xấu của

Agribank chi nhánh Từ Liêm ở mức 0,97% so với toàn hệ thống là 1,87%. Đó cũng là những nỗ lực thành công của chi nhánh. Chương 3 nêu ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm.

Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG AGRIBANK CHI NHÁNH TỪ LIÊM

3.1. Định hướng quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm

3.1.1. Định hướng phát triển của Agribank và chi nhánh Từ Liêm trong thời gian tới và thách thức đặt ra

Agribank đặt mục tiêu là củng cố, ổn định, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh, giữ vững vai trò chủ lực trên thị trường tiền tệ, tín dụng đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn, đáp ứng nhu cầu vốn vay có hiệu quả phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, cung ứng sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, hoạt động kinh doanh tăng trưởng, an toàn, hiệu quả, bền vững.

Năm 2023 tình hình kinh tế xã hội nước ta đứng trước nhiều cơ hội mới, song cũng xuất hiện nhiều khó khăn thử thách, nhất là trong hội nhập quốc tế và khu vực. Agribank chi nhánh Từ Liêm đặt mục tiêu chung trong năm 2023 là tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được năm 2022. Tập trung phát triển toàn diện trong kinh doanh, chú trọng phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả từng bước mở rộng các sản phẩm dịch vụ, ổn định vững chắc khả năng tài chính. Agribank chi nhánh từ Liêm phấn đấu thực hiện một số các chỉ tiêu cơ bản: Nguồn vốn phân đầu tăng trưởng từ 8-10% so với 2022. Dư nợ tín dụng tăng tối thiểu 10% so với 2022. Nợ xấu dưới 1%, thực hiện tốt kế hoạch được giao, đảm bảo có quỹ thu nhập và đủ lương cho người lao động.

3.1.2. Định hướng quản trị rủi ro tín dụng Agribank

Công tác quản trị rủi ro đóng vai trò vô cùng quan trọng trong mỗi Ngân hàng. Hệ thống quản trị rủi ro tín dụng được thực hiện như một sứ mệnh đảm bảo cho Ngân hàng có thể kiểm soát rủi ro ở mức độ hợp lý, phù hợp với quy mô. Việc xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro tín dụng là điều vô cùng cần thiết. Nhờ công tác này mà Ngân hàng có thể lường trước được và đưa ra những giải pháp kịp thời ứng phó, hạn chế được tổn thất lớn nhất.

Trong định hướng hoạt động đến năm 2025, Agribank đặt mục tiêu Tổng tài sản tăng từ 7 – 10%, dư nợ cho vay nền kinh tế tăng từ 7% - 11% và phù hợp với kế hoạch được Ngân hàng nhà nước phê duyệt; Tỷ trọng cho vay nông nghiệp nông thôn từ 65% - 70%; Tỷ lệ nợ xấu nội bảng theo thông tư 11/2021/TT-NHNN dưới 2%; Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn dưới 2%. Ngân hàng cũng đặt mục tiêu tăng trưởng đến năm 2025 từ 11-13% cho vốn huy động; thu dịch vụ tăng từ 8% - 10%; Tổng thu nhập tối thiểu đạt 152.000 tỷ đồng; tài chính đạt lợi nhuận trước thuế dự kiến 26.200 tỷ đồng và được điều chỉnh theo ý kiến của Ngân hàng Nhà nước sau khi có ý kiến của Bộ tài chính tăng tối thiểu 8% so với năm 2022, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 18%; tiền lương cho người lao động không thấp hơn 2022; đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bước vào giai đoạn mới hội nhập sâu hơn, toàn diện hơn, nhưng đồng thời cũng phải đối mặt nhiều hơn với cạnh tranh, thách thức sau khi Việt Nam gia nhập Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) ngày 04/02/2016, cam kết mở cửa hoàn toàn thị trường tài chính - ngân hàng, Agribank xác định kiên trì mục tiêu và định hướng phát triển theo hướng

Tập đoàn tài chính - ngân hàng mạnh, hiện đại có uy tín trong nước, vươn tầm ảnh hưởng ra thị trường tài chính khu vực và thế giới.

Để đạt được các mục tiêu trên, Agribank tập trung toàn hệ thống thực hiện đồng bộ các giải pháp, đó là: Thực hiện các biện pháp huy động vốn thích hợp đối với từng loại khách hàng, vùng, miền; tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức, tập đoàn kinh tế, tổng công ty; Triển khai quyết liệt Đề án tái cơ cấu lại hoạt động Agribank đã được Chính phủ phê duyệt; Đổi mới cơ chế về quản trị, điều hành kế hoạch kinh doanh theo hướng nâng cao tính chủ động, linh hoạt; Tập trung nâng cao chất lượng tín dụng, phân tích, đánh giá đúng thực trạng nợ xấu và quyết liệt triển khai các biện pháp xử lý và thu hồi, giảm nợ xấu; củng cố, kiện toàn về cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động Agribank và hệ thống cơ chế quản trị điều hành kinh doanh, xây dựng quy trình quản trị hiện đại trên các mặt nghiệp vụ, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Kiện toàn hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, rà soát và chỉnh sửa quy trình giao dịch một cửa và hậu kiểm; Tiếp tục hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, phát triển sản phẩm dịch vụ hiện đại, nâng cao thị phần dịch vụ tại đô thị và nhanh chóng triển khai sản phẩm dịch vụ phục vụ "Tam nông"; Nâng cao hiệu quả hoạt động tiếp thị, truyền thông gắn với hoạt động an sinh xã hội, qua đó góp phần quảng bá thương hiệu, nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh v.v... tiếp tục khẳng định vị thế, uy tín của Ngân hàng Thương mại lớn nhất Việt Nam.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank Chi nhánh Từ Liêm

Trong lĩnh vực kinh doanh Ngân hàng hoạt động tín dụng luôn là hoạt động cốt lõi và chủ yếu, mang lại nhiều lợi nhuận cho Ngân hàng, nhưng chúng

lại tiềm ẩn rủi ro rất cao. Công tác quản trị rủi ro tín dụng là hoạt động quan trọng nhằm phát hiện, phòng ngừa và giải quyết kịp thời, qua đó làm giảm tổn thất, hướng đến mục tiêu cuối cùng là lợi nhuận. Dưới đây là một số giải pháp nhằm góp phần vào hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Agribank Từ Liêm.

3.2.1. Hoàn thiện cơ cấu quản lý và hệ thống quản trị rủi ro tín dụng:

Như đã phân tích thực trạng và nguyên nhân ở trên, thì một kiến nghị đầu tiên là **Agribank chi nhánh Từ Liêm** phải phân tích, đánh giá lại công tác quản trị rủi ro tín dụng của mình, hoàn thiện lại cơ cấu tổ chức từng bộ phận, gán trách nhiệm cũng như quyền lợi đến từng bộ phận và từng cán bộ. Hướng đến chất lượng tín dụng tốt, hữu ích và đáp ứng được quyền lợi khách hàng mà Ngân hàng vẫn thu lợi, kèm theo đó là Dịch vụ ngân hàng tốt, đặt khách hàng làm trung tâm, lấy tiêu chí thỏa mãn khách hàng làm trọng đúng như mục tiêu hướng tới của Agribank là “Mang phồn thịnh đến khách hàng”.

3.2.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản trị rủi ro tín dụng

Để có thể hoạt động hiệu quả cần phải thực hiện xây dựng bộ máy quản trị rủi ro tín dụng thích hợp, bộ máy này cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- * Cơ cấu lãnh đạo phù hợp: không chồng chéo, công kênh gây rối loạn và phức tạp trong quá trình kiểm tra kiểm soát
- * Xác định rõ trách nhiệm của bộ phận, cá nhân, đặc biệt là trách nhiệm công việc.
- * Hoạt động theo định hướng khách hàng làm trung tâm
- * Quản trị thông tin chặt chẽ và đầy đủ

3.2.3. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định

Đây là khâu đầu tiên của quy trình tín dụng, quyết định việc cấp hay

không cấp tín dụng, do đó chất lượng công tác thẩm định được xem là biện pháp hàng đầu trong việc ngăn ngừa rủi ro.

Quá trình thẩm định cần phải bám sát quy chế quy trình, cán bộ thẩm định cần phải đủ năng lực chuyên môn để đánh giá phân tích hồ sơ, mức độ tin cậy của số liệu ban đầu, biết tư vấn cho khách hàng xác định được định hướng, phương án đầu tư rõ ràng, lựa chọn dự án phù hợp với năng lực tài chính, đặc biệt phải tính đúng tính đủ nhu cầu vốn đầu tư, không được để bất kỳ áp lực nào mà đầu tư vào những tài sản kém phát huy hiệu quả (từ dự án đầu tư mua sắm thiết bị thi công của hệ thống Công ty CAVICO Việt Nam, các đơn vị trong khối Tổng công ty Viglacera cho thấy, các dự án này đến nay đã chuyển thành nợ quá hạn khó đòi, có khả năng mất vốn mà nguyên nhân chính là do dự án không phát huy hiệu quả, dự án đã có một số lượng lớn thiết bị đầu tư bằng vốn vay nhưng không đưa vào sử dụng vì không sử dụng được hoặc không có nhu cầu sử dụng, gây lãng phí vốn đầu tư và hệ quả là doanh nghiệp không thanh toán nợ vay đầy đủ theo Hợp đồng tín dụng. Đồng thời khi thẩm định cần chú trọng công tác thu thập, xử lý thông tin về dự án/khoản vay, áp dụng các chỉ tiêu thẩm định như NPV, IRR, phân tích độ nhạy... và cần đặt biệt lưu ý việc thẩm định năng lực, uy tín, kinh nghiệm quản trị, khả năng tài chính của khách hàng, chủ đầu tư...

3.2.4. Giám sát toàn diện rủi ro tín dụng và nâng cao hiệu quả xử lý nợ xấu

Trong đó chú trọng tăng cường công tác kiểm tra giám sát sử dụng vốn vay: Đa số các doanh nghiệp khi vay vốn đều có dự án/phương án kinh doanh cụ thể, khả thi nhưng giữa kỳ vọng của dự án và thực tế còn một khoảng cách, do đó khả năng doanh nghiệp sử dụng vốn sai mục đích, có tình chiếm dụng vốn vay cho hoạt động kinh doanh khác vẫn có thể xảy ra. Công tác giám sát sử dụng vốn vay của khách hàng, kiểm tra hồ sơ giải ngân

phải được thực hiện chặt chẽ, giám sát hiện trường dự án, tuân thủ quy trình chế độ chuyển tiền của Agribank (vốn vay chuyển thẳng vào tài khoản cho bên thụ hưởng) tránh tình trạng sử dụng vốn sai mục đích hoặc cố tình lừa đảo. Mặt khác, kiểm tra chặt chẽ hồ sơ, giải ngân đúng khối lượng còn là biện pháp đánh giá đúng tài sản bảo đảm vốn vay để đảm bảo tỷ trọng dư nợ vay có tài sản bảo đảm tiền vay với khả năng thanh khoản tốt ở trong ngưỡng an toàn.

Bổ trí cán bộ hợp lý và nâng cao chất lượng cán bộ đảm trách công tác thẩm định và tín dụng, giám sát. Có thể nói yếu tố con người là giải pháp sâu xa nhất trong các giải pháp phòng ngừa rủi ro. Cán bộ chuyên môn có năng lực tốt sẽ tham mưu tốt cho lãnh đạo trong việc lựa chọn dự án khả thi để cho vay, ngoài chuyên môn tốt, phẩm chất đạo đức cũng không kém phần quan trọng, có đạo đức nghề nghiệp, đánh giá khách hàng, đánh giá hiệu quả của dự án với thái độ công tâm, không vì mục đích cá nhân. Việc nâng cao kỹ năng thông qua công tác đào tạo và cập nhật kiến thức cho cán bộ được thực hiện thường xuyên, hàng tuần tổ chức học nghiệp vụ, triển khai các văn bản chế độ của ngành cũng như của cơ quan để phổ biến, cập nhật các văn bản nghiệp vụ mới. Động viên cán bộ tự học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ.

3.2.5. Nâng cao chất lượng công tác thông tin phòng ngừa rủi ro tín dụng

Đối với hoạt động tín dụng, một yếu tố quan trọng để giảm thiểu rủi ro đó là nhận diện được những khoản vay xấu từ ban đầu để sàng lọc, loại bỏ hoặc có giải pháp dự phòng sớm. Yếu tố thông tin là rất cần thiết, vì vậy cần xây dựng mạng lưới cung cấp thông tin hiệu quả và nhanh nhạy giữa:

- Các ngân hàng với nhau: có thể phối hợp để thông tin về những nguy cơ, khách hàng hoặc nhóm khách hàng có vấn đề đã chuyển từ ngân hàng này sang ngân hàng khác để đảo nợ, lừa đảo...

- Giữa các bộ phận trong ngân hàng với nhau

- Giữa các nhân viên trong nội bộ ngân hàng và với ngoài ngân hàng

3.2.6. Tăng cường quản trị danh mục tài sản đảm bảo

Trong thời gian qua, việc triển khai xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ tại một số tổ chức tín dụng là một trong những công cụ quản trị rủi ro cơ bản và hữu hiệu, được các tổ chức tín dụng triển khai nhằm xây dựng một môi trường tín dụng hiệu quả và đưa ra các chính sách tín dụng phù hợp với từng khách hàng. Đây cũng là công cụ trợ giúp các tổ chức tài chính ngân hàng đánh giá toàn bộ danh mục tín dụng, xác định một cách hợp lý, chính xác mức tổn thất tín dụng cho từng dòng sản phẩm hoặc lĩnh vực hay ngành kinh tế. Tuy nhiên hệ thống này cho đến nay mới được các tổ chức tín dụng thực hiện một cách riêng biệt, kết quả xếp hạng khách hàng vẫn chưa có sự liên kết với các yếu tố quan trọng khác của khoản tín dụng như tài sản bảo đảm (TSBĐ) của khoản vay. Bên cạnh đó, việc quản trị TSBĐ tại các tổ chức tín dụng hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, có thể kể đến như: Các tổ chức tín dụng chưa xây dựng được hệ thống đánh giá, chấm điểm TSBĐ; chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung về TSBĐ trên toàn hệ thống; chưa kiểm soát được tính chính xác của các thông số về TSBĐ trong việc tính toán dự phòng và tỷ lệ an toàn vốn theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước...

Để khắc phục các nhược điểm trên, việc xây dựng hệ thống xếp hạng khoản vay gắn với tài sản bảo đảm (HTXHTSBĐ) với các tiêu chí cụ thể là một công việc hết sức cần thiết nhằm sàng lọc, quản trị các TSBĐ của khách

hàng trước, trong và sau khi cho vay. Bên cạnh đó, việc xây dựng hệ thống này với tính năng liên kết chặt chẽ với hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ sẽ giúp các tổ chức tín dụng có thể đánh giá chính xác, thận trọng hơn đối với khoản tín dụng cũng như phần giá trị có thể thu hồi được trong tương lai trong trường hợp không trả được nợ vay. Đây hoàn toàn là một thước đo mới, hoàn thiện hơn để các tổ chức tín dụng có thể xem xét

- Toàn diện về chức năng sàng lọc TSBD theo các tiêu chí tối thiểu trước khi cho vay. Phương pháp quản trị phù hợp khi có những biến động trên thị trường, giảm thiểu các rủi ro phát sinh do các biến động liên quan đến TSBD.

- Trên cơ sở hệ thống quản trị TSBD sau khi cho vay, chính sách quản trị rủi ro tín dụng sẽ hoạt động có hiệu quả hơn thông qua phản ánh phù hợp mức độ tổn thất của TSBD; phân bổ TSBD phù hợp cho từng khoản vay.

- Hệ thống quản trị theo dõi TSBD sẽ giúp các tổ chức tín dụng xây dựng được một cơ sở dữ liệu về TSBD cho toàn hệ thống. Cơ sở dữ liệu về TSBD là căn cứ để hỗ trợ các tổ chức định giá TSBD một cách chính xác và thống nhất trong quy trình cấp tín dụng.

- Kết hợp với hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của tổ chức tín dụng để tính toán dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ an toàn vốn cũng như các yêu cầu báo cáo khác của Ngân hàng Nhà nước.

Đặc biệt đối với Agribank thì từ thực trạng về nợ xấu khó đòi đã phân tích trên thì biện pháp này nên cần được đặc biệt quan tâm và chú ý hơn cả.

3.2.7. Sử dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro

Thực hiện phân tích, định lượng và đo lường rủi ro

Agribank có thể thực hiện kết hợp phân loại nợ theo phương pháp định lượng với phương pháp định tính.

Thực hiện tốt công tác kiểm soát rủi ro bao gồm:

- Kiểm soát rủi ro trước khi cho vay
- ✓ Nâng cao chất lượng lập và kiểm soát tờ trình vay vốn, chất lượng xét duyệt tại Ban tín dụng/Hội đồng tín dụng
- ✓ Thẩm định tốt trước khi cho vay và kiểm tra tín dụng chặt chẽ hơn
- ✓ Thực hiện nghiêm túc các quy chế tín dụng
 - Kiểm soát sau khi cho vay
- ✓ Hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ.
- ✓ Thực hiện kiểm soát cụ thể theo nhóm khách hàng Trên cơ sở xếp hạng tín dụng khách hàng định kỳ, khách hàng được chia làm hai nhóm: Khách hàng có rủi ro cao và khách hàng có mức độ rủi ro trung bình và thấp.
 - Đối với nhóm khách hàng có rủi ro cao:
 - Yêu cầu khách hàng trả nợ trước hạn, áp dụng mức lãi suất quá hạn.
 - Cho nhân viên tín dụng chuyên trách theo dõi sát sao mọi hoạt động của khách hàng và đòi nợ.
 - Yêu cầu bổ sung thêm tài sản bảo đảm.
 - Liên hệ, phối hợp với những đối tác làm ăn là con nợ của khách hàng để thu nợ.
 - Chấm dứt việc tiếp tục giải ngân đối với những khoản vay giải ngân theo từng giai đoạn của dự án.
 - Đối với nhóm khách hàng có rủi ro trung bình và thấp:
 - Tiến hành theo dõi thường xuyên tình hình sử dụng vốn vay của khách hàng.
 - Định kỳ hàng tháng, mỗi cán bộ tín dụng phải báo cáo về tình trạng của khách hàng vay, tình trạng tài sản đảm bảo, tình hình phát vay, thu nợ

trong kỳ của từng khách hàng vay mà mình quản trị. Trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng.

Trích lập dự phòng trên cơ sở phân loại nợ theo cả những tiêu chí định lượng lẫn định tính.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực: Chi nhánh phải có kế hoạch giáo dục và đào tạo lại, thực hiện chính sách về phúc lợi thật tốt hơn nữa.

- Xây dựng bộ phận quan hệ khách hàng

3.2.8. Phát triển hệ thống công nghệ thông tin

Trong những năm gần đây, các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam đang tích cực nâng cao tính cạnh tranh và khai thác tối đa các cơ hội từ thị trường mang lại, đặc biệt là ở mảng dịch vụ ngân hàng bán lẻ. Thách thức lớn nhất ở mảng này là việc áp lực cạnh tranh gia tăng ngay trên thị trường nội địa khi Việt Nam mở cửa hội nhập và nhu cầu hay thay đổi của khách hàng, các NHTM của Việt Nam trong đó có Agribank đều phải xác định và có định hướng về việc buộc phải ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, phong phú của khách hàng. Bằng cách ứng dụng công nghệ ngân hàng điện tử hiện đại, các NHTM Việt Nam đã cho ra đời một phương thức cung ứng sản phẩm dịch vụ mới, đó là việc cung ứng sản phẩm và dịch vụ thông qua kênh phân phối bằng mạng lưới viễn thông và internet, được gọi là “ngân hàng điện tử”. Sự ra đời của dịch vụ ngân hàng điện tử đã làm thay đổi hoàn toàn mối quan hệ giữa người sử dụng dịch vụ và ngân hàng. Trước đây, khách hàng phải đến giao dịch trực tiếp với nhân viên ngân hàng, thì nay họ có thể thực hiện rất nhiều giao dịch với ngân hàng từ xa, mang lại tiện ích và giảm chi phí cho khách hàng.

Năm 2023 hứa hẹn mang lại nhiều chuyển biến tích cực trong tiến trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam. Các chuyên gia kinh tế đánh

giá cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã chạm đáy và bắt đầu một thời kỳ kinh tế phục hồi và phát triển mạnh mẽ. Các bài toán về xử lý nợ xấu, quản trị rủi ro và quản trị ngân hàng, song hành với việc đẩy mạnh tiến trình tái cấu trúc các ngân hàng sẽ tiếp tục là các thách thức trong năm 2023 và những năm tiếp theo. Mặt khác, các xu thế công nghệ mới hiện nay như Điện toán Đám mây, Điện toán Di động, Dữ liệu lớn, và Truyền thông Mạng Xã hội đang hứa hẹn mang lại nhiều giá trị mới như tăng cường tính linh hoạt, hiệu quả vận hành hệ thống CNTT, tăng cường khả năng nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hoá dịch vụ ngân hàng. Trong bối cảnh các xu thế công nghệ đổi mới và phát triển nhanh chưa từng có như hiện nay, vấn đề áp dụng và nhân rộng các giải pháp công nghệ ngày càng cấp bách đối với hệ thống ngân hàng nói chung và từng ngân hàng nói riêng.

3.3. Khuyến nghị thực hiện các giải pháp

3.3.1. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước

Ngân hàng Nhà nước mà cụ thể là Trung tâm thông tin tín dụng CIC cần thực hiện các giải pháp về công nghệ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ để tăng cường vai trò và nâng cao năng lực thu thập, xử lý, cung cấp thông tin nhằm hỗ trợ có hiệu quả đối với hoạt động của các tổ chức tín dụng, trở thành đầu mối cung cấp thông tin tín dụng cho các ngân hàng.

NHNN cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện cơ chế chính sách và hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan tới hoạt động tín dụng đặc biệt là tín dụng trung và dài hạn cần sát thực tế hơn, tránh sự chồng chéo, tạo thuận lợi cho hoạt động của ngân hàng được an toàn và hiệu quả.

Ngân hàng Nhà nước thực hiện các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ thận trọng, linh hoạt nhằm ổn định kinh tế vĩ mô - tiền tệ, các tín hiệu

của thị trường để có thể điều chỉnh cần thiết trong điều hành chính sách tín dụng, không để xảy ra những biến động lớn về lãi suất, tỷ giá làm tăng thêm bất lợi cho hoạt động tín dụng ngân hàng. Tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường liên ngân hàng phát triển.

Nâng cao vai trò quản trị của Ngân hàng Nhà nước, tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động của các tổ chức tín dụng để sớm phát hiện và xử lý kịp thời những vướng mắc, kiến nghị của các ngân hàng. Đồng thời ngân hàng Nhà nước cần nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các Ngân hàng.

3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Agribank

Ngân hàng Agribank thành lập bộ phận quản trị rủi ro tín dụng riêng biệt tại các chi nhánh, hỗ trợ về nhân sự trong đó thành phần là những cán bộ có chuyên môn cao, đội ngũ chuyên nghiệp, có năng lực thường xuyên theo dõi nhận dạng, đo lường các rủi ro có thể xảy ra, tính toán sẵn sách lược và chiến lược để hạn chế rủi ro có thể xảy ra và đưa ra những cảnh báo.

Ngân hàng xem xét, có thêm văn bản, chế độ hướng dẫn chi tiết, đầy đủ, kịp thời và chính xác nghiệp vụ tín dụng về việc thực hiện quy trình nâng cao chất lượng tín dụng theo tình hình kinh tế hiện nay để làm cơ sở và căn cứ cho các chi nhánh thực hiện nhằm đảm bảo an toàn tín dụng. Theo điều kiện của Chi nhánh sẽ có những thay đổi nhất định về bộ phận tiến hành hay cách thức tiến hành, song vẫn phải đảm bảo đầy đủ các bước, các nội dung chính quy định trong các văn bản. Trong quá trình thực hiện có bất kỳ vướng mắc hoặc phát sinh gì đều có thể yêu cầu Ngân hàng **Agribank** giúp đỡ.

Ngân hàng **Agribank** cũng cần có thêm dữ liệu về các ngành nghề, thống kê dự án, hiệu suất đầu tư để hỗ trợ thêm cho chi nhánh trong việc

đánh giá khách hàng, đánh giá dự án đầu tư.

Ngân hàng **Agribank** phối hợp với các chi nhánh để tiến hành khảo sát tổng thể theo từng khu vực hoặc địa bàn để có thể nghiên cứu và đưa ra nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng có tính đặc thù để chiếm lĩnh thị trường. Mở rộng các chương trình hoạt động marketing, quảng bá các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng trên các phương tiện thông tin đại chúng để hình ảnh và thương hiệu của ngân hàng, cùng với đó cũng cần đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng.

Ngân hàng nên đẩy mạnh ứng dụng công nghệ theo hướng thực tiễn và chủ động hội nhập công nghệ hiện đại đã được kinh nghiệm và thông lệ quốc tế khẳng định. Đồng thời nâng cao năng lực và xử lý thông tin phục vụ cho thẩm định, đánh giá khả năng vay trả, an toàn tín dụng và thông tin quản trị hệ thống. Một số kiến nghị: (i) ưu tiên trang bị hệ thống máy tính hiện đại, tốc độ cao và nối mạng cho các phòng cho vay tại Trụ sở chính và Chi nhánh; (ii) tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp các chương trình phần mềm phục vụ cho công tác thẩm định dự án như: chương trình quản trị cho vay, chương trình quản trị văn bản và diễn đàn trao đổi nghiệp vụ trong toàn hệ thống; (iii) xây dựng các phần mềm hiện đại phục vụ trực tiếp cho công tác thẩm định để nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian xử lý thông tin thẩm định khắc phục tình trạng thẩm định thủ công như hiện nay; (iv) thường xuyên tập huấn nghiệp vụ tin học cho cán bộ cho vay và cán bộ làm công tác thẩm định dự án cho toàn bộ cán bộ làm nghiệp vụ cho vay

Ngân hàng **Agribank** nên thường xuyên tổ chức các chương trình hội thảo, các lớp tập huấn về nghiệp vụ tín dụng, thẩm định và pháp luật để nâng cao trình độ của cán bộ làm công tác thẩm định và tín dụng trong toàn hệ thống. Thông qua các chương trình này, cán bộ tín dụng sẽ có một cách nhìn

toàn diện và nâng cao được kỹ năng phân tích của mình. Bên cạnh đó, để không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ tín dụng, Ngân hàng **Agribank** cũng nên tạo điều kiện hơn nữa về thời gian và vật chất cho cán bộ tham gia các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế.

Thực hiện tổng kết công tác tín dụng qua các năm, đúc rút kinh nghiệm, qua thực tiễn và tổng hợp lại thành những bài học, phổ biến trong toàn thể ngân hàng để hoạt động tín dụng thực sự có bài bản từ đó nâng cao cả về số lượng và chất lượng của công tác này trong thời gian tới.

Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước để tổ chức có hiệu quả chương trình thông tin tín dụng, nâng cao chất lượng và mở rộng phạm vi thông tin. Các thông tin phải cung cấp thường xuyên và đảm bảo chính xác, đầy đủ kịp thời giúp các chi nhánh phòng ngừa rủi ro một cách tốt nhất. Tăng cường hoạt động thanh tra kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống chấn chỉnh các hoạt động của các chi nhánh và đội ngũ nhân sự.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Sau khi đi vào phân tích và đánh giá thực trạng ở Chương 2, tác giả đi vào đề xuất các giải pháp để khắc phục các hạn chế đã nêu của ngân hàng Agribank chi nhánh Từ Liêm. Tuy nhiên, các giải pháp hoàn toàn có thể vận dụng và linh hoạt áp dụng cho các chi nhánh khác khác.

Để đưa ra các giải pháp, tác giả đã dựa vào tình hình bối cảnh kinh tế chung, chỉ ra mối liên hệ giữa bối cảnh kinh tế và rủi ro tín dụng. Từ đó kết hợp với định hướng kinh tế chung của ngân hàng Agribank trong bối cảnh kinh tế đó để đưa ra các giải pháp. Tương ứng với tám giải pháp đề xuất, tác giả cũng phân tích và chỉ rõ cách thức áp dụng và mục đích, ý nghĩa của từng phương pháp để có thể giải quyết được thực trạng hạn chế đã tồn tại và nêu ở chương 2 cũng như những khó khăn có thể xảy ra. Song song với việc đưa ra giải pháp, tác giả cũng mạnh dạn phân tích những điều kiện, khuyến nghị với các cá nhân, tổ chức liên quan để có thể thực thi và triển khai thành công các giải pháp.

KẾT LUẬN

Đối với con người, vận động là nguồn gốc của sự sống và phát triển, đối với ngân hàng, hoạt động tín dụng là biểu hiện chủ yếu sức khỏe của Ngân hàng. Bởi tín dụng là hoạt động then chốt trong hoạt động ngân hàng, đem lại nguồn lợi nhuận chủ yếu cho ngân hàng. Trên thực tế trong kinh doanh lợi nhuận cao thì rủi ro sẽ cao, trong hoạt động cho vay cũng vậy rủi ro luôn tồn tại và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Nhất là trong bối cảnh kinh tế thế giới và kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn như hiện nay thì nguy cơ xảy ra rủi ro là rất lớn và phức tạp. Đề tài ***“Hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank chi nhánh Từ Liêm”*** được thực hiện không phải để đưa ra được quy trình hay chuẩn mực cho công tác quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng Agribank mà ngược lại, đi từ thực tế quan sát, nghiên cứu, phân tích, đối chiếu và so sánh những lý luận, những hoạt động thực tiễn của các ngân hàng khác, quốc gia khác để hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank, hay nói cách khác, luận văn đi thực hiện những nhiệm vụ sau:

1- Luận văn đã khái quát cơ sở lý thuyết cơ bản về rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp, nguyên nhân rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp và nội dung công tác quản trị rủi ro tín dụng trong hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại.

2- Luận văn đi nghiên cứu thực trạng hoạt động cho vay của Agribank chi nhánh Từ Liêm trong giai đoạn từ 2019 đến năm 2022, đi sâu phân tích, lý giải thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng của Agribank chi nhánh Từ Liêm, qua đó đánh giá được những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong công tác quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng Agribank.

3- Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng

trong hoạt động cho vay tại ngân hàng Agribank chi nhánh Từ Liêm, luận văn đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị có tính khả thi nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank.

Đây là một đề tài không mới nhưng lại rất phức tạp, quy mô đối tượng nghiên cứu có mối quan hệ bộ phận – tổng thể trong việc quản trị rủi ro tín dụng, nên những đánh giá, phân tích, những giải pháp, kiến nghị không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Em hy vọng rằng đề tài này sẽ là bước khởi đầu tốt cho công tác nghiên cứu của mình sau này. Kính mong nhận được sự tham gia đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các bạn đọc để luận văn có điều kiện hoàn thiện thêm. Qua đây tác giả luận văn xin chân thành cảm ơn cô giáo – **TS. Nguyễn Tố Tâm** người đã tận tình chỉ bảo, định hướng cho tác giả trong suốt quá trình thực hiện để hoàn thành đề tài nghiên cứu này.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Quốc Hội (2010), *Luật các tổ chức tín dụng năm 2010*.
2. Chính Phủ (2021), *Nghị định 21/2021/ NĐ- CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành bộ luật dân sự về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ*
3. Ngân hàng nhà nước (2020)*Thông tư 23/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 quy định về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng*
4. Ngân hàng nhà nước (2021) *Thông tư số 11/2021/TT/NHNN ngày 30/7/2021 của thống đốc NHNN, có hiệu lực từ ngày 01/10/2021*.
5. Ngân hàng nhà nước (2023), *Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 có hiệu lực từ ngày 24/4/2023*
6. Ngân hàng AGRIBANK : *Báo cáo thường niên Agribank*
7. Ngân hàng AGRIBANK *Quyết định số 2929/QyĐ/NHNo-TD ngày 31/12/2021*.
8. Ngân hàng AGRIBANK *Quy chế 879/QC-HĐTV-TD ngày 28/12/2021 về đảm bảo trong hoạt động cấp tín dụng của Hội đồng thành viên*.
9. Ngân hàng AGRIBANK *Quy chế 599/QC-HĐTV-RRTD ngày 30/9/2021 của Hội đồng thành viên về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của Agribank*
10. Ngân hàng AGRIBANK *Quy trình số 1979/Qtr-NHNo-RRTD ngày 30/9/2021 của Tổng giám đốc về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro trong hoạt động Agribank*.

11. Ngân hàng AGRIBANK Quyết định số 25/QyĐ-NHNo-TD ngày 13/01/2022 về quản lý các khoản cấp tín dụng có vấn đề.
12. Ngân hàng AGRIBANK Quyết định số 225/QĐ-HĐTV-TD ngày 09/4/2019 của Hội đồng thành viên về ban hành Quy chế cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Agribank.
13. Ngân hàng AGRIBANK CN Từ Liêm(2020), Báo cáo tổng kết kinh doanh năm 2019 và triển khai nhiệm vụ năm 2020 của Agribank Từ Liêm
14. Ngân hàng AGRIBANK CN Từ Liêm (2021), Báo cáo tổng kết kinh doanh năm 2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021 của Agribank Từ Liêm
15. Ngân hàng AGRIBANK CN Từ Liêm (2022), Báo cáo tổng kết kinh doanh năm 2021 và triển khai nhiệm vụ năm 2022 của Agribank Từ Liêm
16. Ngân hàng AGRIBANK CN Từ Liêm (2022), Báo cáo thường niên của ngân hàng Agribank Từ Liêm năm 2019-2022
17. Đặng Thị Thu Hằng, Giáo trình 26/2023, Quản trị rủi ro tín dụng ngân hàng thương mại, Viện nghiên cứu khoa học Ngân hàng
18. Nguyễn Văn Tiến (2020), Giáo trình Quản trị rủi ro tín dụng trong kinh doanh ngân hàng – NXB Thống kê
19. Luận án tiến sỹ: " Nâng cao năng lực quản trị RRTD tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam", 2016, Tạ Đình Long.
20. Phan Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Thu Thảo (2002), Ngân hàng thương mại quản trị và nghiệp vụ, Nxb Thống kê, Hà nội
21. Nguyễn Minh Kiều (2006),Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng, Nxb Tài chính

22. Nguyễn Minh Kiều (2009), *Quản trị rủi ro tài chính*. Nxb Thống kê.
23. Nguyễn Thị Loan (2009), *Kiểm soát tăng trưởng tín dụng đối với các NHTM Việt Nam, Tác động và biện pháp Tạp chí Khoa học và đào tạo ngân hàng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh*.
24. Bế Quang Minh, *Rủi ro trong tín dụng chứng từ tại VPBank và các biện pháp phòng ngừa*.
25. Nguyễn Thu Nga (2010), *Tăng cường quản trị RRTD tại ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng*
26. Nguyễn Thị Cảnh Lan (2014), *Quản lý RRTD tại ngân hàng Agribank – trường hợp CN Từ Liêm – PGD Chèm*.
27. Lê Khương Ninh (2010), *RRTD trong cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các chi nhánh Ngân hàng BIDV khu vực Đồng bằng sông Cửu Long*.
28. Phạm Văn Sơn, Tạp chí ngân hàng (số chuyên đề 2005), *nâng cao năng lực quản trị rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt nam*.
29. Nguyễn Quang Thu (2008), *Giáo trình Quản trị rủi ro và Bảo hiểm trong doanh nghiệp*, NXB Thống kê
30. Ngân hàng Nhà nước (2013). Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
31. Nguyễn Thị Thu Đông (2012). *Nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trong quá trình hội nhập. Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân*

Tiếng Anh

32. Credit risk management fundamentals, KPMG (2010)
33. Thomas P.Fitch (1997), Dictionary of Banking systems, Barron's Educational Series, Inc, .
34. Frederic S.Mishkin (2001), *Tiền tệ, Ngân hàng và thị trường tài chính*, Nxb Khoa học và kỹ thuật
35. Hennie van Greuning – Sonja B rajovic Bratanovic (1999):”
36. Joshua Caval , Jakub Jurek, Erick Stafford(2010): *Managing Credit Risk*
37. Peter S.Rose (2004), *Quản trị Ngân hàng Thương mại*, Nxb Tài chính, Hà Nội.

Website:

38. <https://www.Agribank.com.vn>
39. <http://cafef.vn/tai-chinh-ngan-hang> Nguyễn Hằng, *Những cái nhất ở Agribank*
40. [tapchicongthuong](http://tapchicongthuong.vn)/Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ số 28 tháng 12 năm 2021
41. <http://dspace.elib.ntt.edu.vn>, Lê Nguyên Phương Ngọc, “*Quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh*”
42. <http://tinhot247.net/news/Thi-truong>, *Những 'kỷ lục Việt Nam' ở Agribank*
43. <http://www.agribank.com.vn/21/820/tin-tuc/hoat-dong-agribank.aspx>
44. <https://phantichtaichinh.com/quan-tri-rui-ro-tin-dung-tai-ngan-hang-dau-tu-va-phat-trien-viet-nam>